L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. - SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

QUAN-GIÁM

Từ ngày tôi đăng bài « Chấn-chỉnh quan-trường », nhiều người viết thơ trả lời, có người nói một cách rất thống-thiết, khiến cho kẻ độc-giả phải động lòng, cho nên tôi tuy bận việc, mà cũng gắng viết thêm một bài này, để thỏa lòng kẻ đồng-chí.

Có người không viết thơ mà nghĩ rằng tôi đã qua đàng cho nên muốn lấp ngõ, đã qua sông cho nên muốn giựt cầu ! Nghĩ như vậy thì sai lắm : sanh ra trong nhà thế-hoạn, đương ở trong chốn quan-trường, và con cháu ngày sau tưởng cũng có người theo đàng thế-nghiệp, có lẽ đâu tôi lại lấp ngõ giựt cầu ? Chẳng qua tôi làm một cái nghĩa-vụ đó mà thôi.

Mỗi người đều có nghĩa-vụ đối với tương-lai ; ở trong nhà ai cũng lo sửa cửa sửa nhà để cho con cháu, ở trong làng ai cũng muốn cải-lương hương-lệ để lại đời sau, ở trong thành-phố người nào cũng ưng đàng-sá sửa-sang cho đẹp hơn trước, ở trong nước người nào cũng trông việc nước chấn-chỉnh cho tốt hơn xưa ; vậy thì ở trong quan-trường mỗi người đều phải lo chấn-chỉnh lại cho tử-tế để cho đời sau, không làm như vậy thì không có tấn-bộ.

Ngày 30 Septembre 1919 nhựt-báo « Hải-phòng tân-văn » (*Courrier d'Haiphong*) có đăng một bài xã-thuyết của ông Lavernhe luận về hiện-tình thượng-du Bắc-kỳ, đại-ý rằng : khi người Đại-Pháp mới đến bảo-hộ xứ này, thượng-du Bắc-kỳ bị giặc Khách tàn phá, quan binh dẹp yên, dân cảm-phục ; mấy năm nay, xem lòng dân tín-phục Nhà-nước có hơi sơ, vì có ba cớ : một là tại quan An-nam, hai là tại thương-chánh, ba là tại thuế chánh-ngạch. Các quan An-nam bổ lên thượng-du, không ý ở lâu, lo làm giàu cho mau, để xin đổi xuống trung-châu ; thương-chánh lập ra để phòng thuốc-phiện lậu, lợi không bao nhiêu, mà dân phải bị nhiều ; thượng-du người ít, ruộng hẹp, và không được tốt, mà muốn đánh thuế như trung-châu, thì dân không chịu nổi. Trừ ra cái vấn-đề thương-chánh và thuế, các quan ta ở đâu cũng bị công-kích ! Dân thượng-du không tín-phục Nhà-nước là bởi quan An-nam ? Lời trách ấy không bằng-cớ, mà rất nguy-hiểm cho quan ta ; vì người đọc báo không có thì giờ mà suy nghĩ, cứ bằng theo lời báo mà trách quan ta, thành ra quan ta mang tiếng. Quan ta mang tiếng lắm, vì bởi đồng-tiền, không lẽ các quan đều là người thông-đạt mà cũng phải bị đồng-tiền che mắt mà không trông thấy tiền-đồ ?

Ý tôi muốn giúp kẻ thiếu-niên, cho nên viết bài này ; lời nói người đi trước thường-thường có ích cho kẻ đi sau. Trước khi nói « quan-giám » nghĩa là cái gương của nghề làm quan là gì, xin xét chữ quan là gì.

* * *

Ai nghe nói chữ quan cũng hiểu, mà chưa thấy ai cắt nghĩa cho rõ chữ ấy :

1º Sách Kinh nói rằng : « *Học cổ nhập quan* 學古入官 », nghĩa là học đạo xưa việc xưa vào làm quan, tức là người làm quan đều biết việc xưa. Câu ấy không đúng ; người học cổ không phải đều làm quan cả, mà người làm quan chưa chắc đều thông cổ. Đời xưa làm gương cho đời nay, đời nay làm gương cho đời sau, đời xưa là nguyên-nhơn của đời nay, đời nay là nguyên-nhơn của đời sau, làm quan phải biết việc xưa mới tổ-chức việc tương-lại được ; nhưng mà nhiều việc kết-quả trong hai ba mươi năm, cho nên làm quan không phải nên biết việc thượng-cổ mà thôi, mà phải biết việc trung-cổ, việc cận-thời, và việc đương-thời, tưởng các quan ta thuả xưa lầm theo câu ấy, cho nên nhiều ông chăm học việc cổ mà sơ việc kim ; vả lại, chỉ học việc cổ nước Tàu, mà không rõ nước Tàu bây giờ, còn việc nước mình cổ kim không chăm đến, cho nên sự kết-quả ngày nay, tưởng ai cũng trông thấy.

2º Sách Truyện nói rằng : « *Học ưu tắc sĩ* 學優則仕 », nghĩa là học giỏi thời làm quan, câu ấy cũng không đúng. Những người học giỏi không phải đều làm quan, những người làm quan chưa chắc đều học giỏi ; vả lại, học giỏi là học những cái gì ? Nếu cái gì cũng giỏi, thì không ai làm quan được !

3º Quan là những người « phò Vua giúp nước », câu ấy thiệt là đàng-hoàng, nhưng mà cũng không đúng. Bởi vì các quan không phải là phò Vua giúp nước cả, thì như ông quan kho bạc cả năm chỉ lo thâu bạc xuất bạc, ông quan lục-lộ cả năm chỉ lo làm đàng làm nhà... vân vân, thì có phò Vua giúp nước gì đâu ? Nếu nói rằng mấy chức ấy làm những việc ấy đều có ích cho nước, tức là phò Vua ; nói như vậy thì bất-luận người nào làm được việc gì có ích cho nước tức là phò Vua, không phải làm quan mà thôi.

4º Quan là những người có quyền, cho nên có chữ « quan quyền ». Câu ấy cũng không đúng, các quan lục-lộ, các quan dạy học đều là quan, mà không có quyền chi cả, còn linh cảnh-sát không phải là quan mà được phép khám soát, trích bắt.

5º Ông Đỗ Thận có viết ở đâu đó rằng : « Quan cũng một nghề, làm thuê cho nước », mới nghe qua tợ-hồ tác-giả có ý bi-lý ; nhiều ông luật-sư cũng nói như vậy, nhưng cũng không đúng : thí như một người lòng-tòng (*planton*), ăn lương của Nhà-nước, tức là làm thuê cho nước, nhưng mà không phải là quan.

Chữ quan không giải ra được một câu bao-quát cả các hạng quan, vì là quan có nhiều hạng. Quan có nhiều hạng, là tại Nhà-nước làm nhiều việc khác nhau cho nên phải dùng nhiều hạng người. Nhà-nước đã làm việc của Nhà-nước như là việc cai-trị, việc tư-pháp, việc cảnh-sát, Nhà-nước lại làm việc của người tư, như là lập công-ty hỏa-xa, bán thuốc-phiện, bán muối, vân vân. Nhà-nước làm việc người riêng, vì là có quyền pháp-nhơn (*personne morale*), hiện bây giờ Nhà-nước Đông-dương cũng có vay, cũng mắc nợ, cũng mua bán như người thường ; làm việc trong sở hỏa-xa của Nhà-nước, hay là trong sở nha-phiến, trong sở muối, cũng như làm việc trong các sở của người riêng, nhưng mà làm với Nhà-nước thì gọi là quan ; vì vậy cho nên các ông luật-sư chia các chức quan làm hai hạng : một là chức được làm quyền (*fonctions d'autorité*), hai là chức làm việc (*fonctions de gestion*). Chức được làm quyền như các quan cai-trị, tòa-án, cảnh-sát... ; chức làm việc như các sở lục-lộ, sở dạy học, sở giấy-thép...

vân, vân. Vậy thì quan là những người Nhà-nước dùng để mà làm quyền hay là làm việc.

Nếu theo cái lý-thuyết rằng quan là người làm thuê cho Nhà-nước, thì quan đối với Nhà-nước như có một cái khế-ước. Tuy có ông luật-sư không theo lý-thuyết ấy, mà lý-thuyết ấy tợ-hồ cần-thiết. Nhà-nước không ép ai phải làm việc cho Nhà-nước, ai muốn làm thì xin làm, Nhà-nước có cần dùng mới dùng; khi Nhà-nước đã nhận một người là Nhà-nước dã ưng dùng người ấy mà người ấy cũng ưng làm việc với Nhà-nước, hai bên đều bằng lòng.

Nếu theo cái lý-thuyết khế-ước, thì phải có hai bên thuận tình, mà đã có hai bên, thì mỗi bên đều có nghĩa-vụ, có quyền-lợi. Xem như quan ta: Nhà-nước đã nhận một ông quan thì Nhà-nước phải cấp bổng, mỗi tháng từ mấy chục đồng đến mấy trăm đồng; ông nào làm đủ niên-hạn, về hưu thì có hưu-bổng, nếu chẳng may mất sớm thì vợ con được lãnh hưu bổng tam phân chi nhất — (vợ con các hưu-quan ở Trung-kỳ không được hưu-bổng, vì theo lệ riêng xứ ấy); — ngoài cái nguyệt-bổng, các quan lại được hưởng cái vinh-dự riêng hơn các hạng người khác cũng làm việc với Nhà-nước, là quan đến mấy phẩm thì con được ấm-sinh, con trưởng được ấm-thọ, và được phong-tặng cho cha mẹ ông bà cho đến tam-đại; ông nào có công-lao lại được phong tước. Ấy là nghĩa-vụ của Nhà-nước. Nhà-nước đã làm nghĩa-vụ thì được có quyền-lợi, như là bắt các quan phải có những tư-cách sẽ kể sau kia.

Các quan ông nào đã làm nghĩa-vụ, là đã tuân theo thể-lệ của quan-trường, thì được có quyền-lợi, như đến niên-lệ mà không có tội-lỗi chi, thì được xin thăng trật, ăn thêm bổng.

Nếu các quan ông nào không làm nghĩa-vụ thì sẽ phải phạt; nếu Nhà-nước không làm nghĩa-vụ của Nhà-nước đối với quan thì làm sao? Vì thế cho nên các nước văn-minh có lập tòa-án cai-trị (*Conseil du contentieux*) để xét những đơn kiện Nhà-nước. Ở Hà-nội và Sài-gòn cũng đã có tòa-án ấy.

***

Cái gương của quan-trường tức là cái nghĩa-vụ của các quan, cái nghĩa-vụ của các quan tức là cái quyền-lợi của Nhà-nước. Nhà-nước ưng các quan có những tư-cách gì? Nhà-nước dùng nhiều hạng người, ưng mỗi hạng người có tư-cách riêng: quan cai-trị phải có tiên-kiến, phải biết tài-đinh cho lanh, phải khôn-khéo... v. v. (*de la prévoyance, de la décision prompte et de l'habilité... etc*); quan tòa án phải thuộc luật-lệ, phải thanh-liêm, phải không thiên-vị... v. v. (*du savoir, de l'intégrité, de l'impartialité... etc*); quan lục-lộ phải biết phép công-tác, quan dạy học phải biết phép sư-phạm... v. v.

Nước ta từ xưa không chia quyền các quan; tuy sách có chữ «tùy tài thọ dụng», nhưng mà thường thấy nhiều ông năm nay làm chức này, năm sau làm chức khác, năm sau nữa làm chức khác nữa... việc gì cũng làm, mà không tinh việc gì! Vì dùng quan theo một cách, cho nên muốn các quan đều có những tư-cách chung. Các tư-cách ấy đã biên ở trong lời sắc. Sắc của các quan ngũ-phẩm thường có câu rằng:

Viết thanh viết thận viết cần,

曰 清 曰 愼 曰 勤

Quan chấm thị địch;

官 箴 是 遹

Hữu du hữu vi hữu thủ,

有 猷 有 爲 有 守

Chánh thuật dụ nghi.

政 術 攸 宜

Nghĩa là làm quan thì phải thanh-liêm, cẩn-thận, cần-mẫn, và ra làm việc thì phải có mưu-du, tài-năng và thao-thủ. Ấy là sáu đức của quan-trường.

Trong sáu đức ấy, cái nào mà các quan phải có trước hết? Ông Nhạc Võ-Mục nói rằng : « Quan văn không ưng tiền, quan võ không sợ thì thiên-hạ thái-bình »; theo ý ông Nhạc Phi thì các quan văn phải lấy thanh-liêm làm trọng, nhưng không biết có phải ý Nhà-nước như vậy không ? Muốn biết ý của Nhà-nước thì phải cứu luật-lệ.

Không thanh-liêm là tham-nhũng mà quan tham-nhũng thị như ăn trộm. Người thường ăn trộm của người thường dưới một lượng phải trượng 60, trên 120 lượng phải giảo giam hậu ; người thường ăn trộm của kho là của Nhà-nước thì phải phạt nặng hơn, dưới một lượng phải trượng 70, trên 80 lượng phải giảo giam hậu. Quan ăn tiền mà xử đoán theo phép thì phải phạt như người thường ăn trộm của người thường, xử đoán trái phép thì phải phạt như người thường ăn trộm của Nhà-nước. Quan ăn trộm của kho phải tội nặng hơn, dưới một lượng phải trượng 80, trên 40 lượng phải trảm giam hậu. (Xem *Hoàng-Việt luật-lệ*, điều thứ 238, 234, 312, 233).

Không cẩn-thận là sơ-suất, như dâng phiến-sớ tâu việc mà phạm chữ ngự-húy ; như coi kho thì phải thâu đồ mới mà phát đồ cũ, mà làm lộn không theo phép ; như hiệp-hòa ngự-dược mà không theo phương thang ; như làm mất hay là làm hư chế-thơ ấn-tín... v. v. Phạm ba tội trên, phải phạt đến trượng 100 là cùng, phạm tội thứ tư, phải trảm giam hậu, bởi vì chế-thơ ấn-tín là vật quan-trọng, không cẩn-thận để đến nỗi mất hay là hư cho nên phải phạt nặng hơn. (*H. V. L. L.*, điều thứ 61, 62, 124, 141).

Không siêng-năng là lười-biếng, như không có duyên-cớ chi mà không đi chầu vua, làm việc quan thì để chậm-trễ, có người đáng dẫn kiến chầu Vua mà không dẫn kiến, có kẻ báo có người mưu phản-nghịch mà không cho đi bắt lập-tức, để đến nỗi sinh loạn..... v. v. Phạm hai tội trên đều phải phạt đến trượng 80 là cùng, phạm hai tội dưới đều phải trảm giam hậu. (*H. V. L. L.*, điều thứ 55, 65, 152, 303).

Cáo-trạng bất thọ-lý phải phát nặng đã cố-nhiên, triều-kiến lưu-nang, mà cũng phải trảm giam hậu, vì là phạm tội ấy có hai lẽ : một là lười biếng thì không đáng phạt nặng, hai là có ý ủng-tắc Thượng-văn nghĩa là không muốn cho Vua nghe biết tình-tệ dân-gian, tội ấy phải phạt nặng. Xem như vậy thì nước ta tuy theo chuyên-chế chánh-sách mà muốn cho Vua gần dân, việc gì ở dân-gian cũng nên thấu tai Vua, ai mà muốn ngăn lấp Thánh-minh thì phải phạt nặng.

Làm quan mà vô-mưu như làm đại-thần chọn quan mà không tâu cho Vua biết, việc đáng tâu không tâu, hay là tiết-lậu quân-tình đại-sự, hay là khích-biếm lương-dân, nghĩa là ngày thường không hay nuôi dân dạy dân để đến nỗi dân làm phản..... v. v. Phạm mấy tội ấy đều phải trảm giảo giam-hậu. (*H. V. L. L.*, điều thứ 47, 63, 184, 192).

Hữu-vi là người làm được việc, vô-vi là người không làm được việc, như làm quan mà hỏi đến luật-lệ thì không biết, cử quan thì cử những quan-lại đã có lỗi, xử kiện thì không theo phép luật, đi coi đốc công mà nhận những tài-liệu xấu, dùng không được..... v. v., quan như vậy là không làm được việc gì, nhưng mà phạm những tội ấy chỉ phải giam tù là cùng. (*H. V. L. L.*, điều thứ 59, 52, 387, 390).

Làm quan phải có thao-thủ, nghĩa là phải có bản-lãnh, bản-lãnh trọng yếu nhứt là trung hiếu, bất-trung bất-hiếu như là làm phản hay là giết ông bà cha mẹ, đều phải cực hình,

phải lăng-trì, nghĩa là phải xẻ thây ra miếng ; nhưng mà người trong nước, ai phạm tội ấy đều phải phạt như vậy, không phải quan mà thôi. Tội riêng của các quan về mặt thao-thủ nặng nhất là tội xu-mị đại-thần ; dâng phiến tâu Vua khen đức-chánh của đại-thần thì phải trảm giam hậu, vợ con phải phát nô, tài-sản phải nhập quan. Các quan đại-thần là những người gần Vua, Vua đã biết rõ đức-chánh của các ông ấy rồi, cần gì phải tâu khen, chẳng qua là « phùng-nghênh để mong cho các ông đại-thần tiến-dụng, hay là xu-mị để trả ơn riêng » ; vì vậy cho nên phải phạt nặng. (*H. V. L. L.*, điều thứ 223, 273, 58).

Xem như vậy, trong sáu đức của quan-trường vừa kể trên này, luật-lệ trọng cái thao-thủ hơn hết ; phạm các tội kia chỉ tội tại bản-thân, phạm tội xu-mị đại-thần, phải phạt liên đến vợ con và phải mất cả của-cải.

Luật phạt nặng tội «a-phụ đại-thần», tưởng có hai lẽ : một là sợ đại-thần có nhiều người a-phụ, nhơn đó mà làm rối triều-cương ; thuở xưa nếu không có người a-phụ, tưởng ông Lê Hoàn, Lý Công-Uẩn, Trần Thủ-Độ, Hồ Qui-Ly không làm chi nên việc ; hai là luật muốn cho các quan giữ lòng chánh-trực ; chẳng những luật cấm a-phụ đại-thần mà lại cấm siểm-mị cả các quan thượng-ty ; như điều luật thứ 154 cấm-chỉ nghênh-tống, phàm quan thượng-ty hay là những người có phụng triều-mạng đi ngang qua tỉnh thì phải đón rước, nhưng không được ra khỏi quách, ai không tuân thì phải trượng 90. Lời chú-giải nói rằng quan thượng-ty đến hạt mà không nghênh-tiếp là thất-lễ, ra khỏi quách mà nghênh-tiếp là siểm-du. Bây giờ nhân có hỏa-xa tiện-lợi, các quan đưa rước quan trên, thường ra khỏi hạt, tựa-hồ phạm luật điều thứ 154, nhưng mà ở trong hạt hay là ra khỏi hạt, đàng đất nghênh-tiếp xa gần không quan-trọng chi lắm, cốt-yếu là không xu-mị.

Những người xu-mị không phải là người, luật cấm các quan xu-mị là muốn các quan làm người, ấy là một lẽ tự-nhiên. Người sinh ra trong đời, mới sinh ra thì sinh ra người trước, không ai sinh ra mà đã làm quan ! Quan-chức như cái áo, nay mặc áo này, mai mặc áo kia, mà cốt là làm người trước. Hễ làm người giỏi thì làm quan hay.

Quan Toàn-Quyền Sarraut cũng có cái tư-tưởng ấy, khi ngài về đến qui-quốc, ngày 18 tháng 6 năm nay, những lính chiến-binh công-binh An-nam đến chào, ngài đọc một bài diễn-thuyết có câu rằng : « Chúng ta đã đem sang xứ các anh phép cai-trị theo công-lý, chúng ta đã làm cho các anh thành người, theo cái nghĩa hoàn-toàn và cái nghĩa luật-lệ của chữ ấy. » (*Nous avons apporté dans votre pays le régime du droit, nous avons fait de vous des hommes dans le sens total et juridique du mot*).

Nói rút lại, cái gương của quan-trường là làm người trước nhất.

Tổng-đốc Thân Trọng-Huề

La plante humaine se pousse vigoureuse et féconde qu'autant qu'elle demeure soumise aux conditions qui formèrent et maintinrent son espèce durant les siècles.

Người ta cũng như cái cây, có sinh-trưởng ở nơi đất tốt thì mới lớn mới mạnh được.

Maurice Barrès

DƯ-LUẬN VỀ BÀI "CHẤN-CHỈNH QUAN-TRƯỜNG"

CỦA

QUAN TỔNG-ĐỐC THÂN TRỌNG-HUỀ

Nhân bài « Chấn-chỉnh quan-trường » đăng trong Nam-phong *số 26, quan Thượng* THÂN *đại-nhân cùng bản-quán có tiếp được nhiều thơ của các bạn đọc báo biểu đồng-tình về cái vấn-đề bàn trong bài ấy, hoặc bàn rộng thêm ra. Có ông thuận-để đăng báo cho rộng đường dư-luận, có ông viết thơ riêng không muốn cho công-bố ra. Nay chọn ra mấy bài lục-đăng sau đây, cứ lấy địa-dư mà xét thời cũng có thể gọi là lời công-luận của khắp dân Bắc-kỳ vậy. Có bài ở Cao-bằng gửi xuống, có bài ở Thái-bình gửi lên, có bài ở Ninh-bình đưa ra, có bài ở Lạc-ninh đưa lại; nhưng phần nhiều là của các ông ở ngoài quan-trường cả. Trong quan-trường không thấy mấy ngài hưởng-ứng : hoặc là các ngài bận việc quan, hay là các ngài coi cái vấn-đề bàn đó là không đủ khinh-trọng ?*

N. P.

* * *

I

Thái-bình, le 22 Septembre 1919

Kính bẩm quan Tổng-đốc sung Thượng-thẩm-viện Thân đại-nhân các-hạ điện-chiếu.

Tôi có duyệt báo *Nam-phong* số 26, Cụ-lớn nói về việc chấn-chỉnh quan-trường, hỏi không kỳ trong vòng hay là ngoài vòng, ai có bẩm lòng trả lời Cụ-lớn biết. Tôi chức-phận nhỏ mọn, trước ngày cũng được hạ-thuộc quan-trường, và hiện đương làm đại-biểu thay mặt cho dân, thấy những sự quan tham lại nhũng, chỉ trời vạch đất, mong sao cái tệ ấy chóng được tẩy-trừ, ấy là hạnh-phúc của dân ta mai sau vậy. Nhưng mà chính-tích của ông Tích-Quang Nhâm-Duyên không được lại thấy, cho nên tôi phải lạm-hành tự-trị, tôi dựng khoán-ước làng tôi, trừ những việc bất-ưng, như là trộm cướp, mạng án phải đi trình quan, còn những việc tạp-tụng, trước hết phải thưa ở làng, phân-xử không xong mới được đi chỗ khác. Nếu bên nào không phục tình, đem thưa chỗ khác cũng xử như làng đã xử, thời bắt khoán rất nặng, truất cả ngôi thứ không ai được với người ấy cùng ngồi. Nếu ký-mục lý-dịch dụng-tình thiên-luận, xử không được công-bằng, cũng bắt khoán làm vậy. Từ đấy đến nay đã được 10 năm, dân đều yên-ổn, không có cái kiện nào đến quan. Xem như thế biết rằng dân mà tự-trị được, thời dẫu quan tham lại nhũng cũng không khoét vào đâu được, nhưng dân còn ngu-dại, có mấy nơi được tự-trị. Lời phương-ngôn có câu rằng : *Muốn nói dan làm quan mà nói..., Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ...*; lại có câu rằng: *Nén bạc đâm toạc tờ giấy..., Được kiện 14 quan 5, thua kiện 15 quan chẵn.* Những lời ấy là lời dân ta công-kích quan-trường. Còn như các quan Bảo-hộ thì thường nói những điều Cụ-lớn nói ở mục « Chấn-chỉnh quan-trường » trong báo *Nam-phong*, các quan có phải ông nào cũng đều thế đâu, nhưng thanh-liêm thời có ít, đã dành rằng dân ngu dại quan mới lấy được tiền, nhưng quan là cha mẹ dân, lẽ nào không mong cho con hay con giỏi,

đành để ngu dại trói-buộc mà lấy tiền mãi rư, có khác gì hùm ăn thịt con không ? Xem như tỉnh Thái-bình tôi, dân rất là điêu-ngoan hay kiện, các quan trước không việc gì là không thụ-lý, không nghĩ-xử, dân-đình kiện nhau cửa quan đông như là buổi chợ phiên ; từ khi quan Tổng-đốc Phạm Đàn-viên về cai-trị, ngài đem lòng thanh-liêm dối-dãi với dân, phàm lễ mừng lễ tết, tiền bạc không lấy, dân đến kiện thì chỉ hiểu bảo đuổi ra, ấy là ngài muốn cho dân không kiện, những kẻ hay đi kiện rất là thù oán, bỏ giấy nói xấu nhiều lần, thậm đến nỗi nó nói quan không biết hỏi kiện ! Bây giờ dân dễ được của ăn, không phải đi thuê thảy kiện, đâu đấy đều ca-dao chúc-tụng rằng : « nhất lộ phúc-tinh », có khác gì ông Tử-Sản làm chính ở nước Trịnh ngày xưa không ? Tỉnh mà được quan thanh-liêm, cả tỉnh đều được đội nhờ ơn đức, huống Cụ-lớn là nhất-phương Đại-lại, cầm cân lấy mực cả xứ Bắc-kỳ, vì thế Cụ-lớn nghĩ đến tình dân mà trừ được cái tệ-tục ấy đi, thì tiếng để muôn đời, không bao giờ mất được. Xem như ông Dương-Chấn ngày xưa là người Tàu chê vàng, đến nay đã hơn nghìn năm, tiếng thơm hãy còn nức để. Vả bây giờ đương lúc dân-trí bán-khai, việc chấn-chỉnh quan-trường kíp nên đổi sửa, xem như là việc trân-trọng quốc-hóa đủ làm tang-chứng, nhưng tôi trộm nghĩ làm chính cốt lấy được người là khó, cái tội tang-hối luật-lệ rất là nghiêm cấm, nhưng Vua thì xa, nha thì gần, quan thay mặt Vua trị dân, sao cho được chữ trí-chúa trạch-dân, sao cho xứng nha-bài cáo-chục ? Sách có chữ rằng : « Biểu đoan ảnh chính, nguyên khiết lưu thanh », nghĩa là nêu ngay thì bóng phải thẳng, nguồn sạch dòng nào dám đục, nếu các quan tỉnh, tỉnh nào cũng đều được như quan tỉnh Thái-bình bây giờ, thì chắc hẳn không có những lời như là ông L. L. trong báo tây bài-bác. Vả bây giờ Kim-thượng là đấng anh-quân, khi ngài đăng-quang tức-vị, ngài có Dụ-chỉ bảo rằng : « *Quan lại thân biền, quyết chức duy cần, chư ban hối lộ, thận độc trí sĩ nhi huy trừ* », nghĩ là ngài bảo các quan, không kỳ văn võ, phải hết bản-phận, những điều tham-ô hối-lộ, nên biết xấu hổ mà bỏ vơ đi. Từ khi có Dụ-chỉ đến giờ mới độ ba năm, chắc hẳn son mực chưa ráo, tờ Dụ chưa rách, chắc hẳn các quan chưa quên được, thế thì việc chấn-chỉnh quan-trường, kíp nên đổi sửa, trước là phụng-tuân Thánh-dụ, sau là thiếp-hợp quần-tình.

Nhân dịp chấn-chỉnh quan-trường, xin tẩy-trừ lại-tệ, những người đã làm việc ở nơi công-sở, như là thông-phán, kinh-lịch, thông-ngôn, ký-lục, các hạng thừa-phái, vân vân, nguyệt-bổng đã được tăng-cấp, lại được chiếu-lệ thăng-hàm, sao vẫn giữ thói tham-nhiễu ; xem như việc quan, trừ những việc quan trên sai khiến phải làm, còn dân-gian khiếu-tố việc gì, tựa-hồ như người làm thuê, không tiền không làm, nếu các quan không kíp tẩy-trừ, không khỏi mang tiếng dong-túng liêu-thuộc. Tôi ở chốn thôn-dã thô-bỉ, rãi bày mấy điều kính bẩm, xin Cụ-lớn biết.

Nay kính-bẩm.

ĐẶNG ĐÌNH-ĐIỂN
Bắc-kỳ nghị-viên
(Vũ-tiên, Thái-bình)

II

Phát-Diệm, le 20 Septembre 1919.

Bẩm quan Tổng-đốc Thân Trọng-Huề,

Tôi đọc bài « Chấn-chỉnh quan-trường » của quan lớn thì được biết ngài có ý muốn cải-lương một việc

rất có ích cho quốc-dân, là việc miễn cho dân không phải tết quan. Vì vậy tôi lấy làm vui mừng mà kính gửi mấy lời này để biểu đồng-tình với quan-lớn và xin ngài xét xem có nên đăng báo thì ngài đăng cho, tôi rất đội ơn và trông cậy quan lớn lắm lắm.

Trong các việc cải-lương về phong-tục ngày nay, tưởng chẳng có sự gì quan-trọng và ích-lợi cho bằng việc quan lớn Thân đại-nhân người đang chú-ý đến, ngài đang cổ-võ cho đồng-bang ta hiểu ý ngài mà đồng-thanh xin với Chánh-phủ gia-ân cải-lương hộ cho ta ; tuy việc ấy ta cũng có quyền tiện-nghi, nhưng bởi một cái trở-lực vô-hình nó khiến ta không làm nổi, phi không có Chánh-phủ giúp thì không xong.

Cái việc đó phạm đến quyền-lợi của quan-trường, mà nếu cải-lương được thì ích-lợi cho dân nhiều, danh-giá cho quan cũng lắm.

Bởi vì nếu dân được miễn tết quan thì đồng-niên dân đỡ ít ra cũng được hai cái tết, là tết Nguyên-đán với tết Đoan-dương.

Thí-dụ như một phủ hay một huyện có 60 xã, mỗi xã tết quan nhất nguyên, 60 xã thì 60 nguyên, nhân với 2 được 120 nguyên. Nếu Bắc-kỳ có 500 phủ huyện, thì 500 lại nhân với 120, vị chi là 60.000 $.

Sáu vạn ấy ở trong tay người lê-dân thì nó cũng như sáu vạn con lợn nái, nghĩa là lợn đẻ thì bạc cũng đẻ.

Còn như nó vào trong cái tủ sắt cao ngập đầu người, hay là vào trong cái tráp khảm xinh đẹp kia, thì chẳng những nó không đẻ nữa mà nó lại còn làm hại nhiều.

Cái hại thứ nhất là nó có thể làm cho ông quan không giữ được phép công-bằng.

Cái hại thứ hai là nhân sự mất công-bằng ấy mà giảm mất cái giá-trị của ông quan.

Cái hại thứ ba là nó làm ngăn-trở sự tiến-hộ của quốc-dân.

Ta thử xét kỹ ba điều hại ấy đã đủ khiến cho ta cải-lương cái tệ-tục ấy chưa ?

Về phần tôi thì tôi đã lấy làm đủ lắm rồi, tôi chỉ ước-ao đồng-bào ta ai ai cũng hớn-hở mà hoan-nghênh cái ý-kiến hay của quan Tổng-đốc để ngài xin với Chánh-phủ cho thì tất được.

Nếu vậy thì ngài dã dắt quốc-dân ta đi lên trên con đường văn-minh được một quãng dài. Khá mừng thay!

Dương Long
Chargé des P. et T.
à Phát-diệm (Tonkin)

III

Cao-bằng, le 17 Septembre 1919

Bẩm Cụ-lớn,

Chúng tôi được xem bài « Chấn-chỉnh quan-trường » trong báo *Nam-phong* số tháng Août, mà thừa lời Cụ-lớn dạy, chúng tôi xin bình-tĩnh mà thưa rằng: Điều bỏ cái lệ lễ quan đó rất hợp với lòng sở-nguyện của quốc-dân. Cái tư-lợi của một ông quan rất là hại cho tiền-đồ quốc-dân. Vậy Cụ-lớn xin với Chánh-phủ bỏ cái tệ ấy đi, thực là đích-đáng lắm. Chúng tôi mong rằng Cụ-lớn sẽ giúp Chánh-phủ trong việc cải-lương này cho thành-hiệu, thời cái phương-trâm mới con đường hoạn-lộ kia mới có ảnh-hưởng hay cho sự tăng-tiến của nước nhà được. Chúng tôi lấy làm mong lắm ! mong lắm !

Nay kính bẩm

Cao Đức-Khải
Giáo-học trường Pháp-Việt Cao-Bằng

IV

Kính bẩm quan Tổng-Đốc trọng-thần Thân-Trọng-Huề.

Hôm 24 Septembre 1919, nhân là ngày sóc mồng một tháng tám, có họp việc làng, tôi có đem báo *Trung-Bắc-Tân-Văn* số 755-756 và 757 ngày 17-18 và 19 Septembre ra tại đình đọc bài « Chấn-chỉnh quan-trường » trích ở báo *Nam-Phong* ra cho tất cả lão-thiếu kể hàng mấy trăm con người cùng nghe, đọc xong ai nấy cùng vỗ tay và kêu to lên rằng: Trên nhờ ân Nhà-nước Bảo-hộ, nhờ ân các quan v. v. có lòng chiếu-cố đến dân mà bỏ được tệ-tục tang-hối ấy đi, để khiến cho dân có thể bước lên trên con đường tấn-bộ được, thì thực là đại-phúc cho dân đó. — Trong đám cũng có mấy người lão-luyện nói thêm rằng: Nay được nghe bài đại-luận của quan Thượng Thân Trọng-Huề chẳng khác gì được trông thấy một vị « phúc-tinh » là quan cố Tổng-đốc Võ Trọng-Bình khi trước!

Vậy tôi xin theo ý và thay mặt cả mấy trăm người ấy mà nhiệt-thành công-nhận rằng việc tang-hối ấy nên tức-khắc bỏ đi là phải, nếu không thì hơn hai mươi triệu con tiên cháu rồng cùng phải coi như con nhà « ăn cướp » cả, vì các quan phần nhiều là « dân chi phụ mẫu », quan phụ-mẫu bị công-kích là « ăn cướp » thì dân tài nào tránh khỏi là con nhà « ăn cướp » được!

Nếu không cải-lương ngay đi thì tiền bạc càng ngày càng đầy túi quan mà dân tình càng ngày càng nghèo khốn.

Dân tức là gốc trong nước, dân-chúng bần-bàn thì Nhà-nước lấy đâu làm cường-thịnh?

Vậy chúng tôi đồng-thanh xin Chánh-phủ cải-lương ngay tệ-tục ấy.

Kính chúc

NGUYỄN VĂN-TỤNG
Tiên-chỉ làng Lệ-chi gần ga Phù-thuỵ, Bắc-ninh

V

Tôi đọc báo *Nam-Phong* thấy quan Tổng-đốc Thân ngài muốn xin Chánh-phủ cấm triệt sự tang-hối trong quan-trường mà ngài lại rộng phép cho những kẻ ngoại quan-trường được nói để hợp với ý ngài mà xin triệt những tệ-tục ấy đi. Bởi vậy tôi là dân, nghe thấy lời nói của ngài như thế, thời tấm lòng vui vẻ mừng rỡ vô-cùng. Vả lại từ khi ân-quốc sang bảo-hộ, lập ra công-báo đến nay, kể đã hơn 30 năm, mà cái ý của ông chủ báo nào cũng đã nói nhiều về việc đó, mà đến như các ông cử, ông tú, ông thông, ông ký và những bậc hiền-sĩ, lúc chưa được ra làm quan, thì vẫn thường gửi thơ cho các báo-quán, chê bỉ về việc tham-nhũng, hơn 30 năm nay chẳng có mấy tháng là không chua vào trong báo, mà xét kỹ gẫm xem, trên từ các quan lớn đến các quan phủ huyện, trong khoảng 30 năm nay, thì chỉ thấy thiên-hạ đồn rằng có quan Cao Xuân-Dục và quan Phạm Văn-Thụ là quan thanh-liêm mà thôi; đến như thời nay, xem ra các quan thường lại có phần muốn tư-lợi nhiều hơn khi trước, mà những ông cử, ông tú, ông thông, ông ký, và các ông hiền-sĩ, ký bổ mấy năm trước, nay được ra làm quan ở các nơi phủ huyện cũng đã nhiều, thế mà tôi cũng chưa nghe thấy người ở phủ huyện nào nói quan ở hạt ấy là thanh-liêm cả.

Than ôi! lúc chưa được làm quan mà trị dân, thì vẫn thường nói là thanh-liêm, lúc đã được làm quan mà trị dân, thời đem đổi chữ thanh-liêm gói kín lại cất đi một nơi, không hề bao giờ mà giở ra nữa! Tôi không dám nói chung, đây nói riêng những ông nào có lòng tham, nên nghĩ lại cho nhân-dân nhờ.

Vả lại các ông chủ báo chỉ có quyền nói mà không có quyền cấm ngăn, cho

nên nói lắm chán miệng, viết lắm chán tay, xem lắm chán mắt, nghe lắm chán tai, mà cái lòng tham của các quan vẫn không bao giờ mà chán được.

Nay xem quan Tổng-đốc Thân, ngài là một bậc Đại-nhân, chức ngài là một bậc Đại-thần, lòng ngài đại trung-chính, tuổi ngài đã lão-thành, ngài lại có quyền xin Chánh-phủ cấm ngăn được những việc tệ đã nói trên kia, ngài đã biết khắp hết được những tình-tệ ấy, nên bây giờ ngài muốn xin cấm ngăn đi, ngài sẵn lòng nhân-đức, thương đến những tình dân-gian uất-ức, cho nên ngài bàn ra những điều chính-trực thanh-liêm, để mà triệt những sự tệ ấy đi.

Tôi vui mừng quá, chắc rằng từ nay trở đi, các quan An-nam ta hẳn giữ thanh-liêm, mà dân-gian bớt sự phiền-nhiễu, và các ông chủ báo cũng đỡ phải nhọc lòng nghĩ ngợi về những thói tệ ấy nữa, không biết rằng có chắc được quả-quyết như thế không?

Sau tôi riêng nghĩ lại cũng là không chắc, là tại làm sao vậy? Tôi xét kỹ lại, như dân tôi là một dân nhỏ, tôi thấy Nhà-nước mở đường khai-hóa, nghị-định ra việc cải-lương, tôi tuân theo phép cải-lương, tôi đàm-luận với những kỳ-mục trong làng tôi, để xin phép các quan trên mà lập một cách cải-lương hương-ước, thì những kỳ-mục đều là thỏa-thuận, và trước hết tôi làm một bài cải-lương, và 15 điều cách-thức cũng tựa như các hội của Nhà-nước, tôi làm giấy trình quan Đốc-lý M. Tournois, quan Đại-lý M. Maurousse và quan huyện Hải-an, ơn nhờ quan Đốc-lý duyệt-phê giao cho quan Đại-lý và quan Huyện, đã về dân làng tôi để hiểu-dụ và giúp đỡ cho việc lập thành cải-lương ấy. Nhưng chẳng may mà gặp ngay buổi tây-thổ can-qua, quan Đại-lý phải về tây giẹp giặc, ngài có giao lại cho quan Đại-lý mới, rồi mà giao đi giao lại trải bốn năm quan Đại-lý và năm sáu quan Huyện, mà các việc đó, thì các quan Đại-lý giao cho các quan Huyện để lập thành cho, mà quan Huyện nào khi mới đến cai-trị ở huyện tôi, cũng có lời khen và bảo để giúp đỡ lập thành cho, lần lần rồi cũng chẳng nên được việc gì cả. Tôi xét cho kỹ, việc không nên đó là cũng bởi không đồ yểm tâm, ít lễ khấn, nên các quan Huyện chúng tôi không thương đến chăng?

Vả lại việc cải-lương ấy, thì các quan chỉ có ý sợ mất mối lợi-quyền và có ý đợi tôi khấn lễ, nên để do-dự mãi, mà đến cả những kẻ mọt già ở làng tôi cũng có ý sợ mất đường nghiến đục, nên lần-lữa mà dìm-dập đi. Tôi theo đuổi sáu bảy năm trời, mỗi một tốn công, cũng có lúc muốn kiếm chút lễ cho xong. Song nghĩ lại đã cải-lương mà còn cúng lễ thì không biết khấn làm sao, thôi thì cũng đành chịu vậy.

Ấy huyện tôi là một nơi ở gần thành-phố, gần quan bảo-hộ, gần giáo-hóa, và làng tôi là một làng rất nhỏ hẹp, rất ít người, mà cái việc cải-lương tôi đã định đó, là một việc thật công-ích, thật tiện-lợi, chắc cũng không mất mối mất miếng thiệt hại gì đến ai, thế mà cũng không lập xong, huống là một cõi Bắc-kỳ, bao nhiêu là tỉnh-thành phủ-huyện, mấy nghìn quan lớn quan bé, có lẽ nào mà cấm đi được! Cho nên trước tôi xem thấy lời quan Tổng-Đốc Thân bàn ra, thì nhiều điều mừng rỡ, sau tôi nghĩ lại lắm nỗi tức mình, cải-lương không thành vì quan tham-nhũng.

Nhân dịp nói về cải-lương, mà tấm lòng tôi nao-nhiệt hơn 20 năm nay, mối tình tôi uất-ức trong sáu bảy năm nay, mới dám thổ-lộ ra, muốn đem bài khải cải-lương và 15 điều cách-thức cải-lương, đưa vào trong báo, nhờ ông chủ báo đăng giùm, để thêm chứng-cớ cho bài đại-luận của quan Tổng-đốc Thân đại-nhân.

*
* *

Bài khải cải-lương

Tỉnh Hải-phòng, huyện Hải-an, Tổng Đông-khê, xã Phụng-pháp, tên tôi là Vũ Văn-Cung kính thưa các kỳ-dịch sắc-mục trong làng nói về việc xin thay đổi khoán-ước, mong chư-ông xét cho.

Kính tỏ rằng :

Nhà-nước có luật-lệ, dân làng có khoán-ước, để làm giấy mực, vẫn là lẽ phải, nhưng mà tôi nghĩ rằng cũng không nên lấy nhất-định mà cố-chấp, bởi là luật-lệ khoán-ước giản-tiện, thời nước thịnh mà dân yên vui, luật-lệ khoán-ước phiền-nhũng, thời nước nguy mà dân tán-hoán. Vả thời-vận mỗi đời một khác, cho nên nhà Hạ chuộng trung, nhà Ân chuộng chất, nhà Chu chuộng văn, cũng là tùy-thời thay đổi cho thỏa lòng dân. Xem như thế thời khoán-ước đời xưa chắc rằng đời nay không hợp, vì vậy ở đời mà biết thời-thế, thì những dân anh dân phải nên sửa-sang thay đổi khoán-ước, để cho thỏa dân, thời mới được gọi là người thông-quyền đạt-biến, mà dân làng mới được nên thói văn-minh. Nước Nam đời xưa thói vẫn thuần-phác, đến đời vua Sĩ-vương, dậy dân thi-lễ, mà văn-hiến khắp khen, kịp về sau đời đổi thói rời, văn nhiều hơn chất, mà dân-gian ranh chuộng phiền-hoa, đến nay càng ngày càng tệ : quanh xem các làng, đâu đâu cũng thế ; như làng ta nay đua chuộng phiền-hoa, kể sao xiết nỗi. Mừng nay Nhà-nước Bảo-hộ dạy khôn, trống cảnh-tỉnh khua vang bờ cõi, như gọi người ngủ, mở bằng giấc mộng, soi tỏ gương tầu, mong cho dân ta rửa sạch đường quê, mở đường phương-tiện. Nay những việc nước Pháp vì nước ta mà dựng đặt, nhiều đã nên công, đều là dân ta mắt trông tai nghe, ai ai cũng biết, như lúc này chẳng nhân thời bắt chước mà thay đổi, còn đợi bao giờ? Mà làng Phụng-pháp ta ở cạnh thành-phố Hải-phòng ba bốn cây-lô-mét, mà Hải-phòng nhờ Nhà-nước mở-mang dậy-dỗ đã hơn 40 năm nay, ấy là dân làng ta được riêng nhờ giáo-hóa Nhà-nước, gần như thế mà lâu như thế, mà chỉ khư-khư một niềm thói cũ khoán xưa, người này rằng phép-tắc ông cha, ai dám thay đổi, người kia rằng khoán-ước ngày trước, ai dám bỏ rời, ngày nay tế thần khoe của, ngày mai báo hiếu ranh hơn, buổi sớm đám tang, chiều hôm đám hỉ, chỉ kể lể những lệ này lệ khác mà tị nhau, người làm rồi thường nhắc đến người chưa làm, người làm sau gắng gượng theo người làm trước, giầu thì có phận, khó cũng chẳng tha, tháng qua năm lại, khôn biết bao rồi, để làm trò cho người văn-minh cười hủ-lậu ! Tôi nghĩ rằng người giầu có thừa tiền sẵn thóc, bữa ngày thường cũng sắm đủ của ngon vật lạ, chẳng là gặp việc tế thần báo hiếu, một rằng hết sức thờ thần lấy cầu phúc, một rằng hết đạo làm con lấy đền ơn, dẫu phí-tổn trăm nghìn, lòng nào có ngại ; đến như kẻ nghèo, chạy xuôi chạy ngược, lo mặc lo ăn, vẫn còn chưa đủ, gặp đến lượt sự-thần cai-đám, hoặc mẹ héo cha già, chồng vợ lo toàn, đến ngày tính toán, chạy chốn nợ xọ chốn kia, cầu sao cho đủ lễ-nghi, mong sao cho xong lệ lượt, lấy như thế mà tế thần, thần nào nỡ hưởng, lấy như thế mà báo hiếu, hiếu có ích gì ! Nay sự thờ thần báo hiếu đã rồi, lũ ta được dự hàng đầu-mục trong làng, cỗ biếu phần đưa, chẳng qua cũng một giống thừa rưỡi, miệng nhai lòng ngẫm nghĩ, sực tưởng đến người lo được lệ, mỡ lợn chẳng khác mỡ người; ăn sao đắng mà lòng sao đang, tình-cảnh ấy tôi nghĩ lòng tôi, thì tôi chắc chư-ông cũng cùng lòng ấy. Phương-ngôn có câu rằng : *Lệch giường nằm siết đến da, ai ai trông thấy cũng là sót thay* ; lại có

câu rằng : *Muốn cho làng thịnh dân giàu, đàn anh chớ có đè đầu đàn em ;* vậy tôi chẳng ngại lời quê, dám bày mấy chước :

Một chước là xin theo nghị-định Nhà-nước, chọn bầu tộc-biểu ;

Một chước là xin toan tính của công, để làm công-ích ;

Một chước là xin bỏ bớt thói cũ, đặt khoản-ước mới.

Trong ba chước ấy trừ khoán-ước để ngoài, hiện đã đưa những việc tiện-nghi chia làm 15 khoản, bày ở sau này.

Còn như bài này, là xin kể một đoạn đầu cuối tình-lý thời-nghi, gọi là bài khải cải-lương tiểu-dẫn, đưa trình chư-ông, mong chư ông soi xét, ấy là tôi ngày đêm tư-tưởng cân-nhắc đo-lường, rõ ra một sợi huyết con tim, trước là nói tỏ tình ẩn dân làng, sau là lạm dâng việc phương-tiện, phỏng chư-ông cùng lòng xét nhặt, gắng sức vui làm, thì chẳng những dân làng ta vui lòng hớn-hở, mà đến mọi người văn-minh cũng nên yêu-mến, thật là có ích mãi về sau.

Phương-ngôn có câu rằng : *Chữa bệnh đã biết bệnh-nguyên, dùng thuốc xin chớ ngại tiền nỡ lâu.* Việc làm mà quả-quyết thì nên, rùng-rằng thời trễ-nải, xin chư-ông kỹ nghĩ. Phòng chư-ông lấy lời tôi nói là chưa phải lẽ, bảo tôi là đánh đàn môi, đua dài mỏ, tôi xin cũng cam lòng. Song tôi đã trót dâng trình quan Đốc-lý quan Đại-lý và quan Huyện, các quan đã soi xét cho, tôi tưởng rằng các quan cũng mừng thầm cho dân ta sắp nên được thói tốt, phỏng sau này nên được hay chẳng nên được, bởi dân ta may với chẳng may. Quả như thế thời toan đồ cho trời hay đồ cho người, hẳn dân ta hội thịnh-hưng chưa gặp, như lúc ấy tôi ngồi tôi nghĩ xấu nghĩ hổ rằng chưa biết sự đời mà đem làm những lời nói xa hoa, chớ chư-ông trong làng ta không có hệ gì.

Đường-đột vài lời quê ; khoan dong mong lượng cả. Nay lời khải.

Dân Vũ Văn-Cung *lai-cảo*

Còn nhiều bài trả lời nữa, kỳ sau sẽ lựa đăng dần.

KHẢO VỀ NGÂN-HÀNG

(NHÀ « BĂNG »)

Ngày nay việc lý-tài trong thế-giới đâu đâu cũng lấy ngân-hàng làm then-chốt. Buôn-bán mở-mang được, công-nghệ phát-đạt được, các nước giao-dịch được với nhau, tiền-bạc lưu-thông được chỗ này sang chỗ khác, khiến cho người có của kẻ có công tự-nhiên mà giúp-đỡ được lẫn nhau ; kinh-doanh tổ-chức được cái thế-lực rất mạnh của đồng tiền, để giúp cho sự sinh-hoạt của người ta, đường tiến-bộ trong xã-hội ; phần nhiều là nhờ các nhà ngân-hàng vậy. Cho nên ở các nước văn-minh, nhà ngân-hàng là cái cơ-quan rất trọng-yếu ; có thể gọi là cái « hàn-thử-biểu » của sự phú-cường trong một nước. Nhà chính-trị-học, nhà kinh-tế-học muốn biết một dân yếu hay mạnh, một nước giàu hay nghèo, cứ xét sự giao-dịch của các ngân-hàng trong nước ấy to hay nhỏ, nhiều hay ít, thời cũng đủ biết vậy.

Như nước ta ngày nay muốn chấn-chỉnh được thương-trường, khoáng-trương được công-nghệ, bỏ được cái thói hủ đóng cửa ngồi nhà mà phẫn-nhiên ra tranh-đua lợi-quyền với thiên-hạ, thế-tất phải lập nhà ngân-hàng để

làm nơi khu-nữu cho cuộc thương-chiến công-chiến sau này, như trong *Nam-Phong* kỳ trước đã bàn qua vậy. Nhưng ngân-hàng là gì, công-việc của ngân-hàng những gì, cách tổ-chức, cách hoạt-động của ngân-hàng thế nào; những điều thường-thức ấy trong quốc-dân ta hiện nay chưa mấy người đã biết rõ. Vậy nay tra-cứu trong các sách tài-chính kinh-tế của Thái-Tây, tóm-tắt lấy những điều yếu-lược, dịch-thuật mà công-hiến cho đồng-bào ta giữa lúc đương có chí hăng-hái về đường tranh-thương, tưởng cũng không phải là một việc vô-ích vậy. Đó là cái mục-đích của bài này.

I

Thích nghĩa ngân-hàng và chức-vụ của ngân-hàng

Chữ « ngân-hàng » (*banques* = nhà « bằng ») theo nghĩa thường là hoặc chỉ sự buôn-bán những vàng-bạc, những thương-phiếu (*effets commerciaux*), sự giao-dịch những tư-bản bằng tiền, trả đi thâu lại chỗ này sang chỗ khác, làm môi-giới cho người có tiền muốn đặt lãi với người có việc phải cần tiền; hoặc chỉ cái nhà, cái sở làm sự buôn-bán giao-dịch ấy. Khi nào chỉ nhà sở thì thường đặt thêm mấy chữ nói rõ nhà ấy sở ấy chuyên về việc gì; như: trữ-kim ngân-hàng, khuyến-nghiệp ngân-hàng, v. v.

Sự buôn-bán nhà ngân-hàng đại-đề có mấy việc như sau này:

1° Cho vay vốn cho những người cần tiền mà có bảo-lĩnh chắc-chắn, để trục-tính lợi-tức hoặc triết-khấu hoa-hồng;

2° Giao-dịch tiền-bạc nơi này sang nơi khác, tức là những việc buôn-bán các thương-phiếu;

3° Nhận tiền gửi của các bạn hàng, thay mặt bạn hàng mà trả, hoặc thâu các khoản tiền-bạc, hoặc truyền-dịch khoản nọ sang khoản kia, hoặc giữ sổ xuất-nhập, v. v.; tức là làm « tài-phú » cho các bạn hàng.

Làm nghề ngân-hàng (*banquier*) chẳng qua là một sự buôn-bán tiền-bạc mà thôi; tức là trao tiền và nhận tiền — hoặc tiền hiện-ngân, hoặc tiền bằng giấy phiếu có kỳ-hạn — ở một nơi này, để đòi sang trả sang một nơi khác, cách đòi cách trả ấy là bằng những thương-phiếu tống cho những người đại-lý của nhà hàng ở các nơi; cũng là buôn đi bán lại các giá-phiếu (*valeurs mobilières*).

Nhà ngân-hàng tức là tay môi-giới cho những người có vốn bỏ không với những người cần vốn để doanh-nghiệp; tức là nơi họp-tập thu-thập các tư-bản để phân-phát ra ngoài, giúp cho công-trường thương-trường được đủ sức mà kinh-doanh phát-đạt. Nói tóm lại thời nhà ngân-hàng là cái kho bạc chung để cung-ứng lợi-dụng cho hết thảy các người có bảo-lĩnh chắc-chắn, hoặc người buôn-bán, hoặc kẻ bình-thường.

Một nhà kinh-tế-học có tiếng ở nước Pháp, quan Bác-sĩ RAPHAEL-GEORGES LÉVY đã giải-thích cái chức-vụ của ngân-hàng như sau này:

« Ngân-hàng là một bộ-phận trong trường kinh-tế chủ buôn-bán các tư-bản cần cho những nghệ-nghiệp khác. Đại-đề có thể ví như một cái kho chứa bạc để cung-ứng cho các nghệ-nghiệp. Cái chức-vụ của ngân-hàng là một mặt thâu-thập lấy những tiền dư-dật của người ta muốn đặt lãi, một mặt là đem những tiền ấy cung-dụng về việc buôn-bán, việc tài-chính, việc công-nghệ, đủ các hình các cách. Cũng tỉ như một cái « bơm » (*pompe*) vừa hút nước vào, vừa phun nước ra: nhất-diện thâu-nhận lấy những tiền vốn linh-tinh của người ta làm ra hoặc dành-dịn được, nhất-diện đem phân-phát những tiền ấy ra để giúp lập lên các nghệ-nghiệp mới, dùng lấy những sức mạnh mới, sản thêm những của-cải mới. Chức-vụ

của ngân-hàng là một chức-vụ khẩn-yếu : ngân-hàng là cái tay môi-giới không có không được, để thông-đồng cái phần người trong nước đã có của-cải, hoặc vì công làm ra, hoặc vì kế-nghiệp đời trước, với cái phần người trong nước hoặc không có của, hoặc không đủ của để mà tác-dụng được cái vốn sức mạnh về vật-chất, về tinh-thần của mình »(1).

Ông ADAM SMITH (tàu dịch là Ti-mật) là một người sáng-lập ra môn kinh-tế-học ở nước Anh về đầu thế-kỷ thứ 19 cũng đã giải sự ích-lợi của ngân-hàng như sau này :

« Nhà ngân-hàng mà buôn-bán khéo có thể tăng cho công-nghệ trong nước, không phải rằng tăng cái tiền vốn trong nước lên đâu, nhưng mà cùng một cái vốn ấy mà có ngân-hàng vận-dụng hoạt-động thời sinh-sôi nẩy-nở ra nhiều hơn là không.

« Vàng bạc lưu-thông trong một nước có thể ví như một con đường lớn tuy dùng để vận-tải thóc lúa cỏ-rơm trong một xứ, nhưng tự mình không sinh-sản ra được một hột thóc, một sợi cỏ nào. Một nhà ngân-hàng mà kinh-doanh khéo thời cũng ví như mở ra một con đường cái lớn ở trên không, biến những đường cái khác ở dưới đất thành ruộng cỏ đồng mầu, làm cho thổ-sản hóa-vật trong nước tăng thêm lên rất nhiều vậy. » (2)

* * *

Nhà ngân-hàng cũng là nhà buôn như các nhà buôn khác. Nhà buôn thường thời buôn bằng đồ hàng, nhà ngân-hàng thời buôn bằng tư-bản, hoặc tư-bản bằng hiện-ngân, hoặc tư-bản bằng thương-phiếu. Nhà buôn thường thời buôn đồ hàng để bán lại và cố buôn thực rẻ để bán lại thực đắt mà lấy lãi. Nhà ngân-hàng thời vay tiền để cho vay lại và cố vay cực rẻ để cho vay lại cực đắt mà lấy lãi. Ấy phàm nghề buôn tiền-bạc là chủ hai việc cốt-yếu như vầy : vay và cho vay ; vay thì thường là nhận tiền của thiên-hạ gửi trữ (*dépôt*), và cho vay thì thường là xuất tiền ra mua những khoán-phiếu chưa hết-hạn để khấu-trừ lấy hoa-hồng (*escompte*) : cho nên gọi là « trữ-

(1) « La banque est cette branche de l'activité économique qui a pour objet le commerce des capitaux indispensables aux autres négoces. Elle constitue dans son ensemble le réservoir où viennent puiser toutes les entreprises ; sa mission consiste, d'une part à recueillir les sommes disponibles qui cherchent un emploi fructueux, d'autre part à mettre ces sommes en valeur en les faisant servir au commerce, à la finance, à l'industrie, dans leurs formes et leurs applications les plus diverses. C'est une pompe à la fois aspirante et foulante : elle sollicite l'épargne en recueillant les moindres capitaux, fruit du travail et de l'économie, puis elle lance dans la circulation les ressources ainsi concentrées par elle, qui permettent la création constante de nouvelles richesses. Son rôle est indispensable : elle est l'intermédiaire nécessaire entre la fraction de la nation arrivée, par son travail ou celui des générations précédentes, à posséder du numéraire, et cette autre partie de la communauté qui n'en possède point ou n'en possède pas assez pour mettre en pleine exploitation son capital de force matérielle et intellectuelle. » (RAPHAEL-GEORGES LÉVY, *La spéculation et la banque*. Revue des Deux mondes, 1er Août 1893).

(2) « Si les opérations les plus sages des banques peuvent augmenter l'industrie dans un pays, ce n'est pas qu'elles y augmentent le capital ; mais c'est qu'elles rendent active et productive une plus grande partie de ce capital que celle qui l'aurait été sans cela. L'or et l'argent qui circulent dans un pays peuvent se comparer à un grand chemin qui, tout en servant à faire circuler et conduire au marché tous les grains et les fourrages du pays, ne produit pourtant par lui-même, ni un seul grain de blé, ni un seul brin d'herbe. Les opérations d'une banque sage, en ouvrant en quelque manière, si j'ose permettre une métaphore aussi hardie, une espèce de grand chemin dans les airs, donne au pays la facilité de convertir une bonne partie de ses grandes routes en bons pâturages et en bonnes terres à blé, et d'augmenter par là, d'une manière très considérable, le produit annuel de ses terres et de son travail. » (ADAM SMITH, traduction de Germain Garnier, 1802).

kim mãi-phiếu ngân-hàng », nghĩa là nhà ngân-hàng chứa tiền mua phiếu (*banque de dépôts et d'escompte*).

Nay nhà ngân-hàng còn có một công việc nữa đặc-biệt với hai việc trên, là việc phát-hành giấy bạc ; việc đó xét kỹ ra cũng chẳng qua là một cách vay tiền của thiên-hạ mà thôi. Song không phải rằng nhà ngân-hàng nào cũng có quyền phát-hành giấy bạc ; quyền ấy chỉ riêng cho mấy nhà băng thuộc quyền giám-độc của Nhà nước, gọi là « nhà băng phát-hành » (*banques d'émission*) mà thôi.

Ba việc trên đó là ba việc chính của các ngân-hàng : thứ-ngoại còn nhiều việc khác nữa.

Như ngoài cách cho vay bằng lối mua phiếu để khấu hoa-hồng (*escompte*), ngân-hàng còn có cách cho vay khác nữa : như giữ « sổ xuất-nhập » (*compte-courant*) cho khách, nghĩa là thay khách mà chi-xuất thâu-nhập các khoản, thường chi-xuất nhiều hơn thâu-nhập, vì chỉ có khách tin cẩn mới làm như vậy, tức cũng là một cách cho vay trước để thâu lại sau mà lấy lãi ; cho vay ký khoán-phiếu (*avance sur titres*), tức là một cách cho vay có vật đề-đương làm tin ; trực-tiếp cấp-vốn cho các việc công-nghệ (*commandite directe*), cũng là một cách cho vay mà không lấy gì làm chắc bằng, vì việc có thành mới được lời mà, việc hỏng thời mất cả vốn ; cách sau ấy các nhà ngân-hàng Pháp thường không làm mấy khi, mà các nhà ngân-hàng Đức thời thịnh-hành lắm, cũng nhờ đó mà công-nghệ nước Đức phát-đạt được to như vậy. Nay nước ta có lập nhà ngân-hàng an-nam tất là phải chuyên-chủ cấp vốn cho các công-nghệ thứ nhất, còn những cách cho vay khác như trên kia chắc trong nước mình không có thông-dụng mấy.

Ngân-hàng lại còn một việc to nữa là việc « hối-đoái » (*le change*) [1], nghĩa là buôn những khoán-phiếu ra ngoại-quốc để nhân giá bạc cao hạ mà ăn lời.

Lại còn một việc nữa là việc « phóng-phiếu » (*émission des valeurs mobilières*), nghĩa là phát-hành những « cổ-phiếu » (*actions*) [2], cùng « trái-phiếu » (*obligations*) của các nặc-danh-thương-hội cùng các cuộc quốc-trái của Nhà-nước, mỗi một năm kể hàng mấy ngàn triệu (*milliards*), nhà ngân-hàng nhận lấy phát-hành ra thời được ăn hoa-hồng vào đấy.

Nghề buôn ngân-hàng cũng như các nghề-nghiệp khác, công-việc phiền-phức, phải chia ra mà chuyên-trị, không thể kiêm hết cả được. Có nhà băng chỉ chuyên buôn vốn (*opérations de crédits*), lại có nhà băng chỉ chuyên lý-tài (*opérations financières*), nghĩa là cấp-vốn cho các công-nghệ ; tức cũng như trong học-giới chia ra các chuyên-môn vậy.

Song cái phong-trào đời nay có chia mà cũng có hợp nữa. Tuy có nhiều nhà băng chỉ chuyên-trị một vài việc như trên kia, nhưng cũng có lắm nhà kết-liên lại với nhau làm từng công-ti lớn, vốn hàng trăm ngàn triệu, đặt chi-điếm khắp mọi nơi, kinh-lý đủ mọi việc, hầu như muốn lũng-đoạn cả lợi-quyền về việc buôn tiền bán bạc. Như nước Pháp có

---

(1) *Hối-đoái* 匯兌 = Như người ở xứ này muốn giao tiền cho người ở xứ kia, bèn đem hiện-ngân mà giao cho nhà ngân-hàng ở chỗ mình ở để « hối » (tức là chuyển-đạt) đến nhà ngân-hàng chỗ người kia ở, cho người ấy đến đấy mà « đoái » thu, thế gọi là hối-đoái, nghĩa là chuyển đi để cho người khác thu lấy. — LÊ CHÂNG.

(2) *Cổ-phiếu* 股票 = Cũng như cổ phần, nghĩa là phần vốn chung vào một công-ti hay một hội buôn nào. — ACTIONS.

mấy cái công-ti ngân-hàng lớn, có tiếng trong hoàn-cầu, như nhà *Crédit Lyonnais, Société Générale, Comptoir d'Escompte*, mỗi nhà có tới mấy nghìn cái chi-điếm trong toàn-quốc, các nhà băng nhỏ khó lòng mà cạnh-tranh nổi. Tuy vậy những công-ti lớn như vậy cũng có ít, cho nên sự cạnh-tranh cũng không có hại cho các nhà băng nhỏ mấy. Vả lớn có việc lớn, nhỏ có việc nhỏ, càng nhiều càng được thêm tiện-lợi cho việc lý-tài kinh-tế trong nước.

III

Trử-kim và mãi-phiếu ngân-hàng
(*Dépôts et Escompte*)

Việc thứ nhất của nhà ngân-hàng là phải làm thế nào thâu được tiền vốn của thiên-hạ. Nếu có vốn riêng thì dùng vốn mình cũng được, cái đó đã cố-nhiên rồi ; hoặc lập công-ti chung vốn nhiều người lại lắm khi cũng to lắm, như các công-ti lớn vốn có tới mấy trăm triệu. Nhưng ví nhà ngân-hàng chỉ giao-dịch bằng tiền vốn riêng của mình hay là tiền vốn của công-ti, thì không được lời-lãi gì mấy : không những mình không lời-lãi mấy mà thiên-hạ cũng không được ích-lợi gì. Vậy thế-tất phải giao-dịch bằng tiền của thiên-hạ, vả tiền ấy phải vay của thiên-hạ, nghĩa là vay của khắp mọi người.

Nay phải vay thế nào cho có lợi ? Chắc không thể vay như Nhà-nước vay, như các tỉnh-thành vay, như các hội doanh-nghiệp vay được, nghĩa là vay dài hạn (bằng quốc-trái, trái-phiếu, cổ-phiếu, v. v.). Cách vay ấy thì nặng lãi quá, nhà ngân-hàng không còn ăn lời vào đâu nữa. Nhà ngân-hàng vay phải là vay cái của nổi lưu-thông trong xã-hội, cái của linh-tinh bằng tiền bằng bạc ở trong túi áo, trong ngăn bàn của mỗi người. Ở nước nào cũng vậy, có một cái vốn của nổi như thế, linh-tinh rải-rác, không có định-đâu ở đâu, không có dùng được việc gì, chỉ đợi có công-việc mà lợi-dụng thôi. Những người có của bỏ không như thế thời nhà ngân-hàng phải nói cho người ta trao tiền cho mình, đại-khái nói rằng : « Ông có của bỏ không, xin ông cứ giao cho tôi : một là ông khỏi phải phiền giữ, lúc nào ông cần đến cho đòi tôi xin nộp lại tức-khắc, thế cũng đã là tiện cho ông lắm ; hai là tôi lại xin trả ông một cái lãi nho-nhỏ 1 °/o hay là 2 °/o chi đó, dẫu bao nhiêu ông cũng là có lợi, vì tiền ấy nếu ông để ở nhà thời chẳng có sinh-tức gì. Sau nữa tôi lại còn giúp ông được một việc nữa, là tôi làm người tài-phú cho ông, ông có khoản tiền nào phải thâu lĩnh tôi xin thâu lĩnh thay ông, ông có món tiền nào phải trả người nào tôi xin trả giùm ông, thật là tiện cho ông lắm lắm. »

Hễ có nhiều người chịu nghe lời khuyên nhủ đó, biết sự lợi-ích đó, thì nhà ngân-hàng không khó gì mà thâu được vốn to, khác nào như ngăn được vào trong tay mình những tiền bạc lưu-thông rải-rác trong xã-hội. Như ở nước Pháp những tiền của người riêng gửi trong các nhà băng tới hơn 8 ngàn triệu (*milliards*), ở nước Anh thời đến hơn 25 ngàn triệu, vì ở nước ấy lối gửi tiền như thế phổ-thông và thịnh-hành lắm. Những người giầu có ở nước Anh đã có thói quen không có giữ tiền-bạc ở nhà bao giờ, có bao nhiêu thường gửi cả ở nhà băng. Khi nào mua bán gì hay là nợ-nần ai chỉ ký một mảnh giấy sẻ trong một quyển sổ răng-cưa gọi là giấy « sách » (*chèque*) đưa cho người ta đến nhà băng mà lấy tiền, thật là tiện lắm. Tục ấy ngày nay nước nào cũng thông-hành cả.

Những tiền vốn mà nhà băng giữ hộ cho người ta để khi nào đòi thì trả ấy tức gọi là « trử-kim » (*dépôts*), và nhà băng nào chuyên việc ấy gọi là « trử-kim ngân-hàng ».

*
* *

Nay cái tiền vốn nhà băng vay được rẻ như vậy, phải tìm cách đặt lãi mà cho vay lại cho người khác.

Nhưng phải cho vay thế nào? Nhà ngân-hàng không thể cho vay dài hạn được, như cho vay đợ (*prêt hypothécaire*) hay là cấp vốn cho các nghệ-nghiệp, vì phải nhớ rằng cái tiền vốn mình đem ra cho vay ấy là của thiên-hạ gửi tạm mình đó mà thôi, bao giờ người ta đòi phải trả lại ngay tức-k[illegible] như vậy thời chỉ có thể xuất ra m[illegible] lâu mà thôi, nghĩa là dùng đế[illegible] tiền ấy thì phải cầm chừng liệu độ

Nay có cách cho vay nào mà đ[illegible] tiện như thế không?

Chỉ có mọ[illegible] sau này, [illegible]ật là tiện. Thí-dụ có một [illegible] buôn, [illegible] hàng chịu cho người ta, ch[illegible] đế[illegible] hạn đòi tiền mà cần đến tiền [illegible]n cái trái-phiếu của mình đến nh[illegible]-hàng. Nhà ngân-hàng mua lấy, [illegible]giá trả tiền, chỉ khấu-trừ [illegible] mấy [illegible]ân làm tiền lời. Giấy « hối-phi[illegible] » [illegible]*ttre de change*) ấy để một nơi, đế[illegible] hạn thời cho [illegible] người m[illegible]àng chịu mà đổi, thế là [illegible] ra lại thâu được lại mà cái khoả[illegible] trừ là tiền [illegible]

Thế gọi là buôn phiếu ăn lời. C[illegible] là một cách cho vay. Vì tỉ nhu[illegible] trái-phiếu giá là 1000 quan, hạn trong ba tháng, nếu nhà ngân-[illegible] trả trước cho nhà buôn 985 quan đến hết hạn ba tháng lĩnh cả 1000 ở người có n[illegible] thế thời kh[illegible] như là cho vay tiền ăn lãi 6 % tron[illegible] tháng. Cách cho vay ấy bao giờ c[illegible]g là ngắn hạn, vì thường thường [illegible]hà ngân-hàng chỉ mua những trái-p[illegible]ếu kỳ-hạn không quá ba tháng, lắm [illegible]hi ngắn hạn hơn nữa, ba tháng [illegible] là hạn dài hơn nhất. Nhà buôn có mấy khi mới bán hàng mà đã cần đến tiền ngay, phải đem trái-phiếu bán cho ngân-hàng; thường hay giữ ít lâu, có khi gần đến kỳ-hạn mới phải cầm đem bán. Như nhà « Đại-Pháp ngân-hàng » (*Banque de France*) không có lệ nhận những trái-phiếu mà kỳ-hạn biên trong giấy quá 90 ngày, nhưng thường-thường thời cái hạn từ khi mua phiếu cho đến khi thu tiền chỉ có tự 21 đến 25 ngày mà thôi. Vậy thời nhà ngân-hàng có phải xuất cái tiền vốn người ta gửi mình ra mà mua phiếu cũng là xuất tạm thời ít bữa mà thôi, không bao lâu tiền ấy lại trở về quĩ vậy.

Coi như thế thời biết rằng nếu các [illegible] gửi tiền không đồng-thời rút về cả [illegible] chỉ đòi rải-rác trong khoảng chừng bốn tuần lễ, cũng đủ cho nhà băng có dư tiền thâu về mà trả lại. Nhưng mà khi bình-thường thời có bao giờ thiên-hạ rút tiền về gấp như vậy. Vậy thời nhà băng vay tiền bằng lối « trử-kim », không có cách cho vay nào tiện bằng lối « mãi-phiếu ».

Song gặp những khi « khủng-hoảng » (*crise*) (1) [illegible]ời nhà ngân-hàng cũng có nhiều sự [illegible]y-hiểm. Nếu bao nhiêu người gửi [illegible]ền trong một ngày đến rút về hết [illegible] chắc là nhà hàng không lấy [illegible]âu mà [illegible] khắp được, vì tiền còn đương bó[illegible] tẩu mọi nơi, chưa thể thu-thập về n[illegible]y được. Vẫn biết rằng sớm trưa rồi c[illegible]ng sẽ thu về hết, nhưng mà cái vốn n[illegible]rời ta gửi mình giữ với cái vốn mình cho vay ra ngoài vẫn có điều [illegible]c nh[illegible], là vốn trên thời người ta có quyền đòi mình ngay tức-khắc mà vốn dướ[illegible] thời phải có kỳ-hạn bao nhiêu lâ[illegible] mình mới đòi về được, sự sai lệch [illegible]au ấy lắm khi làm cho nhà băng phả[illegible] đảo-t[illegible]ng.

(1) *Khủng-hoảng* 恐慌 = Chính nghĩ[illegible] sợ. Về kinh-tế [illegible]c thời là [illegible] những lúc việc lý-tài buôn-bán không lợi, hoặc xẩy ra sự gì đán[illegible] có vốn, [illegible]ư nhà băng lớn nào vỡ nợ, công-ti buôn nào [illegible]RCIALE

Nhưng mà sự uguy-hiểm xa-xôi ấy không đủ làm một cái cớ khiến cho nhà băng không dám lợi-dụng đến những tiền vốn người ta gửi mình mà cứ phải giữ y-nguyên trong quĩ như các ngân-hàng cổ đời xưa. Nếu giữ nghiêm như thế thời bề nào cũng không có lợi cả.

Trước nhất là các nhà gửi tiền : Vì nếu nhà băng cứ phải giữ tiền trong hầm trong khố không đem ra lợi-dụng được thời không những không trả lãi được cho mình mà lại còn phải bắt mình chịu tiền công giữ, như thời xưa nhà giầu sợ trộm cướp phải đem tiền nhờ nhà băng giữ hộ. Vậy thời người có tiền gửi nhà băng thà rằng chịu đợi chậm ra một vài ngày khi rút tiền [illegible] còn hơn là phải giữ tiền ở nhà mình không được lợi-tức gì, hoặc lại phải mất tiền mà nhờ người ta giữ hộ.

Sau là đến trong nước cũng thiệt : vì cái chức-vụ của ngân-hàng là phải thâu-thập những vốn linh-tinh trong xã-hội, rải-rác khắp mọi nơi, không dùng thành việc gì, để họp nên cái tư-bản to mà lợi-dụng ra được nhiều công việc có ích; nay nếu nhà băng không được dùng đến tiền người ta gửi thì cái vốn to họp lại đấy còn có ích-lợi gì cho xã-hội nữa.

Bởi các lẽ đó nên nhà [illegible] nào cũng tìm cách lợi-dụng những tiền của thiên-hạ gửi chứa. Nhưng muốn cho khi nào ai đòi cũng có sẵn mà trả được ngay thời trong nhà bao giờ cũng phải để rành một khoản gọi là tiền « lưu-quĩ » (*encaisse*).

Tiền lưu-quĩ ấy đối với tiền trử-kim nhiều ít thế nào thời không [illegible] có tỉ-lệ nhất-định. Một nhà băng [illegible] vốn càng nhỏ mà có nhiều người gửi tiền to thời lại càng phải để lưu-quĩ nhiều, mà gặp những khi thương-giới khủng-hoảng, những khi có phóng trái-phiếu hay mở quốc-trái, cùng là đại-để những cơ-hội mà xét ra thiên-hạ cần dùng đến tiền, thì số tiền lưu-quĩ lại càng phải tăng nhiều thêm lên.

Trên kia đã nói rằng các nhà băng ngoài cách cho vay bằng lối mua phiếu, còn nhiều cách cho vay khác nữa. Đại-khái có hai cách thông-dụng như sau này :

Một là cho vay ký khoán-phiếu, [illegible] là ai muốn vay thời phải đem « [illegible]-tự » (1) gửi làm tin và thường-[illegible] chỉ được vay dưới cái ngân-số [illegible] « văn-tự » ấy mà thôi. Cách cho [illegible] ấy cũng thịnh-hành lắm. Như nhà « [illegible]i-Pháp ngân-hàng » thường thường ch[illegible] vay tới ng[illegible] triệu quan.

[illegible]i là cho vay không cho những [illegible] quen, như thế gọi là giữ « sổ xu[illegible] [illegible]) cho kh[illegible] nghĩa là cho khách vay tiền và thâu [illegible]n cho khách, khách được phép lấy [illegible]n của nhà băng nhiều hơn là tiền [illegible] mình mà nhà băng thâu hộ, như [illegible] thời công-nhiên là một cách cho [illegible] đó thô[illegible] vay ấy cũ[illegible] uy-hiểm lắm và không được [illegible] nhà băng phải [illegible] tư-cơ của mỗi người khách [illegible] lắm mới dám cho vay như vậy, [illegible]hiều nhà cũng không dám làm. [illegible] trong thể-lệ nhà « Đại-Pháp Ngân-[illegible] tuyệt-nhiên không [illegible] sổ xuất-nhập cho khách n[illegible].

Phát-hành giấy bạc

[illegible]à ngân-hàng cũng như các nhà bu[illegible] khác, muốn làm thế nào mở rộng việ[illegible]uôn-bán thì mới mong có lợi to. Vì [illegible] cách gì tăng vốn lên một thêm

(1) Chữ « văn-tự » [illegible] là dùng [illegible] cả những giấy mà có ngân-khoản ở trong ấy, như hối-phiếu, cổ-phiếu, trái- [illegible] là một [illegible] văn-tự nhà.

hai, thì lời-lãi tất là được gấp đôi lên. Nay làm thế nào mà tăng được như vậy?

Như cứ đợi thiên-hạ lần lần đem vốn đến cho mình thời lâu lắm, nếu bây giờ tự mình chế lấy tiền vốn mà phát-hành ra thì tiện biết bao nhiêu.

Năm 1656, một người nước Thụy-điển (Suède) tên là PALMSTRUCH mở ra nhà ngân-hàng thành Stockholm (kinh-đô nước Thụy-điển), mới nghĩ ra một cách rất diệu : là chế một thứ giấy thay cho tiền bạc, nhà băng đứng kí-nhận và phát-hành ra, ấn-định mỗi mảnh là bao nhiêu bạc, xin thiên-hạ công-nhận và tiêu-dùng cho tiện. Ai nào muốn lấy tiền thật cứ đem giấy lại sẽ tức-khắc [illegible] ngân đủ số bấy giấy bạc nhà băng [illegible] tiện tự bấy giờ. Cách rất diệu mà dùng [illegible] tiện, [illegible] lưu-thông khắp mọi nơi, [illegible] một sự thường vậy.

Bây giờ người nào đem t[illegible]ng-phiếu trái-phiếu đến nhà băn[illegible]bán, nhà băng không có trả bằng hiện ngân mà trả bằng giấy bạc. Chắc có người bẻ rằng [illegible] thiên-hạ lại chịu nhận như thế [illegible] bán đem đến bán cho nhà băng [illegible] cái « hối-phiếu [illegible] chẳng [illegible] 1000 quan, nhà băng lại trả lại [illegible] một cái phiếu nữa là tờ giấy bạc [illegible] quan, người [illegible] buôn có thể nhiên mà đáp lại rằng : « Tôi đưa mảnh giấy, ông lại trả tôi [illegible] như thế thì tôi còn cần gì đến ông [illegible]a. Tôi bán cho ông là muốn lấy tiền bạc, chớ lấy giấy [illegible] thì thà tôi cứ giữ cái thương-phiếu của tôi cũng rứa ! » Song nếu người buôn-bán ấy nghĩ kỹ thì sẽ biết rằng [illegible] cái thương-phiếu với tờ giấy bạc cũng là những mảnh giấy thay tiền cả, [illegible]ưng tờ giấy bạc tỉ với tờ thương-phiếu còn tiện-lợi hơn nhiều lắm. Đại-khái giấy bạc hơn các thương-phiếu vì những tính-cách như sau này :

1° Giấy bạc chuyển người nọ sang người kia được, như đồng tiền đồng bạc vậy ; — chớ hối-phiếu thời phải có người ký-nhận (*endossement*) mới có giá-trị.

2° Giấy bạc cứ trông giấy là trả tiền, nghĩa là bao giờ đổi lấy bạc cũng được : ngay trên giấy đã có in rõ : « Kiến-chỉ giao-ngân » (*Payable au porteur*) ; — chớ thương-phiếu hối-phiếu thời đến kỳ-hạn mới trả được.

3° Cứ trông giấy là phải trả tiền thời không được tính lãi, không được khấu-trừ hoa-hồng gì cả, thành ra giá-trị của giấy bạc bao giờ cũng như bao giờ, như giá-trị của đồng tiền đồng bạc vậy ; — chớ các thương-phiếu có kỳ-hạn mới lĩnh được thời cái giá-trị tùy theo hạn hay xa hạn mà thấp mà cao, không có nhất-định.

4° Giấy bạc để bao lâu cũng đòi tiền được, chớ thương-phiếu hết hạn thời là « tiêu-diệt-thời-hiệu » (*prescriptibles*).

5° Giá-trị của giấy bạc là chẵn số : 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng, 100 đồng, tiện cho sự lưu-thông ; — chớ các thương-phiếu là thay việc mua bán, thường có số lẻ.

6° Giấy bạc là thường do một nhà băng đã có tiếng đứng lên phát-hành và ký-nhận ; chớ những người ký tên vào thương-phiếu thời là người thường, ngoài những kẻ có giao-dịch với mình không ai biết.

Bởi các lẽ đó nên giấy bạc tức là bạc, thiên-hạ ai cũng công-nhận như thế ; giấy bạc là bạc bằng giấy, thiên-hạ tin người phát-hành mà nhận, tức trong tài-chính-học gọi là một thứ « tín-phiếu » (*monnaie de papier fiduciaire*).

Đại-khái nhà ngân-hàng phát-thành giấy bạc có lợi nhiều lắm : — một là có thể tăng được vốn của mình lên nhiều lần, miễn là không nên ra ngoài một cái giới-hạn sẽ nói sau này ; — [illegible] vốn bằng giấy bạc ấy lợi hơn

cái vốn bằng bạc thật của thiên-hạ gửi, vì tiền gửi thì phải trả lãi người ta ít ra là 1%, 2%, chớ tiền giấy bạc thời trừ ấn-phí không mất gì cả.

Song tuy cách làm giấy bạc ấy có lợi cho nhà băng thật mà cũng có nhiều điều nguy-hiểm. Vì giấy bạc phát-hành ra tức là vay nợ của thiên-hạ, mỗi tờ giấy bạc là một cái văn-tự nợ, mà nợ không có kỳ, bao giờ đưa giấy cũng phải trả tiền, cũng chẳng khác gì tiền trử-kim của thiên-hạ vậy. Vậy thời nhà băng có hai sự nguy, là vừa phải trả tiền người ta gửi, vừa phải trả tiền giấy bạc mình phát ra ; phải làm thế nào để phòng khi hai bên cùng đến đòi có đủ bạc mà trả được hết.

Trên kia đã nói rằng nhà băng [illegible] có thể trả được những tiền thiên-[illegible] gửi thời bao giờ trong quĩ cũng phải có một món để sẵn gọi là tiền « lưu-quĩ » ; nay ngoài tiền thiên-hạ gửi lại còn giấy bạc phát-hành ra, thời khoản lưu-quĩ lại càng phải to lắm. Bởi thế nên nước nào cũng vậy, Nhà-nước có luật bắt những nhà băng phát-hành giấy bạc bao giờ cũng phải giữ tiền lưu-quĩ cho vừa đủ để trả khách. Vả dẫu không có pháp-luật thời sự cẩn-thận trong việc buôn-bán cũng bắt-buộc các nhà băng phải giữ như thế. Nhưng mà cứ bình-thường thời không nhà băng nào chịu để nhiều tiền không trong quĩ mà không lợi-dụng được việc gì, cho nên tiền lưu-quĩ bao giờ cũng chỉ để vừa đủ lệ mà thôi. Như nhà « Đại-Pháp ngân-hàng » theo luật bao giờ cũng phải để tiền lưu-quĩ hơn 5 [illegible] triệu, nhưng ví thuần là nhà băng [illegible] người riêng thời các nhà cổ-phần [illegible] không chịu để nằm không trong quĩ [illegible] khoản tiền to lớn như vậy, và muố[illegible] đem ra dùng việc công-nghệ, việc buôn-bán gì cho có lợi.

Coi như thế thời biết rằng sự phát-hành giấy bạc cũng có hạn chế, chớ nhà băng không thể tự-do [illegible] ra bao nhiêu thì phát đâu. Nếu lại có quyền như vậy thời chẳng hóa ra dễ quá! Thường thường người không biết thì tưởng lầm rằng cái số giấy bạc của nhà băng phát-hành ra là vô-hạn. Kỳ-thực có đâu thế. Không những Nhà-nước có pháp-luật hạn-chế, mỗi lần phát-hành bao nhiêu phải có phép riêng, nhưng chính nhà ngân-hàng phát giấy bạc cũng là tùy theo cái tổng-số giao-dịch trong nhà minh ; thường-thường thì cái trị-giá của giấy bạc phát ra là ngang bằng cái tổng-số những thương-phiếu hối-phiếu của thiên-hạ đ[illegible] đến bán mà nhà băng chưa đến h[illegible] lĩnh được. Song gặp những lúc tà[illegible] hính khủng-hoảng thời các nhà b[illegible] lớn có ph[illegible] được định cho giấy bạ[illegible] được « cưỡ[illegible] » (*cours forcé*) [illegible] một k[illegible]ận bao nhiêu lâu đó, [illegible] là nhà băng được tạm không ph[illegible] bạc cho người đến đổi giấy.

S[illegible] nữa, lại còn có khi Nhà-nước cần [illegible]n tiền phải vay nhà băng, khi ấy t[illegible] Nhà-nước cho phép nhà băng đượ[illegible] phát-hành giấy bạc và định luật cho [illegible] bạc ấy được « cưỡng-hành ». Nhu[illegible] trận P[illegible] ăm 1870, Chá[illegible] pháp phải vay của nhà [illegible] háp ngân-hàng » trước sau cả [illegible] 1470 triệu, Chánh-phủ bèn cho [illegible] nhà ngân-hàng phát-hành giấy [illegible] và định luật cho những giấy bạc [illegible] ược « cưỡng-hành ».

[illegible] ưng mà những khi « cưỡng-hành » n[illegible] ấy thật là ít lắm, và bao giờ cũng là [illegible]n-thời mà thôi. Còn lệ thường th[illegible] băng chỉ [illegible] hành giấy bạc c[illegible] vừa đủ việc giao-dịch trong nhà n[illegible] hôi, không dám làm quá, một là sợ [illegible] hạm pháp-luật, hai là phòng khi thi[illegible]-hạ đến đổi nhiều không có đủ [illegible] ả thời phải đảo-trướng mất.

* * *

[illegible] ên kia đã nói rằng không phải nhà ba[illegible] nào cũng có quyền được phát-

hành giấy bạc. Quyền ấy là một chuyên-quyền (*monopole*) của Nhà-nước, vì sự phát-hành giấy bạc cũng như sự đúc bạc không có nước nào để cho người riêng được tự-do làm. Như vậy thời nhà ngân-hàng nào được phát-hành giấy bạc là ngân-hàng của Nhà-nước cả hay sao ? Nếu vậy thời những ngân-hàng ấy được cái đặc-quyền rất to rất lợi như vậy, các ngân-hàng khác địch lại sao nổi ? Thế chẳng là trái với cái phép lớn trong kinh-tế là phép mậu-dịch-tự-do ru ? Mấy lời bác đó đều có lẽ cả, nhưng phải xét rõ cái hiện tượng mới được. Hiện nay [illegible] hầu hết các nước đều giữ cái quyền phát-hành giấy bạc làm chủ-quyền của Nhà-nước, có [illegible] đặt ngân-hàng của Nhà-nước để thi-hành cái quyền ấy, có nước trao [illegible] một nhà băng riêng mà Nhà-nước có quyền kiểm-đốc, bắt tuân theo [illegible] riêng. Những nước có ngân-hàng Nhà-nước thời như nước Nga, nước Huy-sĩ, các nước Nam-Mĩ-châu ; những nước trao cho nhà băng riêng thời như nước Pháp [illegible] « Đại-Pháp Ngân-hàng » nửa là nhà [illegible] nửa là nhà băng của Nhà-nước, được quyền phát-hành giấy bạc. Nay thử kể xét thời biết rằng những nhà băng riêng mà được hưởng cái đặc-quyền ấy bao giờ cũng phải chịu những trách-nhiệm tương-đương, những điều-khoản đặc-biệt, có bó-buộc mà không được tự-do kinh-lý như các nhà băng khác. Như nhà « Đại-Pháp Ngân-hàng » tuy được quyền phát-hành giấy bạc mà tiền [illegible] quĩ cũng phải để rất nặng, lại đối với Nhà-nước còn có nhiều sự phiền-lụy về việc điều-tra kiểm-sát, thành ra rút lại phần lợi bù phần hại kể cũng chẳng được hơn gì các nhà băng khác mấy. Đấy là nói những nhà băng riêng mà được đặc-quyền của Nhà-nước. Nay xét đến các nhà băng của Nhà-nước [illegible] ra thời cũng thấy [illegible] ện.

Đại-đề việc lý-tài với việc chính-trị không nên can-thiệp nhau lắm, vì chính-trị mỗi lúc một đổi mà lý-tài phải chủ-định một phương. Nay nhà băng là của Nhà-nước, tất phải chịu ảnh-hưởng của chính-trị, nay làm lợi cho đảng này có quyền-thế, mai làm lợi cho đảng kia quyền-thế hơn, vị tư-lợi từng đảng-phái hơn là công-ích cả quốc-dân, thật là trái với phép lý-tài vậy. Một lẽ bất-tiện là thế ; hai lẽ là nhà băng đã là của Nhà-nước, Nhà-nước muốn vay bao nhiêu tiền tất cũng được, bắt phát-hành bao nhiêu giấy bạc cũng không dám từ, số giấy bạc nhiều quá số tiền thật thời bấy giờ còn có giá-trị gì nữa ? Một lẽ thứ ba là vạn-nhất Nhà-nước chiến-tranh thua, địch-quốc đòi tịch-sý quốc-sản, nếu là nhà băng riêng thời không thể lấy được, nếu là nhà băng của Nhà-nước thời thật là cái bồi-khoản sẵn-sàng cho bên được vậy. Một lẽ thứ tư nữa là vì không được thập-phần chắc-chắn như thế nên thiên-hạ chắc là ít giao-dịch với ngân-hàng Nhà-nước, sợ những khi khủng-hoảng Nhà-nước dễ lấy quyền chuyên-chế mà ắt lợi-quyền của khách. Bởi các lẽ đó mà ngân-hàng Nhà-nước tuy có đặc-quyền phát-hành giấy bạc cũng không lợi hơn gì các nhà băng khác, cho nên cái đặc-quyền ấy các nhà băng cũng không lấy làm chuộng lắm.

* *

Nay ta xét đến sự tài-chế việc phát-hành giấy bạc. Phát-hành giấy bạc đã là đặc-quyền của Nhà-nước thời tất Nhà-nước không thể để cho nhà băng tự-do muốn phát bao nhiêu cũng được và phải lập luật-lệ để hạn-định việc phát-hành. Các nhà kinh-tế giữ cái chủ-nghĩa tự-do-mậu-dịch thì phản-đối sự tài-chế ấy, nói rằng Nhà-nước không cần phải can-thiệp đến việc phát-hành giấy-bạc, tự-khắc các nhà băng phải giữ-gìn lấy, không sợ làm quá độ. Vì số giấy bạc phát ra nhiều

ít bao nhiêu là tùy cái số những thương-phiếu hối-phiếu người ta đem đến bán nhiều hay ít, vậy thời cái giá-trị những giấy bạc cũng với giá-trị thương-phiếu tương-đương, nghĩa là nhà băng có giao-dịch nhiều mới phải phát nhiều giấy bạc, mà phàm giao-dịch là có hiện-ngân ở trong ấy cả, như vậy thời có sợ gì là làm quá. Vả giấy bạc nhà băng phát ra thời nhà băng lại phải nhận lấy, nếu phát ra nhiều quá thời cái giá-trị tất giảm đi, giá-trị giảm đi thời thiên-hạ tất đem đến trả giấy mà đòi lấy tiền, vậy thế không thể làm quá được, vì mình phát ra bao nhiêu rồi lại về mình bấy nhiêu, như thế thì có lợi gì. Những lời bác đó tựu-trung cũng có lẽ phải, vì cứ lý-luận thì nhà băng có giao-dịch nhiều mới cần đến nhiều giấy bạc, nghĩa là sự phát-hành nhiều ít là tùy theo sự yếu-cần của thiên-hạ, không phải tự ý nhà băng, nếu nhà băng làm quá thời nhà băng khuynh-đảo. Vẫn biết như vậy, nhưng thắng-hoặc nhà băng muốn làm liều, không phòng sự khủng-hoảng mà chỉ mong lấy cái lợi ngay, thời chẳng là thiệt-hại cho thiên-hạ ru? Bấy giờ dầu pháp-luật có trừng-trị, chi bằng phòng-bị trước còn hơn. Cho nên xưa nay luật nước nào cũng có tài-chế việc phát-hành giấy bạc.

Đại-loại có bốn cách tài-chế (*règlementation*) như sau này :

1º Tiền lưu-quĩ có bao nhiêu thời chỉ được phát bấy nhiêu giấy bạc mà thôi. — Cách này thời chặt-chẽ quá, nhà băng không có lợi gì. Như thế thì giấy bạc chẳng qua là thay tiền bạc cho nhẹ dễ cầm mà thôi. Những cách nay không đâu giữ được nghiêm như thế. Duy có nhà « Đại-Anh Ngân-hàng » (*Banque d'Angleterre*) là thể thức hơi nghiệt như thế mà thôi. Theo luật nước ấy năm 1844 thời nhà ngân-hàng ấy chỉ được phát-hành giấy bạc bằng số tiền [redacted] có hơn 465 triệu quan mà thôi; cái khoản 465 triệu quan ấy đã có Nhà-nước bảo-lĩnh vì là tiền Nhà-nước nợ nhà băng từ trước. Luật đó ngặt quá, lắm lúc khó cho nhà băng giao-dịch, nên nhiều khi đã phải đình thi-hành.

2º Định một cái tỉ-lệ cho sự phát-hành giấy bạc, thường thường là 1/3 (đọc là « chia ba một phần », nghĩa là ba phần giấy bạc phát-hành phải có một phần tiền lưu-quĩ). Cách này tiện hơn cách trên, vì nhà băng còn được rộng quyền một chút.

3º Định một [redacted] tối-cao-số (*maximum*), phát-hành không được ngoài số ấy. Cách này [redacted] cách của nhà « Đại-Pháp Ngân hàng » số tối cao ấy là 6.8[redacted] triệu trước [redacted] chiến tranh, nhưng từ khi chiến-tranh Nhà-nước cần đến tiền đã tăng tới 24 ngàn triệu (*milliards*) sau lại tăng lên nhiều nữa, những giấy bạc ấy là có luật « cưỡng hành » cả.

4º Giấy bạc phát-hành ra phải có giá-phiếu gì làm đảm-bảo, thường thường là những trái-phiếu của Nhà-nước. Cách [redacted] dùng ở các ngân-hàng nước Mĩ, xét ra cũng không tiện lắm, vì Nhà-nước không có nợ quốc-trái luôn, số trái-phiếu thường không đủ làm đảm-bảo cho giấy-bạc nhà băng.

Nói tóm lại thời bất [redacted] nhiêu cách, [redacted] cách nào được hoàn-bảo. Nhà ngân-hàng sinh-hoạt vì cái lòng tin của thiên-hạ; nếu thiên-hạ không tin bắt phát-hành [redacted] giấy bạc phải có bấy nhiêu tiền lưu-quĩ, thời ngân-hàng còn có lợi gì mà phát-hành làm chi? Không những ngân-hàng không lợi mà thiên-hạ cũng không lợi nữa, vì ngân-hàng đã không được rộng đường xoay-sở, thời việc giao-dịch tất phải giảm bớt đi hoặc đình-trệ lại.

Thường thường các ngân-hàng lớn có [redacted] ng-đồng với nhau cả. Như nhà [redacted] » đã [redacted] cho

nhà « Đại-Anh Ngân-hàng » vay tới 100 triệu tiền vàng, để giúp cho « Đại-Anh Ngân-hàng » khỏi phải tăng tiền hoa-hồng mua phiếu (*taux de l'escompte*). Nhưng đó chẳng qua là giúp nhau nhất-thời mà thôi. Nên ước rằng có ngày các ngân-hàng lớn trong thế-giới họp thành một quốc-tế-nghị-hội để khi nào có nhà nào thiếu tiền hiện-ngân để trả khách thời những nhà khác đem tiền của mình lại giúp, cho tiền-tệ được lưu-thông mà khỏi sinh ra khủng-hoảng. Ý đó ông Luzzatti đã xướng ra từ năm 1907 mà chưa đâu làm được.

IV

Hối-đoái (*Le change*)

Hối-đoái là sự buôn-bán các hối-phiếu (*lettres de change*). Hối-phiếu tức là một thứ « măng-đa » của nước nọ gửi sang nước kia. Ngày nay thế-giới giao-thông, người các nước buôn bán lẫn với nhau là thường. Trong sự buôn-bán ấy trả tiền lẫn nhau, nếu cứ lấy tiền bạc nước mình mà gửi sang cho người mình nợ ở nước khác, như ta gửi măng-đa ở tỉnh này sang tỉnh kia trong một xứ, thời có nhiều sự không tiện. Thứ nhất là tiền-bạc nước mình một giá, nước người ta một giá, mà thời-giá mỗi lúc một khác, không biết thế nào là đúng được. Vả lại nhà giây thép các nước không có lệ nhận tiền nước nọ sang nước kia, vì có nhận nữa cũng không nhận những khoản to lắm, mà tiền hoa-hồng lại thường lấy nặng, cho nên các nhà buôn không tiện bằng lối măng-đa giây thép được. Nay nước nào cũng đã có nhà ngân-hàng, các nhà ngân-hàng thường thông-đồng với nhau mà định thời-giá tiền bạc; vậy các nhà buôn tất phải nhờ đến các ngân-hàng để trả tiền cùng đòi tiền ở ngoại-quốc: cái giấy thay vì măng-đa mà giao-dịch đi các nước như vậy gọi là « hối-phiếu ». Nhưng hối-phiếu có khác măng-đa là hối-phiếu có thể mua đi bán lại, theo thời-giá mà đắt rẻ như đồ hàng, và người đứng buôn bán như thế tức là các nhà băng. Sự buôn giấy bán giấy ấy ngày nay to-lớn và thịnh-hành lắm, người ta đã tính ra có tới mấy ngàn triệu, các nhà băng phần nhiều chỉ giao-dịch về khoản đó là to nhất.

Nay thử xét xem sự buôn giấy bán giấy ấy thế nào?

Trước nhất phải biết buôn ở ai và bán cho ai. Tất là buôn ở những người có tiền nợ phải đòi ở ngoại-quốc và bán cho những người có tiền nợ phải trả cho ngoại-quốc. Thí-dụ có một nhà buôn gạo to ở Hải-phòng bán gạo cho một nhà buôn Nhật-bản ở Tokio, nhà Nhật-bản không tiện gửi tiền Nhật-bản sang bên này, nhà buôn Hải-phòng phải tống một cái hối-phiếu đề cho chi-điếm một nhà băng Đông-dương nào ở Tokio để lĩnh tiền hộ. Nhưng mà đợi cho lĩnh hộ rồi gửi về thì cũng còn lâu, và thường thường hối-phiếu có biên kỳ-hạn, đến hạn mới lĩnh được. Nếu muốn được tiền ngay trước hạn thời đem phiếu đến bán cho một nhà băng ở Hải-phòng; nhà băng mua lấy, khấu-trừ đi mấy phân làm tiền hoa-hồng (tiền khấu-trừ ấy tiếng tây gọi là *escompte*), còn thì trả lại hiện-ngân cho nhà buôn và phiếu ấy thời giữ lấy để đến hạn thì chuyển sang Nhật-bản lĩnh, hoặc bán lại cho người khác cũng được.

Nay lại thí-dụ trái lại: một hiệu in ở Hà-nội mua giấy của một công-ti làm giấy ở Yokohama, nếu lấy bạc Đông-dương mà gửi trả sang Nhật-bản thì không tiện, vậy ra nhà băng Hà-nội hỏi xem có hối-phiếu trả tiền sang Yokohama không, nếu có mua được thời tiện lắm, chỉ mất cho nhà băng mấy phân hoa-hồng; mà nhà băng thời khi buôn đã được lời khi bán lại được lời nữa. Cứ giao-dịch như thế một ngày hàng mấy vạn mấy ức, chẳng thành một sự buôn bán to ru?

Nay giá hối-phiếu mỗi cái bao nhiêu tiền thời đã biên rõ vào đấy rồi, tưởng bán đi mua lại bao giờ cũng cứ phải đúng số ấy mới là phải, nhưng kỳ-thực không thế. Một là bởi tuy trong hối-phiếu vẫn biên ngân-số rõ-ràng, nhưng thường là tùy theo cái tên người có nợ trong ấy có thể tin được hay chưa được chắc lắm, cũng là tùy theo cái kỳ-hạn trả sớm hay muộn mà khi mua bán có đắt có rẻ khác nhau. Hai nữa là tùy theo cái công-lệ « cung-cầu » (*loi de l'offre et de la demande*), nghĩa là theo số người bán nhiều và người mua ít hay là người mua ít và người bán nhiều mà cái thời-giá có mỗi lúc một khác ; thời-giá ấy tức gọi là « giá hối-đoái » (*cours du change*). Tỉ như Đông-dương với Nhật-bản mua bán đồ hàng lẫn của nhau : nếu Đông-dương bán cho Nhật-bản có 4 triệu bạc mà mua của Nhật-bản tới 5 triệu, thời chắc là lội ra ngoài 1 triệu, nhà băng không đủ hối-phiếu sang Nhật-bản cho khách Đông-dương mua, giá hối-phiếu tất phải tăng lên, vì nhiều người « cầu » mua mà giấy đem ra « cung » bán thì ít. Những khi ấy thời gọi là « hối-đoái không lợi » (*change défavorable*) cho Đông-dương, nghĩa là chỉ rằng Đông-dương không có đủ phiếu, phải lấy hiện-ngân mà trả ra ngoài. Trái lại, nếu Đông-dương bán cho Nhật-bản những 5 triệu bạc mà chỉ mua của Nhật-bản có 4 triệu thôi, thời số hối-phiếu sang Đông-dương lại nhiều dội lên, thời-giá tất hụt xuống : bấy giờ thì nói rằng : sự « hối-đoái có lợi » (*change favorable*) cho Đông-dương, nghĩa là ngoài không có đủ phiếu trả mình, tất có hiện-ngân vào trong nước.

Song phải biết rằng thời-giá tuy có cao có hạ, hối-đoái tuy có lúc lợi lúc không lợi, nhưng chênh nhau cũng chỉ đến mấy phân mấy li là cùng, là lẽ như sau này : người ta giao-dịch nước nọ sang nước [illegible] trả [illegible] đổi nợ nhau mà không gửi hiện-ngân, muốn dùng hối-phiếu, là để cho giản-tiện và bớt tiền vận-tải bạc thật cùng là bớt bưu-phí ; nay nếu mua hối-phiếu lại đắt hơn những tiền phí đó thời ai còn mua làm gì nữa, thà chịu phiền gửi bạc thật còn hơn ; hoặc bán hối-phiếu mà rẻ quá thời thà chịu phiền dợi cho đòi lấy nguyên-số bằng hiện-ngân còn hơn. Cho nên trong việc buôn-bán hối-phiếu tiền hoa-hồng của các nhà băng tính chẳng qua là thay cái phí vận-tải bạc thật mà thôi, và thường phải rẻ hơn mới được ; đến cái hạn mà tiền hoa-hồng cũng nặng bằng phí vận-tải, tức trong các ngân-hàng gọi là đến cái « kim-điểm » (*gold point = point d'or*), thời khách mua bán không có lợi gì nữa. Bởi vậy không mấy khi nhà băng nào tính cao tới bậc đó.

Trừ những khi xét ra thiên-hạ cần đến tiền để trả ra ngoài nhiều, mà các nhà băng muốn phòng sự khủng-hoảng định dinh việc mua phiếu lại, thời bấy giờ mới tăng tiền hoa-hồng cao lên để cho ít người đến mua bán. Nhưng kế đó cũng là kế bất-đắc-dĩ và tạm-thời mà thôi, vì làm thế thì sự giao-dịch đình-trệ cả, hại cho nhà băng lắm.

V

Việc lý-tài trong thế-giới bây giờ là một việt rất khó. Cứ xem cách tổ-chức các ngân-hàng như đã kể qua trên kia cũng đủ biết. Ấy là mới nói rất sơ-lược mà thôi, cho các bạn đọc báo gọi là biết qua ngành-k[illegible] có lắm cách xếp-đặt huyền-diệu nữa, phải là nhà nghề mới hiểu được. Những điều đó rất là mới lạ cho tai-mắt người mình, nhưng xét cho kỹ cũng không ra ngoài lẽ tự-nhiên. Lẽ tự-nhiên là ở đời cạnh-tranh này, không nên để cái gì là vô-dụng, nhất là trong việc lý-tài lại rất là không nên có vốn để không. Những vốn to lớn đem ra dụng ngay được không nói làm chi, nhưng ngoài những vốn lớn ấy

còn những vốn linh-tinh rải-rác khắp mọi nơi, kẻ nhiều người ít, để tản-mát ra thời không dùng được việc gì mà họp-tập lại thời thành một cái tư-bản lớn, có thể giúp cho việc công-thương trong nước được mở-mang. Ấy cái chức-vụ của nhà ngân-hàng là thứ nhất phải tập-họp lấy những vốn linh-tinh như vậy, còn các công việc khác là phụ-thuộc mà thôi. Ngạn-ngữ Âu-châu đã có câu rằng: « Doanh-nghiệp là dùng tiền của kẻ khác ». (*Les affaires, c'est l'argent des autres.* Thật thế, khéo dùng tiền của thiên-hạ cho sinh-sôi nẩy-nở ra, vừa lợi cho mình vừa lợi cho người, ấy cả cái thuật buôn tiền là ở đó. Ở đời này, nghề-nghiệp gì cũng phải kinh-doanh cho rất to-tát thì mới mong tranh được lợi-quyền với người khác; nhưng muốn kinh-doanh to-tát phải có vốn to-tát, muốn có vốn to-tát mà tự mình không sẵn thời lấy ở đâu? Chỉ có một cách là hội-họp lấy vốn của thiên-hạ để đem ra lợi-dụng hoạt-động cho sinh-sôi nẩy-nở ra : cách ấy là cách lập ngân-hàng. Nhưng phải biết rằng trong nghề ngân-hàng cũng như trong các nghề khác mà lại cần hơn các nghề khác, điều thứ nhất là phải có lòng tin-cẩn mới được. Thử nghĩ coi : tiền là tiền của khắp mọi người, mình đứng lên gọi vốn, phải thế nào thời người ta mới tin mà đem gửi mình, việc đó không phải là ai ai cũng có thể chủ-trương được. Đến khi thiên-hạ đã đem vốn đến nhiều rồi, lại phải kinh-lý thế nào cho thập-phần chắc-chắn, thời người ta mới có lòng tin mà chịu để lâu và mình mới được rộng đường mà đem lợi-dụng. Nói rút lại thời nghề buôn bạc bán tiền (tức là nghề ngân-hàng) chỉ trọng-yếu ở một chữ *tin* làm đầu. Nghề buôn tiền tiếng Pháp gọi là « *le crédit* », các nhà ngân-hàng gọi là « *établissements de crédit* ». Chữ *crédit* đó nghĩa là « vốn, tiền vốn, sự buôn vốn », nhưng cũng lại vừa có nghĩa là « sự tín-dụng, lòng tin-cẩn, cái thế-lực vững-vàng », và hai nghĩa ấy thường dùng đắp-đổi lẫn nhau ; như nói : người buôn này không có *crédit*, nghĩa là không có vốn, có ít tư-bản, nhưng cũng lại nghĩa là không đủ tín-dụng, không được chắc-chắn. Coi đó thời đủ biết rằng chữ « tiền » với chữ « tin » thật là có mật-thiết quan-hệ với nhau, không thể rời nhau được; không khiến cho người ta có lòng tin mình thời không thể nào chiêu-phần lập-hội được, không thể nào tập-họp cho nhiều tiền mà kinh-doanh sự-nghiệp to được. Các nhà ngân-hàng lớn trong thế-giới sở-dĩ sinh-tồn phát-đạt được mà thành những cơ-quan trọng-yếu cho công-trường thương-trường của vạn-quốc là chỉ bởi một chữ *crédit* mà ra, chữ ấy là gồm cả hai nghĩa « có tiền » và « có tin » vậy. Nay dân An-nam ta muốn thu-phục lấy thương-quyền trong nước, duy chỉ lập nhà ngân-hàng mới có cách hành-động được, nhưng trước khi xướng lập ngân-hàng phải đem một chữ « tin » ấy mà in sâu vào não-chất quốc-dân, rồi hẵng nên khởi-hành mới mong thành-hiệu được ; đó là phần cốt-yếu, đến khi đã được lòng tin của thiên-hạ thời không lo gì thiên-hạ không đem tiền đến giúp : đã có *tin* rồi, tất có *tiền* vậy.

Mới rồi được tin trong Nam-kỳ ra nói rằng đồng-bào ta trong ấy đương lục-tục lập một nhà ngân-hàng An-nam, vốn định là 10 triệu đồng bạc (1 nghìn vạn), chia làm một trăm vạn cổ-phần, mỗi cổ-phần là 10 đồng. Công-cuộc to tát thay! Có làm to như vậy mới mong cuộc tranh-thương kết-quả được. Nhưng phải biết rằng việc dựng ngân-hàng là việc rất khó-khăn, phải nghiên-cứu rất kỹ, kinh-doanh rất khéo, giữ-gìn rất thận-trọng mới nên khởi-hành, không phải là việc khinh-suất mà làm được. Thứ nhất là phải gây lấy cái lòng *tin* trước

đã. Ta rất cầu-nguyện mong-mỏi cho các đồng-bào ta trong Nam gây-dựng được cái cơ-nghiệp lớn-lao ấy, nhưng ta ngờ rằng không biết việc đã nghĩ chín chưa, công-cuộc bố-trí có được thập-phần chỉnh-đốn không, và các ngài đứng chủ-trương việc đó đã được hết lòng tin của quốc-dân chưa, vì việc to như vậy là có quan-hệ đến cả nhất-ban quốc-dân, không phải là cuộc doanh-lợi riêng của một hội một đảng được ; nếu chưa được đủ bấy nhiêu điều thời chưa nên khởi-hành vội, e sự kết-quả không được như lòng hi-vọng vậy. Đó là lo xa như vậy mà thôi, chớ ta chắc rằng các ngài đã trù-tính cẩn-thận cả rồi, và đã cổ-động làm tất làm phải được. [1]

THƯỢNG-CHI.

CHẤN-CHỈNH THƯƠNG-TRƯỜNG

Nhân cái phong-trào đề-chế người Khách mà việc buôn-bán ngày nay đã thành một mối nghị-luận phổ-thông trong quốc-dân ta, không chỗ nào là không bàn đến việc buôn-bán, không người nào là không nhiệt-thành về buôn-bán, không đâu là không mưu-tính sự buôn-bán. Cái trí-não của đồng-bào ta bây giờ hình như khuynh-chú cả vào hai chữ buôn-bán. Buôn gì? bán gì? buôn ở đâu? bán cho ai? buôn làm sao? bán thế nào? có lẽ phần nhiều người còn mơ-hồ chưa hiểu rõ, nhưng ai ai cũng có hai chữ buôn-bán ở đầu lưỡi, ai ai cũng có cái chí tranh-thương ở trong lòng. Tuy cái kết-quả trong hai tháng nay chưa thấy gì là hiển-hiện, mà lòng thành hăm-hở thật cũng đáng khen thay.

Song sự hăm-hở chỉ được một lúc mà cái chí kinh-doanh phải lâu bền mới được. Cho nên giữa lúc phong-trào kịch-liệt vẫn có người lo rằng không biết người mình có thừa-cơ mà gây-dựng được công-cuộc gì to lớn không, hay là chẳng qua cũng là một sự náo-động nhất-thời mà thôi, rồi trước thế nào sau vẫn hoàn thế, như sau cơn gió-bão trời lại phẳng-lặng như thường, chỉ còn để lại cái tiếng rằng dân mình tư-cách còn thiếu-thốn, trình-độ còn thấp-hèn vậy. Nếu như

(1) Theo báo *Tribune indigène* ngày 7 Octobre 1919, chương-trình nhà ngân hàng đương lục-tục dựng trong Nam-kỳ có mấy khoản trọng-yếu như sau này :

1° Vốn nhà ngân-hàng định là 10 triệu (1 nghìn vạn) đồng bạc, tên đặt là *Banque annamite* ; — 2° Kỳ-hạn là 30 năm, đại-hội-đồng có quyền được tăng thêm nữa ; — 3° Không có cổ phần riêng cho người sáng-lập ; — 4° Mỗi cổ-phần là 10 đồng, cả thảy 1 trăm vạn cổ-phần, phải nộp bằng bạc hoặc bằng vé quốc-trái. Mỗi vé quốc trái 4 quan lài thì định giá là 8 đồng bạc ; — 5° Cổ phần của người nào biên tên người ấy, để cho nhà băng rõ là của quốc-dân An-nam, và khi chuyển-dịch tòa trị sự để kiểm-soát ; — 6° Các cổ-phần được tính lãi nhất-định là 8 °/₀, ngoài tiền phân phối (*dividende*) ; 7° Trong 1 trăm vạn cổ-phần thời chia tư để một phần cho người Pháp có lòng muốn giúp vốn cho ngân-hàng ; — 8° Các viên trị sự sẽ cử theo điều-lệ, định số là 12 người, 3 người Pháp và 9 người An-nam. Ông Chủ Hội-đồng trị-sự phải là người An-nam ; kỳ-hạn tại chức các viên trị-sự là 3 năm ; — 9° Phải có ít ra là 100 cổ-phần mới được cử làm trị-sự.

Hiện nay hội-sở đặt tạm ở số 34 đường Aviateur Garros (trước là đường Poulo-Condore). — Hội-đồng sáng-lập có quan Đốc-phủ hưu-trí Lê Văn-Mậu làm chủ hội ; ông Nguyễn Hữu Hào diễn-chủ làm phó Chủ-hội ; Ông Nguyễn Văn Của, chủ nhà in, làm thủ-quĩ ; ông Nguyễn Phu Khai, quản-lý báo *Tribune indigène* làm thư-ký. — Hội-đồng sẽ phái người đi cổ-động diễn-thuyết ở các hàng tỉnh. — Nhà băng sẽ dùng người Pháp làm quản-lý.

vậy thì nghĩ cũng đáng buồn thay! Nhưng mà ta chắc rằng không có lẽ như thế được, không có lẽ cái tình-trạng trong thương-trường ta trước khi xảy ra phong-trào ấy với sau khi đã xảy ra rồi vẫn y cũ không có thay đổi gì. Không có lẽ người mê ngủ đã tỉnh thức rồi mà lại ngủ say như trước được nữa. Vậy thời từ đây thế nào trong thương-giới cũng có cải-lương và sẽ xuất-hiện ra một cái trạng-thái mới, ta rất lấy làm mong-mỏi lắm.

Nay giữa lúc thương-giới sắp cải-lương, ta nên tự mình kiểm-điểm mà xét xem từ trước đến nay bởi những duyên-cớ gì mà sự buôn-bán ở nước ta không phát-đạt được, cùng từ nay về sau muốn cho mở-mang thời phải có những tư-cách gì, tức là trước phải «sám-hối» đã, rồi mới mong cải-lương được. Sự «sám-hối» ấy người mình chắc ai cũng sẵn lòng, vì tự mình biết lỗi mình không có xấu gì, có biết mới mong chừa được, có chừa được mới hay hơn lên.

Từ ngày có việc đề-chế, các nhà làm báo tây, các nhà buôn-bán tây, xem ra cũng để ý chiêm-nghiệm, và thường bình-phẩm về cái cách buôn-bán của người An-nam. Đại-để chê rằng lối buôn-bán ở nước mình còn hủ-lậu lắm, và nói rằng người An-nam không có cái «khiếu buôn-bán» (*sens commercial*), không có cái tính kiên-nhẫn (*ténacité*), không có cái lòng danh-dự trong việc thương-mại (*l'honneur commercial*), bấy nhiêu sự khuyết-điểm làm cho thương-nghiệp trong nước không có cơ chấn-hưng ngay được và các tây-thương chưa có bụng tin muốn giúp giúp. Còn việc đề-chế người Khách thời cái nguyên-lý vẫn là hay lắm mà sự kết-quả chắc không thành gì, vì người An-nam chỉ biết trông cái lợi nhỡn-tiền mà không biết mưu những kế trường-cửu, cho nên mới vội-vàng khinh-xuất như vậy, khác nào như người võ-bị chưa chỉnh đã vội ra khêu chiến với người, mong đắc-thắng sao được? — Tuy nghe những lời người ngoài bình-phẩm, nhất là bình-phẩm xấu như vậy, tưởng người An-nam nào có chút khẳng-khái trong lòng cũng không thể điềm-nhiên mà vui lòng được. Nhưng không nên trách người quá-khắc, phải tự xét mình có đáng hay không. Vả nếu quả mình có điều khiếm-khuyết thì thường tự mình không nhận ngay được, phải có người ngoài chỉ rõ cho mới biết. Nay dư-luận của người Tây chắc là sành-sỏi hơn mình, đã dòm thấy trong tư-cách người mình về đường buôn-bán có những khuyết-điểm như vậy, ta nên xét xem có chánh-đáng hay không, và thử-ngoại còn có duyên-cớ gì khác nữa không.

Nói quyết-đoán rằng người An-nam không có cái «khiếu buôn-bán» thì tưởng cũng chưa được đúng lắm. Tuy lấy cái lý-tưởng sai lầm của đời trước nghề buôn không coi làm trọng, đàn-ông không mấy người chịu đi buôn, nhưng xét ra đàn-bà rất là có tài tần-tảo, vào cái thời-đại bế-quan, nước ta còn chưa giao-thông với ngoài, bao nhiêu mối buôn-bán trong nước là hầu hết về tay đàn-bà choán cả. Hiện nay không những việc buôn chợ bán quê, ngồi hàng sách-bẻo, là đàn-bà vẫn chuyên như trước, mà đến những mối buôn lớn như thóc-gạo tơ-lụa các bà cũng có một phần to, và tỏ ra thao-lược chẳng kém gì ai. Buôn gạo xuất-cảng như Bà Nghĩa-lợi năm trước thời dẫu Khách-trú cũng phải chịu là tài. Lại nhiều bậc phú-thương ở Bắc-kỳ ta ngày nay, sự-nghiệp gây nên cũng là phần nhiều bởi tay các phu-nhân cả. Đàn-ông có học-thức, có giao-thiệp mà buôn-bán nên cơ-đồ, không lấy gì làm lạ. Đàn-bà không học-thức, ít kiến-văn mà tự-lực đảm-đang được như vậy, mới thật là đáng khen, và đủ làm cái

chứng-cớ hiển-nhiên rằng dân-tộc An-nam không phải là không có « khiếu buôn-bán ». Chỉ vì xưa nay việc buôn-bán để riêng cả cho đàn-bà mà đàn-ông không chịu ra tay hành-động, nên thương-nghiệp trong nước mới chậm tiến-hóa, và cái « khiếu » buôn-bán kia mới chưa khai-thông ra được hết. Ngày nay thời-thế biến-thiên, lợi-quyền bách-xúc, các bậc tu-mi trong nước đã dần-dần tỉnh-ngộ, đem cái chí tiến-thủ mà hăng-hái bước vào trường công-thương, tuy có lắm người thất-bại, nhưng cũng nhiều người thành-công : cái gương ông Bưởi ông Thu đủ làm minh-chứng vậy.

Cho nên nói rằng người An-nam không có « khiếu » buôn-bán thì chưa được đúng lắm ; tưởng nói cái « khiếu » buôn-bán của người An-nam chưa khai-thông được khắp cho hợp với trình-độ thương-giới ngày nay thời có lẽ phải hơn. Nhưng mà hiện nay cái ý-hướng quốc-dân xem ra đã xoay về đường thực-nghiệp, thời sự khai-thông ấy chắc cũng có thể mau thành được.

Nay xét đến cái tính kiên-nhẫn của người mình, thì phải chịu rằng kém thật. Tục-ngữ ta vẫn có câu rằng : *có gan làm giàu*, nhưng xét ra trong nước người « có gan » ít lắm, nên người làm giàu cũng không nhiều. Đó là cái thông-tật của quốc-dân ta, không những riêng một hạng nhà buôn, nhưng trong mười nhà buôn thất-bại thì chín nhà là vì người chủ-trương không có định-kiến, không có kiên-nhẫn. Lúc mới đầu bao giờ cũng hăm-hở, lắm khi không xét kỹ lợi-hại đã vội làm, đến sau hơi thấy vấp-váp một đôi ti thời đem lòng chán-nản ngay, đã chán-nản thời trễ-biếng công việc, đã trễ-biếng công việc thì còn đứng vững làm sao được. Nhưng một nhà buôn hỏng không những hại cho người chủ và những người có vốn vào đấy, mà lại khiến cho người khác có chí buôn-bán trông thấy thế mà sợ, cùng các nhà buôn ngoại-quốc trông thấy thế mà mất lòng tin người An-nam. Chóng hăm-hở, dễ chán-nản, đó là cái tật không kiên-nhẫn. Nhưng vì buôn-bán không chạy mà chán-nản thành ra thất-bại, thì cái đó con khả-nguyên được. Chớ lại có người buôn-bán thịnh-vượng mà cũng vì không kiên-nhẫn thành ra suy-sút thì mới lạ thay. Cái gương đó đã từng bày ra nhiều lần trong thương-giới nước ta. Có người lúc mới bắt đầu buôn-bán thì rất là chăm-chỉ, hết sức mở-mang, hàng-họ thật chạy, coi nhà-cửa đã có vẻ phong-quang hơn trước, tưởng vốn-liếng cũng thâu-thập được ít nhiều, nếu mà càng phấn-chấn lên thì cũng có đủ sức và có thể làm được giầu to, nhưng bấy giờ hình như lấy làm tự-túc rồi, công việc biếng-nhác, hàng xưởng không trông, nhất-nhất phó mặc cho người làm, tự mình nghiễm-nhiên lên mặt chủ, khinh rẻ khách mua hàng, bán buôn đồ hàng xấu ; từ đó cửa hàng mỗi ngày một ít khách, buôn-bán mỗi ngày một kém đi, nhất-dần có hàng khác dựng lên tranh hết mối, thế là hàng mình lụn. Ấy xét tình-trạng những nhà hàng đương thịnh-vượng mà nửa chừng phải đóng cửa, tựu-trung phần nhiều vì một cái cớ không kiên-nhẫn cả. Không kiên-nhẫn nên hơi thấy mắc-míu đã ngã lòng, không kiên-nhẫn nên hơi thấy phát-đạt đã biếng-nhác, không kiên-nhẫn nên không biết tính xa, không kiên-nhẫn nên không hay tiến-thủ ; bởi một cái tật đó mà công-nghệ thương-nghiệp không tấn-tới được cũng nhiều. Phàm việc đời, cái tiền-trình không biết đến đâu là hạn, phải bước lên bước tới hoài thời mới không sợ kém sút người ta. Nếu gặp phải cơ-hội không tốt, tình-thế không lợi, mà bất-đắc-dĩ không thể tiến lên được, thì cố đứng yên cho vững, dù thế nào cũng

không được lùi về. Tức như trong binh-pháp dạy nhà quân phải chỉ biết tiến mà không biết lùi mới được. Trong cuộc chiến-tranh vừa rồi, giữa lúc hai bên còn tương-trì nhau chưa phân thắng-phụ, đã có người nói hễ bên nào đứng vững được hơn bên kia một ngày là bên ấy được. Trong cuộc tranh-thương cũng vậy, phần nhiều chỉ ăn thua nhau ở cái đứng-vững mà thôi; muốn đứng vững thì phải có nghị-lực, có kiên-nhẫn mới được.

Kiên-nhẫn là một cái đức-tính rất hay và rất cần cho nhà buôn; nhưng chắc ai cũng hiểu rằng có một cái tính tốt ấy chưa đủ đi buôn được. Nhà buôn còn phải cốt nhất là thật-thà tin-cẩn, nói lời biết giữ lời, đã ước không dám sai, trong cách buôn bán hết sức giữ-gìn cho khỏi phí mất tiếng mình, không những thế mà lại cầu cho được tiếng khen tiếng tốt với bạn hàng, khiến cho người mua nhớ mãi, tức cũng là một cách mưu-lợi tràng-cửu cho mình; nói rút lại là phải có cái lòng « danh-dự » trong việc thương-mại. Nay người ngoài xét ra cái lòng danh-dự ấy mình ít có lắm, thật cũng không oan. Không kể những kẻ đi buôn nửa buôn mà nửa muốn lừa người, hạng ấy thời dẫu ở đâu cũng không có kế trường-cửu được, sớm trưa tất phải thất-bại, còn những người thực có chí buôn-bán thường-thường cũng không khỏi cái tính cẩu-thả là thông-tính của người nước Nam ta. Người mình làm việc gì cũng cẩu-thả nhân-tuần, hình như xong việc tắc-trách thì thôi, không có chu-tất cho đến nơi đến chốn. Cứ xét từ việc học-hành, thi-cử, làm quan, làm ruộng, làm thợ, làm nghề, cho chí thờ thần thờ Phật, tác-phúc hưng-công, không gì là ra ngoài hai chữ cẩu-thả. Cẩu-thả lại cẩu-thả, dối-dá thêm dối-dá, mà vận nước một ngày một xuống, thế nước một ngày một suy, sa lụn mãi cho đến bậc kém hèn như đời nay, thật muôn sự khốn-nạn của giống mình là bởi một cái căn-tính ác-nghiệp ấy mà ra cả. Dối-dá, cái gì cũng dối-dá: học thời truyền miệng răm ba quyển sách cũ, ít nhiều câu văn xưa, rồi tràng-khoát mà nghị-luận cổ kim, chẳng gì là thiết-thực; — làm ruộng thời không biết phòng xa, mùa nào có bao nhiêu bán đi hết cả, không nghĩ đến mùa sau hoặc vì hạn vì lụt hay vì duyên-cớ gì mất thời lấy gì mà ăn, thành ra nước vốn là một nông-quốc sống về gạo mà có năm không có gạo ăn đến chết đói! — buôn-bán, ôi! đến buôn-bán thời cái căn-tính cẩu-thả mới lại càng hại nữa; dễ cũng chỉ vì một cái tính đó mà người ngoại-quốc chê ta là không có tư-cách buôn-bán: hàng gì cũng vậy, hễ mới ra thì tốt, sau thấy bán hơi chạy cứ mỗi ngày một xấu dần đi, dường như rẻ khách hay là lừa khách, miễn là đồ hàng trôi tay thời thôi, xấu tốt mặc kệ kẻ mua; thử xét trong các nhà hàng An-nam ta những hàng mà khách có thể tin được không sợ mua hớ, không sợ bán sai, thật là ít lắm; các nước thời sự đó là sự thường, mà nước mình thật chưa từng thấy mấy. Vì phải biết cái tâm-lý của khách mua hàng: người mua rất có tính dễ tin và thường hay nhớ hàng cũ; nếu mua một lần thấy tốt, lần sau tất thế nào cũng trở lại; vì không khi nào phải lừa phải hớ thời khách mua hàng không mấy nỗi mà thành bạn hàng, từ đó không thể mua chỗ khác được nữa. Như vậy mà cẩu-thả dối-dá làm cho người ta đến phải kiềng cửa mình, thời không những là điên-đảo mà thật là chí-ngu. Trong cách sửa-soạn nhà hàng, kinh-lý mọi việc, biên chép sổ sách, tính-toán lãi-lờ, thường-thường cũng là cẩu-thả cả, mà không việc gì được phân-minh châu-đáo: có nhà buôn-bán to mà mang-nhiên không biết đồ hàng tiêu-thụ thế nào, vốn lãi nhiều ít làm sao, tiền kinh-phí ngoài hàng với tiền chi-tiêu

trong nhà đổ lộn cả với nhau, không biết đàng nào mà tính! — Người nước ta từ trước đến nay buôn-bán không lợi, không được người tin, không phải là không có khiếu buôn-bán, cũng không phải là toàn-thị bởi không có tính kiên-nhẫn, chỉ thứ nhất là bởi cái tính cẩu-thả dối-dá mà thôi. Đã cẩu-thả tức là dối người, đã dối người thời ai còn tin nữa, người đã không tin thời còn danh-dự gì nữa? Cho nên nói rằng người nước ta chưa có cái lòng danh-dự trong việc buôn-bán, không phải là trách oan vậy.

Coi như thế thời người Tây cũng là dòm trúng cái tật của mình lắm. Những tật ấy, người mình quả có thật, phải lấy lòng thành-thực mà công-nhận mới được. Nhưng đã biết cái bệnh-căn ở đâu thời phải hết sức trừ cho được. Cái bệnh-căn như trên kia đã giải là ở trong tâm-lý người mình ; cách liệu-trị tất cũng phải tìm trong tâm-lý. Nhưng mà bệnh vô-hình không có mong chữa ngay được : phải nhờ cái không-khí trong xã-hội ngày một trong-sạch đằm-thắm cho, nhờ sức đào-tạo của giáo-dục ngày một phổ-thông hun-đúc cho, nhờ cái trình-độ quốc-dân ngày một cao hơn lên, nhờ sự văn-minh tiến-hóa ngày một mở-mang ra, dần-dần mà những tính xấu cũ trừ bỏ được, tư-cách mới gây-dựng nên, sau này người mình cũng khai-thông như người nước khác, bọn nhà buôn của mình sẽ khỏi được cái tiếng hủ-lậu như trước kia. Nhưng cách liệu-trị ấy là cách xa-xôi, hiệu-quả phải lâu năm mới thấy được. Nay có một cách gián-tiếp cũng có thể giúp cho thương-giới cải-lương, là cổ-động cho những người có chí nên gia sức nghiên-cứu về việc buôn-bán hiện-thời. Ký-giả viết bài này cũng là chủ một mục-đích ấy. Vậy sau đây xin liệt ra mấy cái đề lớn, mở ra một cuộc điều-tra (*enquête*) về việc buôn-bán, xin mời các bậc cao-minh trong nước ông nào có ý-kiến riêng về khoản nào lai-cảo cho bản-báo, sẽ lần-lượt đăng báo, để cùng đồng-lãm. Đại-khái kê ra mấy đề như sau này:

1° Muốn mở hàng buôn, lập hội buôn, cách sắp-đặt tổ-chức phải thế nào cho chắc-chắn và tiện-lợi? (Dự-toán — Xuất vốn — Gọi vốn — Chiêu cổ-phần — Việc cổ-động — v. v.)

2° Ông nào đã từng buôn-bán mà nên phát-đạt, xin cho biết cái yếu-thuật của ông làm thế nào mà được như thế? (Mỗi nghề buôn có một cái thuật khác, ông kinh-nghiệm nghề gì xin nói riêng một nghề ấy và nói thật rõ cho đồng-nhân được biết. Tưởng không gì bằng cứ kể ngay lịch-sử cửa hàng ông từ ngày mở đến giờ.)

3° Ông nào đã từng buôn-bán mà phải thua lỗ, xin cho biết bởi những duyên-cớ gì mà đến như thế? (Thiếu vốn — Quản-lý không khéo — Cơ-hội không tốt, v. v.)

4° Nghề buôn gạo bán gạo bây giờ người mình có tranh lại được người Khách không? — Phải làm thế nào?

5° Nước ta ngoài thóc-gạo, có những thổ-sản lâm-sản gì người mình buôn có lợi? (Ngô đậu — Đường — Chè — Củ nâu — Quế — v. v.) — Nơi nào sản-xuất nhiều những thứ ấy? — Vận-tải làm sao? — Bán đi thế nào? — v. v.

6° Trong nghề buôn nhập-cảng, nghĩa là buôn những đồ hàng hoặc vật-liệu ở ngoài vào trong nước, có những món gì người mình buôn được? — Nghề buôn sợi thế nào? v. v.

7° Các công-nghệ trong nước, có những nghề gì có thể mở-mang ra được? — Nghề dệt vải cách-thức thế nào? — Ta có thể dệt được bít-tất không? làm được ô (dù) không? — Chè ta có thể chế ướp được theo lối tàu không? — v. v.

8° Các vấn-đề linh-tinh có quan-hệ hoặc có ích-lợi cho việc buôn-bán công-nghệ trong nước.

Mấy vấn-đề trên kia gọi là phác-họa ra để làm mẫu ; ngài nào tường về đề nào xin cho biết ý-kiến về đề ấy, hoặc có việc không thuộc về đề nào cũng không hề gì. Cốt-yếu là được những việc đích-sác, hoặc đã kinh-nghiệm, hoặc đã mục-kích, hoặc đã tường-tất ; nếu có thể kê được số-mục làm bằng-cứ thì hay lắm.

Cuộc điều-tra đây là chủ-ý giúp cho thương-giới nước nhà đương cái cơ-hội rất tốt này, mong rằng các bậc cao-minh sẽ sẵn lòng công-ích mà gia công nghiên-cứu hộ.

THƯỢNG-CHI

THƠ CHO NGƯỜI BẠN

III

Nguyễn Nhân-huynh kỷ-hạ,

Mỗi chuyến tầu Tây tới, tôi thường nhận được vài ba thứ tân-văn tạp-chí bên Tây gửi sang. Lần nào cũng để ý đọc kỹ, cho biết rõ các việc lớn trong thế-giới. Nhưng mà hiện-tình thế-giới mỗi ngày một thay đổi, mỗi ngày một biến-hóa, thiên-hình vạn-trạng không thể tư-nghị được, những vấn-đề xuất-hiện ra rất là phiền-phức, rất là phồn-tạp, dẫu dùng hết trí khôn, để hết ý nghĩ lắm khi cũng không lý-hội cho khắp được. Nào là việc chánh-trị, việc ngoại-giao, việc tài-chánh, việc võ-bị, việc giáo-dục, việc cảnh-sát, việc chế-tạo, việc giao-thông ; mỗi ngày bao nhiêu việc, mỗi việc là một vấn-đề được thua hơn kém ở đấy, việc nọ liên-can với việc kia, việc kia ràng-buộc với việc nọ, phân-vân bề-bộn, tưởng thiết-thân vào đấy không biết giải-quyết thế nào cho ổn. Thấy thế mà lắm lúc đương đọc, bỏ tờ báo cuốn sách xuống, ngồi ngẫn người ra, thở dài mà tự nghĩ rằng : « Sự sinh-hoạt trong thế-giới bây giờ, sao mà khó lắm thay ! Làm một nước có địa-vị trên mặt đất bây giờ, thiệt cũng gian-truân thay !... Không biết người nước mình có nghĩ đến những nông-nỗi khó-khăn ấy không ? Không biết nghĩ đến có cái chi học-tập cho bằng người không ?... Mà học-tập nữa, biết đến bao giờ cho kịp cái trình-độ người ta ?... Nguy vậy thay ! » — Nhân thế mà tôi nghĩ đến cái vấn-đề chánh-trị ở nước Nam ta hiện bây giờ.

Ôi ! gần đây có nhiều người bàn những chuyện tự-trị. Tự-trị, tự-trị, tiếng vẫn đẹp lắm, ý vẫn hay lắm, nhưng mà cứ cái trình-độ dân-trí mình, chẳng qua còn là những sự mộng-tưởng hoang-đường cả. Bàn làm chi, nói làm chi, cho mang tiếng vu-khoát, không biết tự-lượng mình ! Thiết-tưởng cái vấn-đề chánh-trị, muốn xét cho đúng với hiện-tình, không phải ở đâu những sự mơ-tưởng ấy. Cứ thật mà nói, dân-trí còn chửa khai-thông thời không có gì là vấn-đề chánh-trị cả, vì chưa ai hiểu việc chánh-trị là gì. Chính-thể thế này, hay chính-thể thế khác, đối với người dân mình cũng *rứa* cả, có quan-hệ chi ? Tôi còn nhớ năm trước, hồi Tàu mới cách-mệnh phá đổ nhà Mãn-Thanh, tôi có hỏi chuyện một ông tú-tài tàu rằng : « Qui-quốc mới đổi chính-thể ; như ý Tiên-sinh thích Dân-chính mới hay thích Đế-chính cũ nhà Mãn-Thanh ? » Ông đáp lại rằng : « Dân-chính cũng thế, Đế-chính cũng thế, đàng nào cũng được ! » Ấy phần

nhiều đồng-bào ta, không những người tầm-thường mà đến những bậc thượng-lưu tri-thức đối với việc chính-trị vẫn còn mơ-hồ hay là lãnh-đạm như ông, tú-tài tàu ấy cả ; như vậy mà bàn chuyện chánh-trị thì còn có ích-lợi chi, không những không ai thiết, mà nhiều người không hiểu là chuyện gì. Không biết ngô-huynh nghĩ sao, chớ cứ như ý riêng tôi thời thiết-tưởng hiện bây giờ mà bàn chuyện chánh-trị là chưa hợp thời vậy. Bây giờ cần-cấp nhất chỉ có việc giáo-dục mà thôi, có giáo-dục thời dân-trí mới mở-mang, dân-trí có mở-mang thời trong nước mới có nhiều người khôn người giỏi, nước có nhiều người giỏi người khôn thời bấy giờ mới mưu việc chánh-trị được. Chớ như ngày nay, trong một trăm một nghìn người không được một người hiểu việc thời-thế, không được một người biết cái cơ-quan chánh-trị vận-động ra thế nào ; hỏi quyền bầu-cử phải làm sao, chức nghị-viên là thế nào, thế nào gọi là tư-pháp, thế nào gọi là hành-chánh, sổ dự-toán là cái gì, phép tài-chính là việc chi, mang-nhiên không ai biết cả ; như vậy mà bàn chuyện chánh-trị thời chẳng là vô-vị lắm rư ?

Song đó là những việc đại-chính-trị, quan-hệ đến quốc-thể bang-giao, người mình quyết là chưa đủ tư-cách bàn-tính được ; vậy chẳng nên hăm-hở vội-vàng, nay yêu-cầu sự nọ, mai tranh-cạnh việc kia làm gì mà uổng công vô-ích. Những việc đại-sự đó ta hẵng tạm gác bỏ một nơi. Nhưng đến những việc cai-trị thường, những sự mưu-toan của Chánh-phủ cho ích-quốc lợi-dân, những việc cải-lương chấn-chỉnh trong một hạt một xứ, nói rút lại phàm những sự không quan-hệ đến quốc-thể mà quan-hệ đến việc hành-chính các địa-phương, thì cái nghĩa-vụ của người dân trong nước là phải am-hiểu cho tường mà bàn-tính cho sác, vì là những việc cận-thiết ngay đến bản-thân của mỗi người. Ay cái vấn-đề chánh-trị ở nước ta bây giờ tưởng phải nên hạn-định như vậy mới là thiết-thực. Nhưng trong cái phạm-vi hơi chật-hẹp ấy, người mình cũng có thể ra công mà giúp nước lợi dân được, nhân đó kinh-nghiệm dần mà luyện-tập lấy cái tư-cách cao hơn. Cốt nhất là phải hiểu rõ tình-thế nước mình mà chớ nên ngộ-nhận.

Tình-thế nước ta ngày nay là thuộc vào một cái cảnh-ngộ riêng. Vì dân còn kém hèn mà phải nhờ một nước lớn Bảo-hộ. Chính-quyền trong nước phần nhiều là do nước Bảo-hộ thay ta mà thi-hành cả. Chắc rằng Chánh-phủ Pháp thi-thố việc gì cũng là chủ mưu sự ích-lợi cho dân ta. Nhưng tôi còn nhớ có nhà chánh-trị Pháp đã nói một câu rằng : « Nước Pháp ta mưu việc gì cũng là chủ sự ích-lợi cho dân trị-hạ cả, nhưng thường lắm khi đem thi-hành ra lại hại cho họ, là cớ làm sao vậy ? Là ta không hiểu tâm-tính họ, ta không rõ sự cần-dùng của họ, ta cứ lấy cái phương-diện của ta mà xét họ, thành ra nhiều khi xét lầm mà làm ngược. » Lời sác-đáng thay ! Thật thế trong khoảng ba bốn mươi năm nay, Chánh-phủ Bảo-hộ thi-thố cũng đã nhiều, mà lắm việc không được thành kết-quả như lòng sở-nguyện, chỉ là bởi Chánh-phủ không hiểu rõ dân-tình. Người cầm quyền với kẻ trị-hạ cách-biệt nhau quá, một là bởi tính-tình không giống, hai là bởi ngôn-ngữ bất-đồng, ngoài nữa còn nhiều duyên-cớ khác không thể kể cho xiết được. Bởi thế mà trên dưới không thông, những tình-tiết u-ẩn trong dân-gian không đạt tới quan Bảo-hộ, những chính-sách hay của Chánh-phủ không phổ-cập đến dân-gian, trong chính-giới như có đám sương mù che ám, không biết bao giờ phá tán đi được. Ấy cái hiểm-tượng là ở đó, ấy cái trở-ngại cho sự

tiến-hóa trong nước là ở đó. Vẫn biết rằng ở giữa quốc-dân với chánh-phủ đã có bọn quan-lại ta chức-vụ là để làm môi-giới cho hai bên và thông-đồng kẻ trên với người dưới. Nhưng mà quan-trường ta lâu nay đối với Chánh-phủ, đối với quốc-dân đã mang tiếng nhiều lắm rồi, gần đây lại bị dư-luận công-kích riết lắm, nếu không kịp chấn-chỉnh lên, thì e không giữ được toàn giá-trị vậy. Vả cứ xét tình-trạng trong dân-gian thì đủ biết quan-trường đã phụ lòng hoài-vọng của dân nhiều lắm, và trước sau thật chưa làm được trọn cái nghĩa-vụ đối với nước nhà, khiến cho sự tiến-hóa trong nước bị chậm-trễ thật quan-trường cũng không khỏi không có một phần trách-cứu ở đấy. — Cho nên muốn giúp cho công khai-hóa của Chánh-phủ Bảo-hộ được hoàn-toàn, không thể trông cậy cả ở quan-trường ta được. Đó là cái nghĩa-vụ chung của cả bọn thượng-lưu trí-thức trong nước, không phải là của một quan-trường. Vậy thời bọn ta phải ra công hết sức mà phá đổ cái trường-thành nó cách-biệt quốc-dân ta với Chánh-phủ Pháp, giải-tán cái nghi-đoàn nó phân-lìa người Pháp với người Nam. Hai giống còn phải ăn ở với nhau một ngày cũng phải am-hiểu nhau, thân-cận nhau, huống cái vận-mệnh còn lâu dài, có lẽ cứ nghi-ngờ hiềm-kỵ nhau mãi được hay sao? Nhưng muốn cho hai bên đồng-tâm hiệp-lực mà mưu việc ích-lợi chung thời về phần mình những người có trí-thức và am-hiểu thời-thế nên hết lòng thành-thực mà giúp Chánh-phủ Bảo-hộ trong những việc công-ích cho quốc-dân mình, còn về phần Chánh-phủ thời nên lấy một cái chánh-sách rất khoan-dung mà đối-đãi với người mình, cho mở rộng đường ngôn-luận để thấu hết được dân-tình, trừ lại-tệ cho dân được nhờ, sửa-sang các cơ-quan hành-chánh cho được trực-tiếp với người dân. Ấy là sự đối-đãi của Chánh-phủ Pháp với quốc-dân An-nam. Nhưng đến sự giao-tế của người Nam với người Pháp, người Pháp với người Nam, thời hai bên cũng cần phải am-hiểu thân-cận nhau hơn lên mới được: người Pháp đừng có nhất-thiết khinh-bỉ cả người An-nam, người An-nam cũng đừng có nhất-thiết ố-kỵ người Pháp; nếu hai bên giao-tế với nhau thân-mật thời việc chánh-trị cũng được dễ thêm lên.

Ấy cứ ý riêng tôi tưởng cái vấn-đề chánh-trị ở nước ta bây giờ chỉ có thế mà thôi ; còn những sự mưu-toan to lớn thì quả chưa hợp với trình-độ quốc-dân ta. Cho nên về phần tôi, tôi vẫn chỉ lấy việc giáo-dục làm cần cấp hơn cả. Vậy lần sau sẽ xin cùng ngô-huynh nghiên-cứu cái vấn-đề giáo-dục.

Đệ THƯỢNG-CHI

CUỘC THI DỊCH

Bài văn sau này là của ông danh-sĩ nước Tỉ-lợi-thì MAURICE MAETERLINCK *viết bằng chữ Pháp. Văn ông thâm-trầm uyên-áo, có ý-vị sâu-xa, đã chiếm một địa-vị đặc-biệt trong văn-đàn Âu-châu. Bài này mà diễn ra lời nôm được thanh-thoát, không mất cái chí-thú của nguyên-văn, thời đủ chứng cho văn quốc-ngữ có cơ tiến-hóa được. Vậy xin các bạn đọc báo dịch giùm ra quốc-văn cho. Bài nào dịch hay hơn nhất bản-quán sẽ đem đăng báo và xin tặng dịch-giả một năm báo. Hạn thì định đến cuối tháng Novembre thì hết, nhưng các ngài ở xa (Trung-kỳ hay Nam-kỳ) có gửi chậm tí lâu cũng không hề gì.*

N. P.

Les Fleurs

Savons-nous ce que serait une humanité qui ne connaîtrait pas la fleur? Si celle-ci n'existait pas, si elle avait toujours été cachée à nos regards, comme le sont probablement mille spectacles non moins féeriques qui nous environnent mais que nos yeux n'atteignent point, notre aptitude à la beauté, au bonheur, seraient-ils bien les mêmes? Nous aurions, il est vrai, dans la nature, d'autres magnifiques témoignages de luxe, de surabondance et de grâce; d'autres jeux éblouissants des forces infinies: le soleil, les étoiles, les clairs de lune, l'azur et l'océan, les aurores et les crépuscules, la montagne et la plaine, la forêt et les fleuves, la lumière et les arbres; et enfin, plus près de nous, les oiseaux, les pierres précieuses et la femme. Ce sont là les ornements de notre planète. Mais excepté les trois derniers qui appartiennent pour ainsi dire au même sourire de la nature, que l'éducation de notre œil serait grave, austère, presque triste, sans l'adoucissement qu'y apportent les fleurs! Supposez un instant que notre globe les ignore: une grande région, la plus enchantée de notre psychologie heureuse, serait détruite, ou plutôt ne serait pas découverte. Toute une sensibilité délicieuse dormirait à jamais au fond de notre cœur plus dur et plus désert, et dans notre imagination privée d'images adorables. L'univers infini des couleurs et des nuances ne nous eût été incomplètement révélé que par quelques déchirures du ciel. Les harmonies miraculeuses de la lumière qui se délasse, qui invente sans cesse de nouvelles allégresses et semble jouir d'elle-même, nous seraient inconnues, car les fleurs ont d'abord décomposé le prisme et formé la partie la plus subtile de nos regards. Et le jardin magique des parfums, qui nous l'eût entr'ouvert? Quelques herbes, quelques résines, quelques fruits, le souffle de l'aube, l'odeur de la nuit et de la mer, nous auraient annoncé que par de là les yeux et les oreilles existait un paradis fermé où l'air que l'on respire se change en voluptés qu'on n'aurait pu nommer. Considérez aussi tout ce qui manquerait à la voix de la félicité humaine! Une des cimes bénies de notre âme serait presque muette si les fleurs, depuis des siècles n'avaient alimenté de leur beauté la langue que nous parlons et les pensées qui tentent de fixer les heures les plus précieuses de la vie. Tout le vocabulaire, toutes les impressions de l'amour sont imprégnés de leur haleine, nourris de leur sourire. Quand nous aimons, les souvenirs de toutes les fleurs que nous avons vues et respirées, accourent peupler de leurs délices reconnues la conscience d'un sentiment dont le bonheur, sans elles, n'aurait pas *plus* de formes que l'horizon de la mer ou du ciel. Elles ont accumulé en nous, depuis notre enfance, et dès avant celle-ci, dans l'âme de nos pères, un immense trésor, le plus proche de nos joies, où nous allons puiser, chaque fois que nous voulons rendre plus sensibles les minutes clémentes de la vie. Elles ont créé et répandu dans notre monde sentimental l'atmosphère odorante où se complaît l'amour.

MAURICE MAETERLINCK
(*Le Double Jardin*)

GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC KÝ

(LÝ-TƯỞNG CỦA MỘT NHÀ GIÁO-DỤC)

Gió thu sào-sạc, oai thái-dương đã giảm xuống răm phần, nhà làm ruộng cấy mùa vừa xong, đã bắt đầu sắm-sửa chài lưới để đi săn đi cả. Kỳ nghỉ hè đã gần mãn, tôi cũng về nhà trường mà nhận học trò mới.

Mỗi ngày có chín mười người đến báo tên vào học. Có nhà chính tôn-trưởng thành-kính đưa con trẻ đến, có nhà mượn thân-hữu đưa con trẻ đến, có nhà mượn bạn học trò đưa đến, có con trẻ tự mình đến ; kẻ ra người vào, cửa nhà trường mà tới tấp như chốn nha-môn. Tôi cũng hết sức ứng-thù, không đối với một người nào mà có điều sơ-suất. Vì tôi đã là trưởng-giáo một trường phổ-thông, phải lấy phổ-thông giáo-dục làm thiên-chức.

Phổ-thông giáo-dục là phải khiến cho mọi người trong xã-hội đều có lòng tín-ngưỡng mà vui theo, thì sự giáo-dục mới có thành-hiệu. Vả bây giờ trong nước phần nhiều người còn hờ-hững về sự giáo-dục ; có người chưa biết giáo-dục là gì ; thậm-chí có người coi sự giáo-dục như thù-nghịch ; thế mà mình còn bắc bực làm cao, không tỏ ra tình liên-lạc, có khi người ta trông thấy cửa nhà trường đã sinh ra vô-cùng ác-cảm. Cho nên tôi đối với mọi người trước còn thiếp-hiệp, sau sinh tin-tưởng, cũng là cái thiên-chức của kẻ đã hi-sinh về đường giáo-dục phải như thế.

Tôi vốn là người dễ tính, đến việc giao-tiếp lại càng vui-vẻ hòa-nhã ; trong nhà khách không để cho ai có ý hoài-nghi, hay ra khỏi nhà lại có lời chỉ-nghị. Vả nhờ những lúc vãng-lai sàm-tạp, mà thể-sát được đủ các mặt nhân-tình thế-thái, vì chức-nghiệp mỗi người một khác thì kiến-thức không ai giống ai : người thô-lục lại hay làm bộ văn-nhã ; người hung-bạo lại hay ra ý căng-trì ; người giảo-hiệt hay để cho người nói trước ; người ngu-xuẩn hay hỏi việc lần-thần ; hay cân nhắc hơn thiệt là bọn lái-buôn ; hay khoa-trương thần-thế là bọn quan-lại ; người nghèo hèn chỉ chăm chăm về lối kiếm ăn ; người thủ-cựu chỉ cố-chấp nghĩa kinh-chuyện ; mấy ông già không ưng cho con trẻ tập thể-thao ; mấy bà già lại không muốn cho con trẻ nghỉ sớm ; thiên hình vạn trạng, như mặt người không ai giống ai ; coi tức mình mà cũng buồn cười, cũng thêm trí-thức cho mình về sự kinh-nghiệm.

Thật thế, một hôm tôi gặp một người đáng kính đáng phục, và là một việc không bao giờ mà đáng quên. Hôm ấy, cơm sáng rồi, chiếu lệ ra chơi vườn một lúc ; học trò thường theo ra mà nói chuyện ; tôi cũng nhân lúc ấy hỏi chuyện gia-đình cho biết cái hiện-tình trong xã-hội. Đang vừa đi vừa xem tờ nhật-báo thì thấy người nhà mời vào có khách. Tôi liền vào, đã thấy khách đứng trong nhà mà đón. Xem người ăn mặc tinh sạch, mặt mũi quang-minh, tinh-thần nghiêm-nghị mà có mấy phần ôn-hậu, mới trông biết ngay là người có tài-thức. Đứng bên hai đứa tiểu-đồng, chừng 8, 9 tuổi, hình-dong ăn mặc phẳng-phất như nhau. Chào hỏi rồi, mới biết là Đỗ sinh-viên con quan Đốc-học cũ, không ra làm quan, mà vẫn lưu-tâm về tân-học. Hai đứa tiểu-đồng, một là con tên là Đỗ-Kỳ, một là cháu tên là Đỗ-Khôi, đều lên 8 tuổi. Ứng-đối mạnh-bạo mà có lễ, tinh-thần nghiêm-trang mà hoạt-bát ; mười năm nay tôi xem con trẻ đã nhiều, chưa có đứa nào đáng yêu như thế.

Nhân nói chuyện giáo-dục, Đỗ-quân khen-lao tôi quá lời, mà tôi cũng phục Đỗ-quân là người có kiến-thức. Đỗ-quân nhân nói có hai đứa vừa con và cháu, đã có hai năm sơ-học, xin cho vào phụ học lớp cao-đẳng tiểu-học để tập đòi Pháp-văn ; và xin tôi quá chơi nhà cho mình được nghe lời thảo-luận. Tôi khiêm-nhường tốn-tạ mãi, rồi hỏi qua những bài học tập và chú tên hai đứa trẻ vào sổ nhà trường.

Ngày lễ bái sau, tôi sang chơi nhà Đỗ-quân, ấy là lần thứ nhất mà thực có vô-cùng quan-cảm. Tôi vốn biết việc phổ-thông giáo-dục căn-bản ở tự gia-đình, nay xem gia-đình Đỗ-quân thể nào mà nghĩ mình thêm xấu-hổ.

Nhà Đỗ-quân không cao-sang cho lắm, mà sạch-sẽ dị-thường. Khách đến, người nhà mời lên nhà khách, rồi đưa thiếp vào cho chủ nhà. Tôi trông trong nhà khách, thấy hai bên vách cheo những ảnh danh-nhân thắng-cảnh. Đồ bầy trên tủ đều tinh-nhã không có một vết bụi. Giữa nhà có cái bàn dài, chung quanh tám người ngồi đủ. Trên bàn có năm ba cuốn tạp-chí và một vài tờ nhật-báo. Trên chỗ ngồi, có để bài châm như đối-diện với thày hiền bạn tốt. Ngoài sân có cây tùng khóm trúc, bụi lan viên đá, đều mát mẻ thơm tho.

Đang đứng bồi-hồi, thấy chủ-nhân đã đưa hai đứa trẻ ra mà mừng khách. Đỗ-Kỳ đến ngay bên cái tủ lấy hộp thuốc lá để trên cái đĩa bưng ra mà mời khách. Tôi không hay hút thuốc cũng chiều lòng cầm lấy một điếu. Kỳ lại đưa thuốc mà mời cha. Đỗ-quân cũng cười mà nhặt lấy một điếu.

Tôi khen Đỗ-Kỳ có lễ. Đỗ-quân khiêm-tốn cảm-tạ. Đỗ-Kỳ để cái đĩa xuống, đi lấy cái chổi mà phẩy bụi cái phong-cầm để một bên nhà khách. Đỗ-quân nhân chỉ cái đĩa mà bảo tôi rằng : « Cái đĩa này là chính tay Đỗ-Kỳ nhế lấy. » Tôi nhìn kỹ thì bằng giấy bồi, chung quanh có lợi cong lên, dưới có đế đựng, thoạt trông tưởng là đồ sứ, lại tự cười mình vô-tình mà hoa mắt. Ở nhà trường cũng có dạy học-trò lấy thủ-nghệ. Ai ngờ chơi bời mà được tinh-tế như thế. Đang nghĩ thì thấy Đỗ-Khôi đưa quyển tạp-chí mới phát-hành đến, và nói với chú rằng: « Đồ nước đã sẵn trong nhà hoa, xin mời Tiên-sinh vào sơi nước. » Đỗ-quân gật, rồi mở quyển tạp-chí mà xem, bàn luận cùng tôi mấy câu thời-sự. Đỗ-Kỳ đi mở hòm lấy đồ đóng cái lông chim, Đỗ-Khôi cũng đi lấy cái họa-đồ mà tập vẽ. Xem ra một đứa ham nghề chế-tạo, một đứa ham nghề họa-đồ, đều là thiên-tính hay ưa mĩ-thuật.

Đỗ-quân nhân nói với tôi rằng: « Bỉ-nhân trước đã nghiên-cứu cái chân-lý về đường giáo-dục, mà biết giáo-dục chẳng qua là nhân thiên-tính con trẻ mà hộ-trì cho khỏi sai-lạc và mở mang cho phát-đạt ra. Ngoại thiên-tính không lấy phương-pháp nào cưỡng-bách cho thêm ra được. Bỉ-nhân thường đem cái nghĩa ấy giảng giải cho người nhà. Nội-nhân cũng một lòng giúp đỡ, xét thiên-tính con trẻ xu-hướng về đường nào, cứ để cho tự tìm lấy lạc-thú mà mình ngụ ý phòng-phạm một cách vô-ảnh vô-hình. Anh chị tôi mất sớm, Đỗ-Khôi mới lên năm tuổi, vợ chồng tôi nuôi cháu cũng như nuôi con. Kỳ Khôi hai đứa cùng ăn ở, cùng ra vào, không có một chút nào là hơn kém. Lâu lâu người trong một nhà không ai trông Khôi ra con trẻ mồ-côi, mà chính Khôi cũng không biết mình là không cha không mẹ. Trong nhà mấy chỗ thư-phòng cùng nơi chơi mát, để sẵn những đồ cho con trẻ học-tập, như phong-cầm, họa-đồ, khí-nghệ, chế-tạo dụ-hí, tốn mấy cũng không dám tiếc. Cứ mỗi tuần lễ cho chơi một lần, không khoáng-phế, cũng không cưỡng-bách. Tôi xử-trí trong gia-đình như thế, chưa biết ý cao-minh thế nào ? » Tôi nghe

nói thâm-phục là những điều đáng làm mô-phạm về gia-đình giáo-dục.

Xem xong tờ báo, Đỗ-quân mời tôi vào chơi trong nhà hoa. Đi sau nhà khách vài mươi bước, vừa đến cái cửa mạch. Bước vào đã nghe tiếng chim kêu riu-rít, hoa thơm ngạt-ngào ; thấp-thoáng bên kia, có cái nhà ba gian, trên đề ba chữ « Dưỡng-hoa-hiên », bàn ghế tinh-sạch, trên bàn trà quả sẵn sàng. Một người thiếu-niên xuống thềm mà đón khách. Đỗ-quân chỉ mà nói với tôi rằng : « Đây là Trần-quân Hữu-Khánh, là nội-đệ bỉ-nhân, đã có bằng sư-phạm tốt-nghiệp, lĩnh chức trợ-giáo một trường tiểu-học, chưa có kinh-nghiệm, mộ Tiên-sinh đã lâu cho nên hôm nay cũng đến đây để trộm nghe mấy lời vàng ngọc. »

Tôi khiêm-nhường cảm-tạ, chào hỏi ân-cần, xem người còn ít tuổi mà cử-chỉ kính-cẩn như bậc lão-thành; tưởng người này có tính tận-cần và nhẫn-nại, có tư-cách về đường giáo-dục, vì thấy cách ăn-mặc chất-phác mà sạch-sẽ, tay thường cầm quyển nhật-ký. Tôi với Đỗ Trần ba người vừa ngồi, thì Kỳ và Khôi cũng đến. Đỗ-quân bảo Đỗ-Khôi mở tủ đưa một tập thư-họa xin tôi mở coi. Tôi trông lên hai bên giá sách nhan đề phần nhiều là thứ sách mình chưa hề nghe nói. Đỗ-quân nói : « Tiên-nghiêm tính hay đọc sách ; nhân có quan Bình-Chuẩn phụng-chỉ đi thông-thương ngoại-quốc, mua được ít nhiều sách mới thuộc về trung-tây học-thuyết. Di-tàng làm gia-bảo, trừ khi có bạn-hữu đến xem, người nhà không được đả động đến. » Tôi cảm-tạ chủ-nhân, được tùy-ý lưu-lãm. Bấy giờ như người vào bể châu núi ngọc, sáng loạn con mắt, thành ra trông không kịp trông.

Trời đã gần trưa. Hôm ấy, lúc đi ra thì tạnh nắng, đến nơi trời vần mây, hây hẩy gió, muốn mưa, tôi xin từ mà về. Đỗ-quân cố lưu ăn cơm trưa. Tôi biết chủ-nhân có ý thành, vả cũng muốn xem qui-mô trong gia-đình Đỗ-quân ra thế nào, bèn ở lại.

Đày-tớ giải khăn đặt cốc vừa xong, Đỗ-quân làm chủ-tịch, kính tôi làm thượng-tân, Trần-quân làm thứ, Đỗ-Kỳ, Đỗ-Khôi cũng đứng mà giót rượu. Chúng tôi vừa ngồi, thì Đỗ-quân lên tiếng : « Nội-nhân đem trẻ ra chào khách. » Trông ra thấy người đàn-bà nét mặt đẫy-đặm, thần-thái nhàn-nhã, thong-dong bước vào, biết là chủ-phụ ; một bên có đứa con gái chừng mười tuổi, tóc bỏ ngang vai, giắt một đứa em năm sáu tuổi ; đều mặt tươi như hoa, mắt sáng như ngọc, đến trước bàn cúi đầu làm lễ, đứa nhỏ cũng biết nghiêng mình theo phép, như đã có tập quen từ trước. Chào rồi, người chủ-phụ nói : « Đa-tạ Tiên-sinh đã có lòng dạy-giỗ con trẻ ». Tôi đứng lên mà đáp tạ, đến hai ba lần. Người chủ-phụ mới đưa con trẻ lui vào, lễ-mạo an-nhàn, thực khiến cho người ta thêm lòng kính-ái.

Đồ ăn phần nhiều dã-vị, mà cách điều-chế tinh-sạch dị-thường ; tôi đi tiệc tây tiệc khách đã nhiều, chưa có bữa nào vừa miệng như thế. Chính như người đang phù-trầm bể hoạn, danh-lợi rức tai, phong-trần rát mặt, nhất-đán được nhàn-quí cố-lý, lại được nếm cái phong-vị rau vườn cá vực, thì thích-tính di-tình, không biết lấy lời nói nào mà hình-dung cho hết. Bấy giờ tôi vội khen người nhà bếp khéo. Đỗ-quân nói : « Ấy là nội-nhân tự-chế ; vì nhà không nuôi đầu bếp, chỉ có một con ở đỡ tay. » Tôi lại nghĩ đến đàn-bà nhà mình, chỉ biết đường day trẻ, mà chưa thạo việc điều-canh, cũng là một điều khuyết-điểm trong phụ-đạo. Có nhà chỉ vì đàn-bà vụng đường nấu-nướng, mà người đàn ông sinh ra cái thói tha-bà bỏ-suyết ; con trẻ cũng sinh ra một nết la-liếm háu-ăn ; ấy cũng là một cái ác-trào trong

giáo-dục. Bấy giờ tôi có ý muốn cho nội-nhân được tới lui với Đỗ phu-nhân mà tham xét về đường gia-chính.

Tôi đang nghĩ, thì nghe tự nhà trong, có tiếng phong-cầm ánh-ỏi ; tiếng đàn cao-nhã, không phải là tay mới học đàn. Nhân nói : « Nữ công-tử có học đàn, nghe đã diệu lắm ». — Đỗ-quân nói : « Không, đấy là nội-nhân tự gẩy cho vui lòng khách. Con trẻ có dâu đã biết thế. Đấy là một cung *Bắc-bản*, năm xưa tôi có đặt một bài *Thiếu-niên-lập-chí*, hiệp vào dây đàn ; nội-nhân tập mãi nên quen, thực không có tiếng gì đáng cho Tiên-sinh để tai mà nghe. » — Tôi nói : « Nhàn-tình nhã-tứ như Đỗ đại-nhân, điều gì cũng là thiết-hợp với cái chân-lý về đường giáo-dục. Cứ lấy con mắt tôi mà trông, có khác gì lục-địa thần-tiên. Tôn phu-nhân đã khéo việc diêm-mai, lại tinh nghề âm-nhạc, thế-gian đã có mấy nhà diễm-phúc như nhà người. » — Đỗ-quân nói : « Tiên-sinh quá khen, có đâu được thế. Cũng là tùy tính sở-thích. Đại-khái tính-tình người đàn bà hay tinh-tế và cường-ký, hay ưa mĩ-thuật như thêu-thuà đàn-bát ; hoặc vì cảnh-ngộ hay vì thói quen làm cho mất cái thiên-tính ấy đi, cũng là một sự khuyết-hám. Nội-nhân vốn là con nhà giáo-hóa, lúc ở nhà với cô thím chị em, trong việc nữ-công việc gì cũng quen mắt quen tay ; dù đến bây giờ nhiều con lắm việc, bận rộn thế nào cũng không quên tiếng đàn con sách. Phàm có khách đến nhà, tất tự mình xuống bếp ; vừa xong việc bếp, lại lên cầm-đài, cũng là một cách hành-lạc. Thói quen nhà tôi như thế, con bắt chước mẹ, đày tớ quen tính chủ nhà. Giáo-dục nhà tôi chủ ở hòa-lạc, thế mà trong thích-lý có nhiều nhà quen thói nghiêm-khắc, kiềm-thúc con em, thường chê cười nhà tôi là phóng-đãng. Song thói quen đã thành thiên-tính, tôi không sao mà chữa được. »

Tôi nói : « Việc gia-đình giáo-dục, tôi chưa được kinh-nghiệm cho lắm, song các danh-ngôn tinh-luận về việc ấy thì thiệp-liệp cũng nhiều. Các nhà đạo-học bên Á-đông Thái-tây, trong gia-đình lấy khoái-lạc làm chủ-nghĩa, để cho phát-đạt tâm-thần, hàm-dưỡng đức-tính đứa con trẻ. Nay xem gia-đình nhà ngài thuần-thúy là chủ-nghĩa khoái-lạc như các nước văn-minh. Nguyện gia-đình thiên-hạ đều một chủ-nghĩa này, thì việc phổ-thông giáo-dục mới mong hiệu-quả được. Trong nước ta có lắm kẻ gia-đình nghiêm-khắc quá, làm cho con trẻ sợ-hãi mà mất lòng thân-ái, cử-động đều là cách giả-dối mà không có chí-thành ; lâu lâu mất cả thiên-lương, mà thành ra một giống người khí-trá khiếp-nhược. Lại lắm kẻ gia-đình không có khuôn phép, nuông con quá hóa ra nịch-ái, nghiệt ác quá hóa ra dã-man, con trẻ sinh-trưởng không dưới sự hình-phạt sỉ-nhục thì lại dưới cách buông dong thả dài, đều làm cho con trẻ mất tính liêm-sỉ mà thành ra một giống người ngoan-ác. Như thế mà cho con vào nhà trường để mở-mang tri-thức, để đào-tạo nhân-tài, có khác gì đội mũ cho con hầu mong ra người làm sao được? Cũng có người chỉ trách học trò ở nhà trường ra kém đường luân-lý, chúng tôi thực không cam-tâm mà nhận cái cửu ấy. Bỉ-nhân ý muốn đến ngày lễ bái sau này, mở một ngày « Gia-tộc thân-ái hội », để mời Đỗ đại-nhân và tôn phu-nhân hiện-thân thuyết-pháp, cho những người có trách-nhiệm trong gia-đình biết đường giáo-dục, họa có bổ-cứu được chăng ».

Đỗ-quân chưa đáp, thì Trần-quân tán-thành ngay cái ý tôi mà nói rằng : « Ý-kiến Tiên-sinh thực là thỏa-đáng. Tiểu-đệ đã vài lần thí-nghiệm, cha mẹ học trò có lòng quan-cảm, học trò đi học cũng đã bỏ được ít nhiều thói ở

bần và nói dối. Ấy thật là nhờ công diễn-thuyết của anh tôi. »

Tôi nhân thành-kính mà yêu-cầu với Đỗ-quân có hai điều : một là cho nội-nhân theo Đỗ-phu-nhân để tham-quan gia-chính, hai là Đỗ đại-nhân và phu-nhân sẽ làm chủ ngày hội gia-đình thân-ái. Đỗ-quân đều nhận lời cả.

Tôi vừa muốn từ-tạ ra về, thì thấy người nhà nói : « Nguyễn-quân Nhật-Tân đến chơi. » Đỗ-quân xin tôi lưu lại, và nói : « Nguyễn-quân là người có ý-khí mà tính sơ-cường, trong lúc luận-nghị cũng có nhiều tư-tưởng. Xin Tiên-sinh tạm ra nhà khách trương-kiến. »

Con trẻ đều vào nhà trong. Chúng tôi vừa vào nhà khách đã nghe tiếng cười ha-hả. Hàn-huyên vài lời, vào ngay cuộc chuyện, mới đề-xướng đến hai chữ giáo-dục. Nguyễn-quân bĩu môi mà rằng : « Xin các ông đừng nói chuyện giáo-dục, nghe mà chán. Phong-hóa trong một nước phải tự người trên cổ-vũ, còn học-hiệu chương-trình cũng đã từ Chánh-phủ qui-định ; chúng ta có thế-lực gì, chẳng qua ân-khoa nhi-hành, gái hóa mà lo việc đổ thành, thực không tự-lượng quá. »

Đỗ-quân cười mà nói : « Gia-đình giáo-dục là thiên-chức của chúng ta, nào có phải như việc bán buôn khéo nói cho đắt hàng, hay như con nhà giàu ngồi đâu khoe của đấy ; còn như châu-lý là luật tự-nhiên, không lấy địa-vị mà phân hơn kém. Lời Nguyễn-quân nói cũng là phải. Song dư-luận hình làm tai mắt cho Chánh-phủ, có [illegible] nào vì thời-thế mà bỏ các thiên-chức [illegible] mình đi. » Nguyễn-quân nghe nói, nín lặng ; mà tôi thâm-phục là lời giản mà ý sâu. Rồi chúng tôi cũng xoay ra chuyện khác.

Trong câu đàm-luận Nguyễn-quân hay cưỡng-biện, đại-khái đều là lời suyên-tạc ; có khi giơ chơn giơ tay, lắc đầu chợp mắt, thái-độ không khác gì một người điên. Nếu để người nhà con trẻ trông thấy phải sinh ra lòng yếm-ố, có khi lấy làm hay mà bắt lấy thói quen. Bấy giờ mới biết Đỗ-quân tránh người nhà mà tiếp khách ở nhà ngoài là vì thế. Càng biết việc gia-đình giáo-dục phải tùy-địa mà lưu-tâm. Ốc con trẻ như tờ giấy trắng, đã nhuộm phải một vết đen không sao mà chùi đi được nữa. Lúc ở gia-đình đã tầm-nhẫm được thói hay nết tốt, về sau ngoại-vật không di-dịch được nữa.

Một lúc lâu tôi cáo việc mà xin lui về trước. Về nhà cứ nghĩ gia-đình Đỗ-quân ra thế nào : tự mặt ngoài mà trông, ai chẳng bảo là phóng-túng, giáo-dục chủ thân-ái, xử-trí chủ khoan-dong. Tự mặt trong mà xem, trong xuân-phong hòa-khí mà vẫn hàm một vẻ nghiêm-trang ; trong âu-yếm thiết-tha mà vẫn ngụ một lòng kính-úy. Xem những lúc chỉ bảo con trẻ làm việc gì, hơi có ý chống cưỡng, thì sắc nghiêm lời thẳng đến ngay ; hết mọi sự ở trong thung-dung, mà hết mọi sự ở trong khuôn-phép. Nghĩ như nhà mình cứ một mặt dung-dự sau sinh ra lần-khần, hôm nay hãy thử để ngày mai, miệng nói không xong phải dùng vũ-đoán. Sợ lúc đã thành ra thói quen, ân-ủy cũng không còn hiệu-lực gì nữa.

* * *

Đến ngày lễ-bái đã định, tại nhà trường náo-nhiệt dị hình. Nào người đến hội, nào người đến xem ; người thì bẻ là phi-lệ, người thì chê là cầu-kỳ. Vì trước đã ra lời cáo-bạch, nói đại-ý ngày hội gia-tộc thân-ái. Mà mọi người không xét nông sâu, cứ ra sức bài bác, khiến cho trong lòng dễ bi-cảm. Hôm ấy, gia-trưởng các học trò đến hội một cách thân-thiết. Các khách đã ngồi yên, tôi đứng lên mà tuyên-cáo cái lý-do về ngày hội, lược nói gia-đình là cõi-rễ việc phổ-thông giáo-dục, muốn cùng các thân-hữu thương-lượng phương-pháp để tiến-hành. Nhân mời Đỗ đại-nhân và Phu-

nhân làm chủ-tịch, cùng các chức-viên trong gia-tộc đã có kinh-nghiệm về đường giáo-dục cùng bày ý-kiến để các khách nghe, xin các khách chú ý. Tuyên-cáo rồi, tôi mời Đỗ-quân lên diễn-đàn. Đỗ-quân bước lên, chào các khách, rồi thong-dong mà nói :

« Bỉ-nhân không dám tự nói mình đã thấu lẽ gia-đình giáo-dục, chỉ thừa lời Tiên-Nghiêm để làm khuôn-phép, con cháu không dám hoặc sai. Khuôn-phép là gì? Là tuyệt-đối không dùng đạo nghiêm-khắc để giàng-buộc áp-ức con trẻ. Không phải tự khi có tân-học mới có cái tư-tưởng ấy, chính đứng Tiên-Nghiêm chúng tôi đã có bài tinh-luận nói con trẻ như tính cao-xu, chất nhu mà tính cương, sỉ-nhục doi-vọt vị-tất đã làm cho phục-tòng, chỉ cảm-hóa một cách tự-nhiên khiến cho quen mắt quen tai, thì không một điều gì mà bắt-chước không hết, như con nhà thị-tỉnh quen nghề bán-buôn, con nhà diễn-viên quen nghề cầy cấy, nào có ai dạy, tập mãi thì quen. Ta chỉ nên lợi-dụng cái tính ấy, khuyến-khích cho phát-đạt thêm ra. Kẻ làm cha mẹ sửa mình phải nghiêm, mà dạy con phải khoan ; phàm lời nói việc làm của mình, đều đủ làm khuôn-phép cho con trẻ. Nhất-diện đem những nghề khôn của khéo làm cho vui-vẻ tâm-thần con trẻ, chí-thú khiến cho an-nhàn, tinh-thần khiến cho hoạt-bát. Như thế gọi là tinh-thần giáo-dục. Lọ là phải quát tháo cả ngày, đòn vọt cả ngày, không những vô-ích mà lại có hại. Vậy không ợ con trẻ ngu-ngoan khó dạy, chỉ sợ mình không đủ tư-cách mà dạy con. Ngày nay phổ-thông giáo-dục, lại chú-trọng ở gia-đình, chính hợp như lời Tiên-Nghiêm tôi đã nói. Nay bỉ-nhân được hưởng cái phúc hòa-lạc trong gia-đình, cũng là một cái thói quen, không có phương-pháp gì cao xa cả. »

Nói rồi, các khách vỗ tay mà khen. Đỗ-quân lui xuống thì Phu-nhân kế lên, cúi đàu chào các khách, rồi cứ thong-dong mà nói :

« Tiện-nhân có năm con vừa trai vừa gái. Nam-tử thường chăm về việc nông-thương các hội bên ngoài, trong gia-đình một mình phải quản-lý các việc, chưa hề có phải dùng đến một lời gắt-gỏng hay một tay phũ-phàng, mà con lớn đã biết chăm học, con nhỏ cũng không quấy không hờn, mặt ngoài coi như hờ-hững không hay lưu-tâm mà thực thân đàn-bà phải lấy việc dạy con làm chức-trách, phải thể-sát tinh-tinh, phải điều-hộ vệ-sinh, chưa có một khắc nào là không có đàn con ở trong tâm-khúc. Không hề lấy ý riêng mình mà cưỡng-bách con trẻ, cứ thuận tính tự-nhiên, cứ giữ lời tiên-huấn, trong gia-đình lấy hòa-lạc làm chủ, như thế chẳng những là hạnh-phúc cho lũ nhi-đồng, mà bạn đàn bà chúng ta có trách-nhậm về việc gia-đình cũng được nhẹ-nhàng và êm-ái lắm. Nay nhân có hội phổ-thông giáo-dục, nguyện cùng các cô gì chị em đều hưởng cái gia-đình hạnh-phúc. Chẳng may có nhà nào nghịch-cảnh, cũng cứ vui lòng mà thuận-thụ, chữ rằng : « hòa-khí-chí-tường », cảnh khổ-lạc trong gia-đình, chỉ tại lòng ta mà ra cả. »

Vừa dứt câu nói, thì các khách, nhất là về bên đàn-bà, đều vỗ tay đến hai ba lượt. Kế đến một vị Phu-nhân vốn có tiếng là nhà có giáo-dục cũng đứng lên mà nói :

« Tiện-nhân không được uẩn-tạ *như* Đỗ-phu-nhân, song đã có trách-*nh*ậm về việc gia-đình, dù khó cũng phải cố. Con lớn đã đi học, con nhỏ còn phải ẵm bế ; trên có lão-thân phải cần người phụng-dưỡng. Tiện-nhân chỉ lấy bốn chữ « chịu khó cẩn thận » mà nuôi trẻ thờ già. Khi con ươn con quấy, cũng không dám gắt-gỏng phàn-nàn, cứ sẽ xem vì cớ gì mà tìm cách dụ-dịch, Mẹ chồng có lúc trách là ưu-nhu quá-độ, cũng không dám cãi dám nài. Con trẻ

có tinh hư nết xấu cũng để uốn nắn dần dần. Ấy là những sự tiện-nhân đã thực-hành, mà cũng là những điều tâm-đắc. Nay đã thấy có thành-hiệu, xin bày tỏ với chị em. Còn những đạo-lý sâu-xa, không dám dự luận. »

Bài này nói rồi, còn các vị giáo-sư, các nhà qui-tộc đều có lược bày ý-kiến, đại-khái mỗi người có một kinh-nghiệm. Suốt bốn giờ đồng-hồ rồi mới giải-tán.

Từ hôm ấy, tôi cứ mời Đỗ-quân và Đỗ-phu-nhân làm chức trợ-diễn, mỗi tháng đến tuần lễ thứ tư lại diễn một lần. Chẳng bao lâu mà việc giáo-dục trong địa-phương nghe đà có ảnh-hưởng.

NGUYỄN BÁ-HỌC

SAO BĂNG (Etoiles filantes et Bolides)

Từ đầu tháng tám đến tháng một tây là mùa sao băng, nên ta thường thấy các báo-trương thuật lại chỗ này có sao sa, chỗ kia có sao băng.

Vậy câu chuyện sao băng chẳng là một câu chuyện hợp-thời lắm sao ?

Đêm đêm tĩnh-mịch êm-đềm, những lúc mây trong trăng tỏ, tâm-não con người ta đương hưởng cái thuyết-thú thanh-cao, óc con người ta được một lúc việc đời giải-phóng, theo ngọn gió mát lên mấy từng mây, có lúc tưởng đã đến được cái thế-giới Cực-lạc, nhân-vật không cùng..... bỗng chốc một vị sao chụt ngôi, vùn vụt biến đâu mất, một giải lửa sáng, một tiếng kêu to còn lại ở quãng không, khiến cho ta giật mình tỉnh lại, đau lòng mà vẫn ngậm ngùi tiếc cái khắc mộng hoàng-lương....

Cho hay cái mặt trời trói-lại, cái vành-nguyệt thướt-tha, những ngôi sao lấp-loáng như muôn như ức hòn ngọc cắm ở Thiên-cung, ta vẫn đinh-ninh là thần, là tiên, thiên-niên bất-dịch, hóa cũng một số-hệ với loài người loài vật ở trong vũ-trụ, cũng theo khuôn-phép thiên-diễn chung mà biến-đổi xoay-vần... !

Ông Trời kia là cái gốc ánh-sáng chiếu khắp bàn-dân thiên-hạ, gốc sự sinh-trưởng hoạt-động của muôn vật, kẻ phụng, người thờ ; chị Hằng kia, là người tri-kỷ thanh-lịch của nhà thi-sĩ, của người tao-khách, kẻ yêu người mến ; các vị sao vằng-vặc kia tay cầm tinh-mệnh người ta, kẻ cầu, người khấn, hóa cũng chỉ là những khối lửa, trái đất vô-tình sao ? Trời sáng lâu rồi phải tối ; trăng tỏ có khi mờ ; ngôi sao, trái đất cũng phải hợp-tan tan-hợp, theo phép thiên-biến vạn-hóa tự-nhiên vậy.

Ấy nhà chiêm-tinh, mắt soi kính, tay cầm bút tả ra những sự thật kỳ lạ như thế.

Lạ chi mà người ta nói rằng : không có một ngày, một giờ, một phút, một giây nào là không có đá trên trời rơi xuống trái-đất ta ở, khiến cho mỗi ngày quả địa-cầu ta một thêm to, thêm nặng hơn lên.

Những hòn đá ấy chính do ở những sao-băng thành vệt dài và sáng, hay nổ kêu to, rồi tan ra nhiều mảnh như một cái pháo thăng-thiên vậy.

Ta thường tin rằng mỗi vị sao cầm tinh-mệnh một người, một vị sao băng tất một người phải từ-trần : kẻ hiền-nhân thấy vậy trộm tưởng đến người cố-hữu cách-biệt xa-xôi ; người thục-nữ thấy vậy thầm tiếc kẻ phận đẹp duyên

ra. Nhà thi-sĩ thường cho sao băng là những cánh hoa-tàn ở vườn Ngọc-Đế theo gió mà bay đi ; người cục-mịch cho là những viên-đá mà cụ Thiên-lôi ác-nghiệp vẫn xuống đầu chúng ta.

Hơn một trăm năm về trước, người ta vẫn không tin rằng đá ở trên trời có thể rơi xuống hạ-giới được. Đến mãi đầu thế-kỷ thứ 18 người ta cũng chưa rõ sự thật ra làm sao cả. Trong sách *Bác-vật-học* của nhà hiền-triết La-mã Pline có nói rằng : « Ta có khi trông thấy sao chạy ở trên mây, sự đó chẳng phải là một sự tình-cờ đâu, hễ khi nào sắp có gió to thời sự ấy mới xảy ra. » Người dịch sách ra tiếng Pháp lại vội thêm rằng : « Ngày nay chẳng ai tin rằng có sao băng thật. Những sao băng chẳng qua là những đám hơi lân-dưỡng bùng lên như ma chơi vậy. Nếu lấy đó làm những viên đá rơi thì là một sự lầm».

Kể từ năm 1803 trở đi, người ta không còn có thể nghi-hoặc được nữa. Ngày 26 tháng tư năm ấy, gần tỉnh Laigle tại hạt Orne bên Pháp sao băng nhiều lắm, rồi đá trên trời sa xuống không biết bao nhiêu mà kể. Người ta nhặt được hơn ba nghìn viên, viên thì là đá, viên thì là toàn sắt-nguyên. Các sở bác-vật-quán thâu-thập lấy để cho các nhà bác-vật nghiên-cứu.

Sử Tàu có chép rằng : năm 616, một hòn đá rơi gẫy một cái xe-bò và đè bẹp 10 người. Sử Pháp chép rằng : một ngôi sao-băng làm cháy mấy cái nhà, ngày mồng bảy tháng ba năm 1618 tòa-án thành Paris bị phát-hỏa. Năm 1647 và năm 1654 một viên đá hại 2 người đi bể và một người nữa ở tỉnh Milan, nước Y-địa-lợi.

Ngày 14 tháng năm, năm 1864 một viên-đá rơi xuống xã Orgueil, hạt Tarn-et-Garonne, nước Pháp. Người ta trông thấy hòn đá ấy lúc hãy còn cao 65 cây-lo-mết và xa 500 cây-lo-mết. Lạ thay ! Trong viên-đá ó một chất giống như than-đất (*houille*) : vậy thời cái phương trời nào đã sinh ra hòn đá ấy tất cũng có người-vật, cây-cỏ như ở trái đất ta. Giữa ban ngày 23 tháng bảy năm 1872 một viên đá rơi xuống gần tỉnh Blois, nổ một tiếng thật to, nghe xa đến 80 cây-lo-mết. Ngày 30 tháng tư năm sau, một viên rơi cạnh thành Rome, kinh-đô La-mã, nổ một tiếng to đến nỗi người nhà quê « tưởng trời đổ. » Năm 1876 ở tỉnh Kansas-City nước Mỹ, một ngôi sao băng, trước khi hại một người, làm gẫy tan một cây to. Ngày mồng 6 tháng năm năm 1885, ở tỉnh Chandpur nước Ấn-độ, một khối lửa trên không rơi xuống, ngập sâu vào trong đất, làm cho người bổn-xứ thất-điên-bát-đảo. Người chạy đến xem thì thấy khối lửa là một hòn đá hãy còn xôi sùng-sục. Ngày mồng 7 tháng 7, một viên đá con rơi vào nhà-tù tỉnh Valle nước Y-pha-nho. Đến ngày 22 tháng một năm sau có nhiều mảnh đá đầy những kim-cương rơi xuống tỉnh Nowo-Urei, nước Nga : qui hóa thay !

Thường thường năm nào người ta cũng góp nhặt được ít nhiều tảng đá rơi. Mặt địa-cầu có 3 phần nước, 1 phần đất, cho nên 3 phần đá rơi xuống bể mất. Có nhiều tảng đá ấy to và nặng lắm, thí-dụ mấy tảng để làm mẫu ở nhà « Bác-vật-quán » thành Paris : một tảng nặng 591 cân tây, rơi xuống cạnh tỉnh Grasse, hạt Alpes Maritimes nước Pháp.

Trong tảng ấy có nhiều sắt và lưu-hoàng. Tảng nữa tìm thấy ở xứ Sibérie gọi là khối sắt « Pallas » nặng 700 cân. Tảng thứ ba cao một thước tây, nặng 780 cân, đem từ nước Mexique về Paris. Ở thành Luân-đôn có một khối đá cốt sắt tìm thấy ở tỉnh Tucaman (République Argentine) năm 1788, nặng 635 cân. Có một khối nữa là nửa vầng đá sa xuống tỉnh Melbourne (Australie). Vầng đá ấy nặng 30 cân, hiện một

nửa ở kinh-đô nước Anh, còn một nửa ở Melbourne.

Một đống đá cao 15 thước tây, nặng mười tấn (10.000 kg) rơi gần chỗ phát-lưu sông Hoàng-hà nước Tàu. Người Mông-cổ thường gọi là núi « Bắc-Thạch. » Năm 1870, nhà Bác-sĩ Thụy-điển tên là Nordenskiold tìm thấy ở tỉnh Ovifald, cù-lao Disco, xứ Groënland, một tảng đá nặng 20 tấn. Tại tỉnh Sainte-Catherine, xứ Brésil, lại có một tảng to nữa, nặng đến 25 tấn (25.000 kg). Tục-truyền rằng xưa một ngôi sao sa xuống chỗ ngày nay là phố Hàng Buồm ở Hanoï, làm thành nên một cái hồ, gọi là « Hồ sao sa».

Sao băng là đá là sắt trên trời sa xuống, đã là một sự hiển-nhiên, mọi người đều công-nhận. Vậy thời những viên đá, khối sắt ấy ở đâu mà ra? Sao băng tại làm sao mà có? Đó là mấy cái vấn-đề các nhà khoa-học phải kê-cứu. Kỳ-thủy có người tin rằng những viên đá khối sắt kỳ-dị ấy do ở sấm-sét mà ra : ấy là một mối tin lầm, vì sấm là tiếng kêu, sét là lửa điện, không có thể biến ra chất kim-thạch được. Cái lý-tưởng đó chính là cái lý-tưởng hiện-thời của nhiều người An-nam ta tin rằng có lưỡi tầm-sét. Sao băng thường hay có tiếng nổ, có tia lửa như sấm sét : quặng đồng, khối sắt mà về sau ta có tìm thấy thì chắc do ở sao băng, chớ không phải búa dìu của ông Thiên-Lôi nào. Fréret tiên-sinh thuyết-lý rằng : những chất trên trời sa xuống chính là những chất mà các hỏa-diệm-sơn trái đất đã tung ném lên trên không, hồi khai-thiên lập-địa. Vì cái tính của vật-chất hễ đã động thì không tự-tĩnh lại được, nên các mảnh đất tung lên không thể đứng lại được, hoặc phải quay chung quanh trái đất ta, hoặc quay chung quanh các ngôi sao, mặt trời, trái đất khác : nếu chạm phải trái đất ta thì bật sáng lên và có khi nổ kêu to. Ấy là sao băng.

Laplace, Poisson và Biot ba tiên-sinh thời ngờ rằng những sao băng do bởi những đá của hỏa-diệm-sơn trên mặt trăng rơi vào trái đất ta, những viên đá ấy vượt qua được 2500 thước trong một giây đồng-hồ. Nhà bác-sĩ Chladni cắt nghĩa rằng trái đất ta vận-động trong một quãng đầy những chất đặc nhỏ. Những thứ vi-trùng của Thiên-cung ấy có từng luồng to lắm. Nếu trái-đất lướt qua một luồng ấy thì phần nhiều chất bị trái-đất hút, bật nóng bật sáng lên, thành ra sao-băng.

Các nhà thiên-văn, nhất là nhà thiên-văn Pháp Coulvier-Gravier đã nghiệm rằng số sao băng có năm, có mùa, có ngày nhiều hơn khi thường : từ tháng tám đến cuối tháng một tây là mùa sao băng, nhất là *đêm hôm mồng 10 tháng tám và sáng hôm 14 tháng một.*

Trong tháng tám thì có nhiều ngày, trong tháng một thì sáng hôm 14 có nhiều lắm, có khi trên trời hình như đốt cây bông vậy. Có năm thì sao băng vừa nhiều, vừa sáng, có năm thì vừa thưa, vừa mờ ; cứ 33 năm lại một lần có nhiều hơn cả. Ngày thì hay có từ 3 giờ đến 6 giờ sáng, năm thì hay có về cuối năm. Lẽ đó do bởi trái đất gặp nhiều chất buổi sáng hơn buổi chiều, cuối năm hơn đầu năm. Nhà thiên-văn đại-danh nước Pháp Camille Flammarion tỉ quả địa-cầu ta qua một luồng « vi-tinh » như một viên đạn qua một đám ruồi : phía trước viên đạn thì đụng phải nhiều ruồi mà phía sau thì không đụng con nào cả. Nếu viên đạn vừa đi vừa quay như quả địa-cầu thì tất cái phía gặp đám ruồi mỗi lúc một khác. Vậy thời cái số sao băng nhiều ít mỗi lúc là tùy ở phương trời và hướng trái đất quay tới và cũng tùy ở cái chỗ ta đứng trên mặt đất.

Những chất đặc sa vào không-khí ta mất hẳn một phần cái sức đi nhanh, phần sức mất đi ấy biến ra lửa. Nếu là chất nhỏ quá thì thành ra hơi, biến

mất ; nếu là chất to thì chỉ có bề ngoài chảy ra rồi rơi xuống đất. Thí-dụ một viên đá qui 4 tấc đặc, trọng-lượng là 3. 5 (nghĩa là nặng $3^{kg}5 \times 4 = 14^{kg}$) đi nhanh 50 ^{km} trong một giây đồng-hồ, vào trong không-khí ta thì sinh ra một cái nhiệt-độ ước 4.397.000 *calories*. Mỗi *calorie* là cái sức-nóng khiến cho một cân nước lên được một nhiệt-độ. Lúc viên đá còn cách trái đất 15 cây-lô-mét thì cái sức đi nhanh chỉ còn 1 cây-lô-mét mà khi tới mặt đất chỉ còn có 5 thước mà thôi. Bởi lẽ đó mà sao băng thường thường không ngập sâu vào trong đất lắm.

Nhà Bác-sĩ Y-đại-lợi Schiaparelli đã tính ra rằng cái luồng « vi-tinh » tháng tám chập vào với lối đi của ngôi sao chổi thấy năm 1862, còn cái luồng tháng một lại là cái lối đi của ngôi sao chổi thấy năm 1866. Vậy thời sao băng với sao chổi chắc cùng một căn-nguyên và cái căn-nguyên ấy chắc không có can-thiệp gì với trái đất của ta. Ông giải rằng hễ sao chổi đến gần mặt trời thì bị mặt trời thổi ra mạnh hơn là hút vào, một phần sao chổi phải tán-lạc đi, thành ra từng đám, từng luồng « vi-tinh ». Bởi thế mỗi ngôi sao chổi mỗi lần đi cạnh mặt trời lại thêm bé đi, mờ đi. Thí-dụ ngôi sao chổi Halley hiện năm 1759, 1835 và 1908 kém to, và kém sáng mấy lần trước nhiều. Vậy thời ta có thể tin được rằng phần nhiều sao băng là do ở sao chổi mà ra.

Các nhà hóa-học đem phân-chất những đá trên trời sa xuống thì thấy 22 chất cả thảy. Có một điều lạ : là 22 chất ấy đều có ở trái đất ta, như là sắt, kền, đồng, kẽm, lân-dưỡng, hôi-dưỡng, đạm-khí, lân-tinh, lưu-hoàng, lục-khí, thán-khí, khinh-khí, vân vân. Chất có nhiều nhất là sắt-nguyên. người đời xưa lấy sắt ấy rèn đồ khí-dụng, cho nên người Âu xưa có tiếng *sidéros*, vừa trỉ các vị sao lại vừa trỉ chất sắt.

Những thứ đá ấy cũng nặng như những thứ đá ở trong gầm đất ta. Ông Daubrée đã góp nhặt được 260 viên sao sa khác nhau và đã thí-nghiệm để chế ra những thứ đá của trời, nói rằng : « Chắc ở trong gầm quả địa-cầu của ta cũng có lượt đá có sắt mà xuống sâu nữa biết đâu không có một lượt toàn sắt-nguyên hệt như đá trên không sa xuống. »

Đá trên trời đá dưới đất có nhiều tính giống nhau : ta có thể kết rằng sao sa do ở trái đất mà ra không ? Ông Camille Flammarion đáp rằng có. Ngài giải rằng nếu ta có đủ sức mà ném một viên đá đi nhanh được 11 cây-lô-mét trong một giây đồng hồ thì viên đá ấy không rơi xuống mặt đất nữa. Nếu viên đá chỉ đi được 8 cây-lô-mét và không có cái gì cản lại hay làm cho lạc đường thì sẽ quay chung-quanh trái đất ta như mặt trăng vậy. Mặt trăng đi nhanh 1017 thước thì phải 27 ngày 7 giờ 43 phút mới đi được một vòng, viên đá vượt 8000 thước thì chỉ phải 1 giờ 23 phút vì nó vừa đi nhanh vừa ở gần mặt đất. Một cái sức mạnh như vậy, những hỏa-diệm-sơn lúc khai-thiên lập-địa có thể có được không ? Ta hãy thử xét cái sức mạnh của núi phun lửa ngày nay: năm 1822 núi Vésuve phun một vầng đá nặng mấy nghìn cân đi xa 5 nghìn thước, tới mãi huê-viên của ông Hoàng Ottajana ; chắc hẳn cái sức ấy cường gấp mấy cái sức 700 thước của *những* súng đại-bác. Ngày 26 tháng 8 năm 1883 núi Krakatoa tung đá lên cao 70 cây-lô-mét, không-khí đều vẩn đục, tiếng nổ dậy hoàn-cầu. Ấy cái sức hỏa-diệm-sơn ngày nay còn gớm-ghê như vậy, huống chi những núi phun lửa khổng-lồ lúc trái đất còn xôi sùng-sục lại không đủ sức ném đá đi nhanh 8000 thước sao ? Vậy thời thuyết-lý rằng sao băng do ở trái đất ta mà ra cũng không phải là một sự vô-lý vậy. Các ngôi sao, các trái đất khác, tất cũng

có thể tung ném như trái đất ta : vậy nói rằng *một phần* đá rơi do ở trái đất ta mà ra thì đúng hơn. Hiện lúc nào mặt trời cũng bốc hơi và chất kim ngùn-ngụt lên cao đến 10 vạn dặm. Ngày mồng 7 tháng 9 năm 1871, nhà thiên-văn Mỹ Young đã đo được một tiếng nổ tung các chất lên cao đến 30 vạn cây-lô-mét và đi nhanh 267.000 thước trong một giây đồng-hồ. Ở thành Rome hai nhà thiên-văn Secchi và Respighi đã nghiệm thấy sức đi nhanh tới 700.000 và 800 000 thước. Cứ triết số ra thì một hòn đá bị mặt trời tung lên mà đi nhanh được từ 430.000 đến 608.000 thước (từ 430 cây-lô-mét đến 608 cây-lô-mét trong một giây) thì thành ra một ngôi sao chổi quay ở quãng không. Nếu gặp trái đất ta thì thành ra sao sa.

Mặt trăng cũng có thể ném đá xuống đầu chúng ta được. Những viên đá ấy chẳng cần phải đi nhanh lắm, miễn là đi được hơn 1668 thước trong một giây là đủ.

Nói tóm lại thì *sao sa, sao băng, sao đổi ngôi là những chất vận-động ở quãng không, do ở mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, trái đất tung ném lên. Những chất ấy hễ chạm phải trái đất ta thì bật lửa hoặc nổ tan, rồi sa xuống mặt đất.*

Mỗi năm số sao sa xuống mặt địa-cầu nhiều lắm. Nhà kỷ-hà-học Mỹ Simon Newcomb đã tính ra cái số ấy chẳng kém 146 ngàn triệu (146 milliards). Nếu mỗi ngôi sao, đánh đồ đồng, chỉ to bằng một li đặc (1 millimètre cube) thì cái toàn khối của các sao sa trong một năm qui được 146 thước đặc và cân nặng 876 tấn. Trong một trăm thế-kỷ thì cái khối của trái đất tăng lên 1.460.000 thước đặc và nặng thêm lên 8.760 triệu cân. Trái đất mỗi ngày một to, một nặng, rồi tất mỗi ngày quay một chậm. quay chậm thì ngày giờ sẽ dài ra.

Ấy những vật vô-hồn trong vũ-trụ còn phải biến-đổi như vậy, phương-chi loài người không đổi hay sao !

NGUYỄN LỄ

TỒN-CỔ LỤC (1)

IV

So-sánh địa-mạch và nhân-vật nước ta với nước Tàu

Thường xét bản-đồ trong Nội-các, thấy sơn-xuyên hình-thắng nước ta không kém gì nước Tàu. Xem như mạch núi Côn-lôn chạy vào đất nước Tàu chia ra ba cán-long lớn : Một chi theo sông Hoàng-hà mà chạy về phía bắc là những tỉnh Cam-toàn, Sơn-tây, Sơn-đông, Trực-lệ ; một chi theo núi Mân-sơn mà chạy về phía đông là những tỉnh Xuyên, Thiểm, Hà-nam. Hồ-bắc, Giang-hữu, Giang-nam. Mân, Tích ; một chi theo sông Hắc-thủy chảy về phía nam qua Thổ-phồn, Vân-nam, Diến-điện, Hà-tiên chảy ra bể nam. Phía tây sông Hắc-thủy là những nước Thổ-phồn, Tam-phật-tề, Chân-lạp, Diến-điện, Đại-thực, Phù-dư, Tiêm-la, Cao-miên. Phía đông sông Hắc-thủy là những tỉnh Vân-nam, Quí-châu, Hồ-nam, Lưỡng-Quảng, Lão-qua.

Đến núi Tiền Côn-lôn biệt làm một chi thiếu-tổ. chạy vào nước ta lại chia ra ba chi : Chi bên hữu qua Đà-giang (sông Bờ) rồi chạy xuống Hưng-hóa, Sơn-tây, Sơn-nam-thượng, Hoan (Nghệ). Ái (Thanh), Thuận, Quảng ; lại

(1) Tục kỳ 26, trang 136-142.

tản ra các cù-lao ở men bể ; cũng như bên Tàu có một dải tỉnh Vân, Quí rồi chạy đến Quỳnh-nhai thời chỉ. Chi bên tả qua Tuyên-quang rồi chạy xuống Cao-bằng, Lạng-sơn, An-bang (Quảng-yên), rồi lại chạy ra men bể là những cù-lao Hồng-đàm, Đại-nhân-đảo ; cũng như bên Tàu có những tỉnh Cam-toàn, Sơn tấy rồi đến Đăng-lai thời chỉ. Trung-chi thời từ núi Tam-đảo xuống, kéo dài liên-lạc mãi ra là những tỉnh Thái-nguyên, Kinh-bắc, Trung-đô, Hải-dương, Sơn-nam-hạ. Thăng-long, Cổ-bi, thời ở về đất giữa, cũng như bên Tàu có những tỉnh Xuyên, Thiểm, Hà-nam, Kinh, Hồ vậy. Còn như sông Hát-giang chảy về phía nam, sông Xương-giang quanh ở phía bắc, sông Phú-lương (sông Nhị) mông-mênh từ bắc chảy suốt về phía nam, lại chẳng giống như bên Tàu có những sông Giang, Hà, Hoài, Tế hay sao ? Cho nên ta bảo địa-thế nước Nam ta so với nước Tàu tuy nhỏ kém nhưng đại-thể cũng đủ cả.

Từ khi họ Hồng-lạc mở cõi, rồi đến nhà Lý thời cổ-phác, nhà Trần thời trung-hậu, nhà Lê trong năm Quang-thuận, Hồng-đức thời trị-giáo xương-minh, phong-khí mỗi đời một mở-mang thêm ra. Các bậc danh-nhân thời trung-thành như ông Tô Trung-Hiến 蘇忠憲, học-vấn như ông Chu Văn-Trinh 朱文貞, văn-chương như ông Nguyễn Trung-Ngạn 阮忠彥, Mạc Đĩnh-chi 莫挺之, kinh-luân như ông Nguyễn Trãi 阮廌, Nguyễn Duy-Thời 阮維時, lý-học như ông Nguyễn Bỉnh-Khiêm 阮秉謙, Phùng Khắc-Khoan 馮克寬, huân-nghiệp như ông Lý Ông-Trọng 李翁仲, Khương Công-Phụ 姜公輔, thần-kỳ như ông Trử Đồng-Tử 褚童子, Đồng Thiên-vương 董天王, cùng là chính-tông thiền-sư, như là phật-tổ Trúc-lâm 竹林, Hương-tích 香跡, đạo-hạnh như ông An-kỳ 安期, Phạm Viên 范員 ; đó là cái khí linh-tú của non sông chung-đúc lại mà sinh ra các bậc danh-nhân, không thể kể cho xiết được.

Còn như sản-vật ở bể thời có san-hô đồi-mồi, sà-cừ, hạt-châu ; sản ở núi thời có nhục-quế, trầm-hương, hồ-tiêu, ý-dĩ ; củ-mài [1] làng Cổ-pháp [2] ; vải tiến huyện Siêu-loại ; hương-phụ huyện Giao-thủy [3] ; nhân-sâm ở núi Hồng-lĩnh [4] ; sơn nhựa ở Sơn-tây ; củ nâu ở Tuyên-quang ; gỗ lim gỗ sến ở Thanh, Nghệ ; vải bông ở huyện Vĩnh-lại, Tứ-kỳ ; the lĩnh ở làng La-khê, làng An-thái ; các thứ mỏ : vàng, bạc, sắt, đồng ; các sản-vật tôm, cá, muối mặn ; loài chim thời có lông công, cánh chả ; loài thú thời có ngà voi, xừng tê ; cũng có thứ bên Tầu không có mà nước ta có. Nếu biết nhân cái sản-vật tự-nhiên mà sửa-sang, mà chế hóa làm ra cho đủ đồ cần-dùng, thời có kém gì Tầu đâu, huống chi là khí-vận nước Nam ta mỗi ngày càng mở-mang thêm ra mãi.

Ta thường muốn kén lấy những người thiếu-niên tuấn-tú ở các làng có nghề nghiệp như là những làng La-khê, An-thái, Bát-tràng, Trúc-Phê, rồi bắt hủi tóc cho tiền sang du-học bên Tầu, hoặc học lấy nghề đúc đồ sứ ở Hồ-liêu ; hoặc học lấy nghề dệt vóc đoạn ở Kim-lăng ; cho cùng cư-xử để tập lấy những trí-khôn nghề khéo ; rồi lại cho đi xem xét thổ-nghi các tỉnh Mân, Tích, Kinh, Dương, mua lấy giống chè tàu thuốc bắc đem về mà trồng ; người nào học được nghề gì mà về thời cấp vốn cho mở xưởng ra mà chế-

(1) Tức là vị sơn-dược 山藥 thuốc bắc mà lại hậu-khí hơn.
(2) Bây giờ là làng Đình-bảng thuộc Bắc-ninh.
(3) Bây giờ là huyện Chân-định, ở đó có sản thứ củ gấu (hương-phụ).
(4) Thuộc Nghệ-an, có sản thứ Nghệ-sâm tốt.

tạo, như thế thời không ngoại và mươi năm, có thể học tinh được các nghề-nghiệp, đồ ăn thức mặc của ta biết tự-chế lấy đủ dùng, không cần phải mua của Tàu nữa. Nhưng tiếc thay những người gặp thời lại không có chí, những người có chí lại không gặp thời, phàm việc kinh-luân trong thiên-hạ, không phải chỉ ngồi mà bàn suông được.

Lạm-bình. — Nước Nam ta ở về phía nam châu Á, tiếp-giáp nước Tàu, so địa-thế thời nước Tàu mười phần, nước mình không được một, có khi không bằng một hành-tỉnh nước Tàu. Nhưng giang-sơn đâu anh-hùng đấy, « *Nam-quốc sơn hà Nam-đế cư, tiệt-nhiên định phận tại thiên-thư* 南國山河南帝居，截然定分在天書 « thực là non sông nước Việt chúa Nam nhà, rành phận thư trời cõi nước ta; chớ đừng bảo nước ta thua kém gì nước Tàu, cũng nước, cũng non, cũng cồn, cũng bể, nào chỉ hữu sông Bờ, chi tả sông Lư, trung-chi Tam-đảo, Thăng-long Cổ-bi là nơi đất giữa, rồi khai-tịch mãi vào trong nam, trong từ Hà-tiên sắp ra, ngoài từ Lạng-sơn sắp xuống, non xanh nước biếc, chung đúc vĩ-nhân, có thiếu chi người anh-hùng hào-kiệt. Vậy thời trải biết bao nhiêu những bậc thánh-quân hiền-chúa, trí-sĩ nhân-nhân, mới khai-thác ra được cái bờ cõi nước Nam này, mới tô-điểm ra được cái bức tranh non sông gấm vóc này, công-lao biết là chừng nào! Thế thời ai là người con rồng cháu tiên, chôn rau cắt rốn ở đất nước này, ai là người mầm Hồng rễ Lạc, dây mơ rễ má ở đất nước này, thời ai là chẳng cảm ơn thủy-thổ mà nặng lòng yêu nước.

Huống chi trong nước Nam ta có đủ cả khoáng-vật, thực-vật, động-vật, không thiếu một thứ gì. Nếu biết nhân những nguồn vàng suối của, tiền rừng bạc bể, của tạo-vật để riêng cho nước Nam mình ấy, mà mỗi ngày khai-thác thêm ra, thời trong nước có mấy lúc mà chẳng giàu chẳng mạnh. Nhưng tiếc thay thủa xưa chỉ giữ cái chủ-nghĩa tỏa-cảng [1], không biết giao-thông với nước ngoài, ngoại nước Tàu ra không còn biết có nước nào nữa. Dẫu có người chí muốn kinh-luân khai-thác như Phạm tiên-sinh, muốn kén người cho đi học lấy công-nghệ, để chấn-hưng thực-nghiệp, nhưng tiếc thay có chí mà không gặp được thời, cho nên nước ta mới thua kém các nước. Bây giờ nhờ Nhà nước Bảo-hộ, sẵn cái non vàng núi bạc ở Đông-dương này, mà tô-điểm thêm ra, lại mở-mang cho dân ta về đường kỹ-nghệ công-nghiệp càng ngày càng tấn-tới thêm lên, may ra nước ta mới có ngày thịnh-vượng lên được.

V

Xét về tên các xứ đất nước ta thay đổi mỗi đời một khác

Phủ Phụng-thiên (bây giờ là Hoài-đức) có hai huyện, thời cổ là Quốc-uy trung-lộ; còn các huyện thuộc phủ Quốc-uy là thượng-lộ; Thanh-trì, Thượng-phúc, Thanh-uy là hạ-lộ; đời Lý, Trần tổng-xưng gọi là Uy-lộ. Huyện Thọ-xương 壽昌 trước là Vĩnh-xương 永昌; Thanh-trì 青池 trước là Thanh-đàm 清潭; bởi vì chữ *thanh* 清 phải tránh mĩ-hiệu chúa Thanh, nên mới bớt ba nét chấm thủy đi là chữ *thanh* 青 chữ *đàm* 潭 kiêng tên húy vua Thế-tôn mới đổi là *trì* 池) còn như Trung-lộ sau đổi là phủ Phụng-thiên; Hạ-lộ Thanh-uy đổi thuộc về phủ Ứng-thiên; Thanh-trì, Thượng-phúc đổi là Thường-châu;

(1) *Tỏa-cảng* 鎖港, khóa cửa cảng không giao-thông với các nước.

Vĩnh-xương đổi là Thọ-xương ; đó đều thay đổi từ lúc nhà Lê trung-hưng trở về sau này, trong sách sử đều bỏ sót không chép đến cả.

Xét sông Nhuệ-giang 鋭江 phát-nguyên từ làng Tây-đam (tức là làng Đăm) huyện Từ-liêm, qua Thanh-oai, Thanh-trì chảy về phía Nam hợp-lưu với sông Tô-lịch, dòng nước chảy gián-đoạn, lắm khúc bờ sông nhọn hoắt như mỏ hạc, nên mới đặt tên là Nhuệ-giang 鋭江. Về đến đoạn trung-lưu qua huyện Thanh-oai, cho nên cũng gọi là Thanh-oai-giang 清威江, mà những làng ở về đôi bên bờ sông ấy thời gọi là Tả Hữu Thanh-oai-xã.

Giang-khẩu-phường sau đổi là Hà-khẩu-phường 河口坊 ở giáp sông Nhị, nước sông phân-lưu chảy vào sông Tô-lịch, thường bị vỡ lở luôn, không thể làm sao được, thời Lê trung-hưng mới đặt phường Hà-khẩu để cho người Tàu ở, người Tàu mới làm đơn xin đổ đá đắp cánh hàn ở trên thượng-lưu, từ bấy giờ mới bớt vỡ lở, mà theo men sông sắp xuống phía nam, phù-sa bồi rộng mãi ra, người ở đông đúc, bởi thế từ hồ Thái-cực (sau phố hàng bạc bây giờ) ra đến bên Đông-hà, Đông-các, nhà cửa ken liền nhau như bát úp mãi ra đến hai vạn hàng Mắm hàng Bè và bến Tây-long, đều thành ra đô-hội cả.

Hồng-châu ta trước là Hồng-lộ, sau mới đổi là Hồng-châu, lại chia ra thượng-hạ hai phủ (Tức là phủ Bình-giang phủ Ninh-giang bây giờ). Xưa có ông Giám-sinh người làng Bùi-xá huyện ta tên là Nguyễn Luật, khi nhỏ ra chơi chùa làng ấy, trông thấy cái lò đúc kiểu Tàu, dưới đáy lò có khắc mấy chữ ; « *Nhân-hồng phủ Đường-an huyện Bùi-xá xã Nguyễn mỗ công đức* 仁洪府唐安縣裴舍社阮某功德 » Không biết cái lò ấy chế ra tự đời nào, mà xem ra thời huyện ta cùng với huyện Đường-hào cổ-giả hợp làm một gọi là Đường-an 唐安. Ta thường hỏi cụ Phạm Qui-Thích 范貴適 tiên sinh để xét xem đời trước phân hợp ra thế nào, nhưng cũng không được tường.

Làng Hoa-đường 花堂 nguyên trước là Bông-thôn, thuộc về xã Ngọc-cục, từ đời Lê trung-hưng mới chia ra làm một làng, xét trong đăng-khoa-lục chép quán-chỉ các đấng tiền-hiền thời biết.

Làng Nhị-khê huyện Thượng-phúc trước là Ngọc-ôi, sau đổi là Nhị-khê 貳溪 là theo cái tên hiệu cụ Nguyễn Phi-khanh là đấng tiền-hiền làng ấy.

Ông thân-sinh ra quan Trạng-nguyên Nguyễn-Trực 阮直 người Thanh-oai, ẩn-dật ở nhà không ra làm quan, biệt hiệu là Bối-khê 貝溪, sau mới nhân theo tên hiệu cụ mà đặt làm tên làng.

Đời Lê trung-hưng, chùa Diên-khánh làng Đông-ngạc huyện Từ-liêm có đào dưới đất thấy một cái chuông cổ, khắc chữ rằng : « *Đống-ngạch phường Diên-hồ tự chung, Diêu-hựu nhị niên chú, tín-hoạn Tôn-Trân thi kim nhất lạng*, 凍額坊延祐寺鐘, 延祐二年鑄, 信宦宗珍施金一兩. » Chữ viết rất là cổ-kính, hỏi lại các cụ cố-lão thời nói rằng : Phường Đông ngạch nguyên trước là đất làng Thụy-hương, sau mới phân ra làm làng Đông-ngạc. Còn như chùa Diên-hồ 延祐 mà sau đổi Diên-khánh 延慶, là vì kiêng chữ *hồ* húy nên mới đổi ra như vậy. Khi cuối đời Lê, ông Phan Trọng-Phiên 潘仲藩 nhân việc trùng-tu chùa có soạn bài phả-khuyến có câu rằng : « *Chung minh Diên-hựu chi niên*, 鐘銘延祐之年, *tùng mậu trường-thu chi ấm* 松茂長秋之蔭 », cũng là lấy cái điển-tích ở trên ấy vậy.

Gia-phúc, Đỗ-tùng, Đoàn-tùng, Đào-tùng bốn làng ấy, ông Đỗ-Uông 杜汪 làm bài ký cầu Phú-cốc gọi là « 福

Tùng » nghĩa là bốn làng Tùng (tức là chợ Thông). Sau vì kiêng húy vua Triết-Tôn, gọi là tứ-kha 四柯. »

An-bang-thừa-tuyên vì kiêng húy vua Anh-tôn đổi ra là An-quảng 安廣 (tức là Quảng-yên bây giờ). Tân-an, Duy-tân, Tân-phúc vì kiêng húy vua Kính-tôn, mới đổi chữ *Tân* 新 làm chữ *Tiên* 先.

Đạo Tuyên-quang, lúc thời vua Tương-dực gọi là Minh-quang, nay mới gọi là Tuyên-quang, hoặc ngờ là vì kiêng niên-hiệu Minh-đức nhà Mạc nên mới đổi ra thế. Nhưng xét trong thực-lục vua Lê Thái-tổ, lúc Lê-sơ đã gọi là Tuyên-quang, vậy không thể xét cho rõ được. Gia-hưng, Qui-hóa hai lộ hợp làm một, gọi là Hưng-hóa-thừa-tuyên, đã chép tường ở sách phong-tục tổng-lục. Thanh-hoa lúc Lê-sơ gọi là Thanh-hóa, sau lại gọi là Thanh-hoa ; từ lúc Lê trung-hưng về sau này mới lại theo gọi là Thanh-hóa. Vọng-giang lúc đời Trần riêng là một trấn, lúc thuộc nhà Minh gọi là một phủ. Phủ Tam-giang đổi là Tam-đái, không biết là tự năm nào.

Ông Lê Qui-Đôn 黎貴惇 người Diên-hà học-thức rộng-rãi, là bậc lĩnh-tụ chốn nho-lâm, khi sang sứ Tàu vào yết-kiến quan đề-học Quảng-tây là Chu Bội-Liên 朱佩蓮, ông Chu hỏi ông Lê rằng : « Huyện Chiêu-lãng 昭朗 bên quí-quốc bây giờ thuộc về đạo nào ? » Ông Lê không biết đáp lại làm sao, đến khi trở về hỏi ra mới biết chính là huyện Diên-hà 延河.

Năm Hồng-đức thứ 21, sửa định lại bản đồ địa-dư trong nước, cho bốn châu đạo Cao-bằng thuộc về đạo Thái-nguyên. Từ năm Lê trung-hưng, nhà Minh mới an-sáp họ Mạc cho ở đó, cát-cứ 47 năm trời, thành ra Trịnh, Mạc giao-binh đánh nhau mãi. Vậy kẻ chinh-phu thời ấy có câu ca-dao rằng : « Cái cò lặn lội bờ sông, gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non, nàng về nuôi cái cùng con, để anh đi trẩy nước non Cao-bằng. » Năm Khang-hi nhà Thanh, quan trấn-thủ Vân-nam là Ngô Tam-Quế 吳三桂 làm phản nhà Thanh, họ Mạc lại ứng làm ngoại-viện ; triều-đình mới tư sang nhà Thanh đem quân tiến-tiễu, trừ được họ Mạc, từ bấy giờ mới đặt làm một trấn, sai ông Võ Vinh-Tấn lĩnh chức trấn-thủ. Về sau cứ theo như thế, cho quan văn lĩnh chức đốc-trấn, cũng giống như trấn Lạng-sơn ; vì rằng tiếp giáp Vân, Quảng, tờ bồi tư-báo đi lại luôn, phi quan văn không làm nổi.

Còn như Phú-lương 富良 đổi là Phú-bình 富平, Đà-dương 沱陽 đổi là Đoan-hùng 端雄, Ma-nghĩa 摩義 đổi là Minh-nghĩa 明義, Cổ-đằng 古藤 đổi là Hoằng-hóa 弘化, Lương-giang 梁江 đổi là Đoan-nguyên 端源, Thanh-đàm 清潭 đổi là Thanh-chương 清漳, Thanh-miện 清沔 đổi là Thanh-miện 青沔, Tế-giang 細江 đổi là Văn-giang 文江, Trường-tân 長津 đổi là Gia-Phúc 嘉福, Võ-ninh đổi là Võ-giang 武江, Thanh-liêm 清廉 đổi là Thanh-liêm 青廉. Cửa bể Thần-đầu bây giờ lấp thành đất phẳng (tức là huyện Kim-sơn bây giờ), cửa bể Đại-ác 大惡 bây giờ là Đại-an 大安 ; Cổ-hiền trước là một huyện, về sau sáp-nhập vào huyện bên cạnh, Hải-đông trước có một phủ, về sau thuộc cả về một trấn ; phàm những sự thay đổi ấy rất nhiều, không thể sao kể xiết được ; bởi vì văn-biến không đủ, thế-tục không truyền, làm cho những người khảo-cổ thường phải thở dài mà than tiếc.

Lạm-bình. — Xứ Bắc-kỳ ta ở về khu-vực sông Nhị-hà, phù-sa càng ngày càng bồi thêm, thời địa-thế càng ngày càng rộng, xem như cửa bể Kỳ-bố bây giờ là huyện Tiền-hải Thái-bình ; cửa bể Thần-phù bây giờ là huyện Kim-sơn Ninh-bình ; ngã ba tuần Vường trước là gần nơi bến bể,

bây giờ đã còn bãi ngổn-ngang ; đó là sự bể dâu biến đổi cơ trời, mỗi lúc một khác, nên bờ cõi nước Nam ta cũng mỗi lúc một mở-mang thêm ra. Huống chi tên các xứ đất mỗi thời lại gọi một khác, lúc phân, lúc hợp, lúc cách, lúc nhân, nếu không có những sách dã-sử ghi chép, những bậc cố-lão truyền-ngôn, để bổ những điều khiếm-khuyết trong chính-sử, thời còn bởi đâu mà khảo-cứu cho biết được những sự cổ-kim duyên-cách [1]. Xem như bài trên này, thời biết Phạm tiên-sinh đã lưu-tâm kê-cứu về địa-dư-học ; mà cái miếng đất đồng-bào chúng ta chôn rau cắt rốn ở đây, không biết là trải bao nhiêu sông lở cát bồi, sao dời vật đổi, đến nay địa-đồ nhan-sắc lại càng khác xưa, thế thời sự học địa-dư lại chẳng là cần lắm ru ?

VI

Thể-cách thơ-từ các đời trước

Nguyên-ủy thơ thế nào, các đấng tiên-nho đã bàn đi bàn lại mãi rất là tường-tận, không cần phải nói chi nữa. Đời nhà Hán có làm ra lối thơ tứ-ngũ-ngôn ; còn những bài đặt ghép vào thanh-luật, hiệp vào dịp đàn, tùy xoang theo điệu mà đặt có câu dài câu ngắn, câu rậm câu mau, so-le không giống nhau, đó là lối « nhạc-phủ ». Chỉ đặt theo lối thất-ngôn hiệp theo vần bằng mà hợp vào âm-luật, thời gọi là « ca », đó cũng là chi-lưu lối Nhạc-phủ. Phô bày nói thẳng tuột đi, nhiều câu rậm chữ cũng được, hoặc trước nói lung lên mà sau nói thúc lại, hoặc giống bài ca mà kiêm cả lối thơ, đó là thể « phú ». Đến như lối tụng, tán, châm, minh, thời cũng là chi-lưu lối phú vậy. Từ nhà Tấn, Ngụy trở về sau này, lời văn càng công-sảo bao nhiêu thời khí-phách càng kém ; sau dời sang phía Giang-tả, lại pha lẫn thêm lối học hư-vô, văn thơ lại càng lưu về đường suy-nhược, đó là tại thế-vận xui nên thế vậy.

Nhà Lý-Đường dấy lên, mới phân ra lối : ngũ-ngôn cổ-thể 五言古體, ngũ-ngôn cận-thể 五言近體, ngũ-ngôn-luật 五言律, ngũ-ngôn bài-luật 五言排律, ngũ-ngôn tuyệt-cú 五言絕句 thất-ngôn cổ-thể 七言古體, thất-ngôn cận-thể 七言近體, thất-ngôn-luật 七言律, thất-ngôn bài-luật 七言排律, thất-ngôn tuyệt-cú 七言絕句, tràng đoản ca hành 長短歌行, mà thơ lại chia ra nhiều thể, có thể thơ tỉnh-thi, phú-thi, ứng-chế, ứng-giáo, thư-hoài, tức-sự, tặng-đáp, phú-vịnh, thứ-vận, liên-cú, vân vân ; kể cái thể-tài, âm-luật các nhà làm thơ, như thế cũng đã rất đủ. Phép thi học trò lại trọng về nghề thơ lắm, tỉnh-thi, phủ-thi thời chuyên thi lối thơ ngũ-ngôn bài-luật ; ứng-chế ứng-giáo thời kiêm dùng cả lối ngũ-thất-ngôn bài-luật ; trong bài thơ có bài thời lấy chữ đầu đề làm vần, có bài hạn làm theo một vần nào. Còn các lối thi-ca nhạc-phủ, tán, tụng, châm, minh, lối nào cũng thành chương, có điều-tự ; học trò thời ấy phun châu nhả ngọc, tiến-bộ lên bậc phong-tao, thời bấy giờ rất thịnh không có đời nào hơn được nữa.

Thơ người nhà Tống cũng nhiều câu cảnh-bạt [2], nhưng thể phú-vịnh thời thiệp về đường thô-sơ, thể tỉ-hứng thời mắc về đường chướng-ngại, *so* với thơ nhà Đường còn kém xa.

Người nhà Nguyên khéo về đường từ-khúc, mà thơ thời uỷ-mĩ [3] ; người nhà Minh thiên về lối thời-văn, mà thơ thời tiêm-lệ [4] ; đó là muốn học Đường-thi mà học sai lầm đi vậy.

(1) Cổ kim duyên cách 古今沿革. Xưa nay cố điều theo nhau giữ mãi, cố điều biến đổi khác đi

(2) Cảnh-bạt 警拔, là lanh-lợi xuất-sắc, có ý cao xa vượt tót hơn người.

(3) Uỷ-mĩ 委靡, là đỗ lướt yếu ớt.

(4) Tiêm-lệ 纖麗. là đẹp-đẽ tật-vặt.

Nước ta, thơ nhà Lý thời cổ-áo [1]; thơ nhà Trần thời tinh-diễm thanh-viễn [2]; đều có cái sở-trường, cũng như là thơ nhà Hán, Đường bên Tàu vậy.

Từ đời hai họ Hồ trở xuống, năm Đại-bảo (1440) trở lên, thơ từ còn theo được cái mối thừa của đời nhà Trần, nhưng mà thể-tài khí-phách mỗi ngày mỗi kém. Từ năm Quang-thuận (1460) đến năm Diên-thành (1578), thời lại bắt-chước theo lối thơ người nhà Tống, thơ đời Lý Trần đến đấy là một lần biến. Thơ đời trung-hưng thời chỉ đo-đắn cân-nhắc câu-nệ từng chữ, càng lưu về đường tỉ-bỉ, thời không kể chi.

Trong khoảng năm Vĩnh-hựu (1735-1740) các bậc tiền-bối nhiều cụ cũng lưu-ý thi-luật, như ông Nguyễn Tôn-thất 阮宗室 là bậc lĩnh-tụ thời bấy giờ; rồi đến ông Nguyễn Huy-Oánh 阮輝瑩, Hồ Sĩ-Đống 胡士棟 theo nhau mà khởi lên thành ra một nhà danh-thi. Ta thường xem xét thơ các ông ấy, thời thơ ông Phúc-Khê 福溪 tiêm-lệ hoa-diễm [3], nhưng mà hơi tỉ-mỉ tặt-vặt quá; thơ ông Lai-Thạch 萊石 vị-trí thanh-cao, nhưng mà có câu mô-phỏng chưa được thoát; thơ ông Hoàn-Hậu 完厚 thời chuyên chủ khí-phách, chớ không thèm tỉa-tót tỉ-mỉ; thi-học thời bấy giờ cũng gọi là trung-hưng lên được, nhưng so với những bậc thi-gia đời Lý Trần, thời chưa có thể xuýt-xoát bằng được.

Còn đến như thơ trường-ốc của các nhà cử-tử [4], thời từ đời Tiền-Lê trở về trước, dẫu không bằng được cổ-nhân, nhưng cái ý mệnh-đề cũng còn hơi phảng-phất. Từ đời trung-hưng trở xuống, chuyên dùng lối thơ thất-ngôn-luật, trong bài thơ có câu: phá-đề, nhập-đề, thượng-trạng, hạ-trạng, thượng-luận, hạ-luận, thượng-kết, hạ-kết, hạn vần thời cứ bắt áp chữ quan-vận [5] vào câu nhập-đề, bó buộc bách-xúc, xưa nay không có thế bao giờ, cho nên những thơ các nhà cử-tử cầu-thả theo thời, toàn là bỉ-lái [6] cả. Thiết-tưởng trong khoảng hai trăm năm, những bậc cao-tài thạc-học [7] ra ở đường khoa-cử ấy cũng nhiều, nhưng mắc về trình-hạn ngặt quá, cho nên ít có thơ truyền-tụng được.

Thơ ứng-chế thi khoa đông-các thời dụng lối ngũ-ngôn bài-luật tràng-thiên, có khi phải làm đến 70 vần, ít cũng phải làm đến 50 vần hay là 30 vần; mà chữ quan-vận thời phải áp vào vần câu đầu, nhiều khi mắc phải vần trớ-trọi, đề hiểm-hóc làm hãm người ta vào trong gian-sáp, khó hơn những vần thơ thi hội, thi hương. Ta thường xem tập *Cát-xuyên tiệp-bút* thấy có chép câu thơ rằng: « Thời hân phùng trí trị, thần nguyện thú tam thê. 辰欣逢至治, 臣願娶三妻. » [8] Đó là vì túng vần quá phải gieo đến cả vần « thê 妻 » là vợ, tài nào mà nhịn cười cho được.

---

(1) Cổ áo 古奧, là cổ-kính, sâu-sắc.

(2) Tinh-diễm thanh-viễn 精艷清遠, là tinh-vi, tươi-đẹp, trong-sạch, sâu xa.

(3) Tiêm-lệ hoa-diễm 纖麗華艷, là kỹ-càng đẹp-đẽ văn-hoa.

(4) Cử-tử 舉子, là người học trò đi thi khoa-cử.

(5) Quan-vận 關韻, là lấy một chữ làm vần, rồi cứ phải theo vần ấy mà làm. Thí dụ như lấy một vần chữ « hoa », thế là « quan hoa tự vận », thời chữ « hoa » ấy phải gieo vào câu nhập-đề thứ hai.

(6) Bỉ-lái 俾鄙, là quê mùa thô tục.

(7) Cao-tài thạc-học 高才碩學, là người tài cao học giỏi.

(8) Nghĩa là: Thời nay mừng rất trị, tôi muốn lấy ba vợ.

Lạm-bình. — Thi-ca nước ta kể ra thời đời Lý, Trần hay hơn cả, về đến đời Lê lại càng ngày càng kém đi; cũng như là bên Tàu thời Hán, Đường hay hơn cả, đến Nguyên, Minh lại càng kém mãi đi, đó là tại khi-vận xui nên thế chăng? hay là tại cái lối văn thơ khoa-cử nó hành-xích [1] người ta quá, cho nên không thể nào hay lên được chăng? Cụ Phạm tiên-sinh đã bàn qua ở cả trên đó rồi, không còn phải nói lại chi nữa.

Đó, thi-ca hán-văn thời càng về sau càng suy kém, thử xét xem thi-ca quốc-văn về sau này có thịnh mà hay lên được chăng? Nguyên lối thi-ca quốc-văn nước ta mới khởi-xướng ra tự đời Trần, rồi đến đời Lê, kế đến Nguyễn-triều ta. Nhưng đời Trần mới là phôi-thai thời-đại, đến triều Lê, triều Nguyễn ta mới phát-đạt thêm mãi ra, không những là thơ-từ ngâm-vịnh ở chốn nho-lâm, lại còn những lời ca-dao ở nơi thảo-dã; nào là tiễn chồng chảy Cao-bằng, mà thác-hứng cái cò, thời chạnh niềm nuôi cái cùng con, kể khôn xiết nỗi đau lòng người chinh-phụ. Nào là theo chồng lên xứ Lạng, mà đoái trông nàng Tô-thị, thời tiếc công bác mẹ, kể biết bao nhiêu lời năn-nỉ với chú chinh-phu. Còn như nghe câu: « *Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân, nay anh học gần mai anh học xa* », thời biết rằng nàng khuê-nữ sớm khuya chỉ khnyên chồng đi du-học. Nghe câu: « *Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bỏ công trang-điểm má hồng răng đen; chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ* », thời biết nàng xử-nữ kén chồng chỉ mong sánh vai cùng người nho-sĩ. Đó là kể qua mấy câu ca-dao đại-để như thế, thời biết bao nhiêu là tình, là hiếu, là tiết-nghĩa, là trung-trinh, có khác chi những thơ chinh-phong chinh-nhã ở trong thiên tam-bách [2]. Huống chi lại còn di-cảo thi-ca của các bậc danh-nhân có tiếng truyền lại cũng nhiều, như là *Bạch-vân thi-tập* của cụ trạng Trình Nguyễn Bỉnh-Khiêm 阮秉謙, truyện *Kim-Vân-Kiều* của quan Tham-tri Nguyễn Du 阮攸, truyện *Chinh-phụ-ngâm* của bà Nguyễn Thị-Điểm 阮氏點. Ngoại-giả lại còn những khúc *Nhạc-phủ tân-thanh* của quan Lại-bộ Nguyễn Khản 阮侃 về cuối đời Trịnh; những bài hát nói của ông Nguyễn Công-Trứ 阮公著, Cao Chu-Thần 高周臣, những tập thơ của bà huyện Thanh-quan, cụ Tam-nguyên Yên-đổ, kể biết bao nhiêu là những giọng thi-ca như đàn, như sáo, như gấm, như vóc, như ngọc, như ngà, thanh-tao phong-nhã biết là chừng nào! Xem đó thời biết thi-ca quốc-văn về lúc Lê-mạt Nguyễn-sơ, chính là lúc càng ngày càng thịnh. Đến bây giờ các nhà thi-ca có được hay như các cụ khi xưa hay không? Những lời ca-dao có được nhiều câu chánh-đáng như thời cổ-giả hay không? Hay là chỉ hát những câu: « Em là con gái nhà Diêm, đến tháng lĩnh tiền được bốn đồng hai, một đồng em để cho trai.... », hay là chỉ nghe thấy những câu: « Cái ô lục-soạn cái dây lưng điều, các cô trông thấy mĩ miều... », v. v., Đó là những câu ca-dao tự bọn hạ-lưu xuất-khẩu ra, toàn là những giọng gái giang-hồ, trai tứ-chiếng cả, thời còn trinh ở đâu? hiếu ở đâu? mà còn có tình chánh-đáng chi nữa? Đương buổi người ta chỉ say mê về đường tình-dục như thế, các nhà văn thơ cần chi lại thả mãi những giọng tình ra, chỉ làm cái trò đạo-dục tăng-bi [3] cho phường hạ-lưu xã-hội.

---

(1) Nghĩa là: cân nhắc, đo đắn chặt chẽ quá

(2) Kinh Thi có ba trăm thiên.

(3) Đạo-dục tăng-bi 道慾增悲 là khêu lòng dâm dục, thêm sự thương đau.

Ai không biết rằng người ta sinh ra ủi là không có tình, khi tình còn tĩnh ở trong chưa phát-hiện ra thời còn là tĩnh, đến khi động mà phát-hiện ra đều hợp tiết-độ cả thời mới là tình ; tính-tình là cái lẽ trung-hòa tự-nhiên của con người ta, chớ không nên lưu-lãng quá-độ. Văn thơ ngôn-tình đến như thơ Quan-thư ở kinh Thi thời nói là tình, vui mà không đến nỗi lâm, thương mà không đến nỗi hại, tình mà vẫn bất-thất kỳ-chính mới là tình, chớ có đâu mới độ măng sữa mà đã đa-tình, mới độ non nớt mà đã đa-sầu, thời còn sống sao được ! Thậm chí các tay văn thơ mới nổi lên thường tán lẫn nhau rằng: « *Thơ ông tình lắm!* », cậu nọ phỉnh cậu kia rằng: « *Ngọn bút ông tình hay!* » Lại có kẻ giả dạng kiều-nhi để ngâm câu tình-hoại ; mạo-danh thị-mẹt để bàn chuyện văn thơ ; không biết ai khêu cái giọng văn tình ấy ra để cho đến nỗi lênh-láng như vậy ? Tôi thiết-tưởng bây giờ phải nên học lại phẩn-tình mới được

Ai không biết rằng « *thiên kỳ sinh nhân tình tiện hữu, tình tràng tình loản hựu tình chung* », nghe câu hát ả đầu đó cũng đã điêu-đứng về chữ tình với các ả, cần chi mà phải bàn sác mãi chữ « *Ái-tình* » ra cho thêm chuyện, can chi lại xướng mãi những thơ tình ra cho não lòng, nào là tình nùng, tình dạm, tình ngốc, tình xi, nói lắm thành ra vô-vị.

Ấy cái văn thơ mới đây xuất-bản thường thường như thế đấy, xem ra có xứng-đáng là bậc danh-sơn giá-trị [1] không ? Có đáng tự-phụ sánh với cổ-nhân không ? Than ôi ! đương buổi cần gây dựng cái nền quốc-văn này, tôi vẫn mong có nhiều người có tài văn-chương, hễ ai xuất-bản được cuốn văn thơ nào hay thời rất là quí, nhân-tài như trăm hoa trăm vẻ, vẻ nào cũng có vẻ ưa, nhưng phải biết rằng hễ xuất-bản cuốn văn thơ nào ra, phải cho có giá-trị, mà phải biết cuốn văn-thơ ấy ra có ảnh-hưởng về xã-hội những điều gì, cái ảnh-hưởng ấy hay hay là dở ? Rồi mới dám đem cái văn-chương của mình ra để vấn-thế [2], chớ không phải chỉ vụ lấy cho trôi mối hàng. Ấy cái lòng thận-trọng của các nhà tác-giả xưa nay như thế đấy, giấy trắng mực đen, khôn thời văn tế, chớ đi đâu mà hấp-tấp mà vội vàng, mà vội mua cái danh văn-tự hão !

Vậy ta thử đem cái trình-độ văn thơ bây giờ, mà sánh với cái trình-độ văn thơ ngày xưa ; dẫu có một vài nhà cao-nhân phúng-vịnh, thác-hứng cao xa, đối với cổ-nhân cũng không đến nỗi thẹn. Còn thời phần nhiều là ý-tứ thô-thiển, không có cái khí-phách nhà đại-thi-gia, chửa thấy được mấy nhà đáng gọi là chính-tôn-phái thi-ca như các bậc tiền-bối. Nhưng cái trình-độ văn thơ trong một nước, nước nào cũng vậy, có lúc kém, có lúc hay, có lẽ nào cổ hay mà kim lại dở, vậy xin các nhà văn thơ cố gắng mà hay thêm lên !

ĐÔNG-CHÂU

---

(1) Danh-sơn giá-trị 名山價值, là cái giá-trị của nhà làm văn thơ có danh-giá để lưu-truyền mãi

( ) Vấn thế 問世, nghĩa là hỏi thử người đời, xem đã được chửa.

VĂN NAM-KỲ

BÀN VỀ TÍN-GIÁO TỰ-DO

Trong hoàng-võ chia ra làm năm châu là : Á-châu, Âu-châu, Mỹ-châu, Phi-châu, Út-châu.

Thiết-tưởng châu nào cũng phải có năm ba giáo-đạo, để mà giáo-dục trong quốc-dân, những sự đạo-đức, sự luân-lý, và khuyến-thiện trừng-ác, cùng giản-dụ các việc khác nữa, v. v...

Song mấy châu cách xa ta không bàn luận mà chi ; chỉ lấy một vài phương (châu) kế cận ta đây là : châu Á và châu Âu mà bàn những sự lợi hại.

Như châu Á thì có Nho, Thích. Đạo, còn châu Âu có đạo Thiên-chúa, Hồi-hồi, v. v...

Trong hai phương Á, Âu chỉ có năm đạo ấy là lớn trong thế-gian, lại thường hay phổ-thông lẫn-lộn với nhau cả hai.

Xét kỹ trong năm giáo-đạo ấy, đạo nào cũng đều giáo-hóa những sự đạo-đức, luân-thường và khuyến-trừng thiện-ác v. v. . . . .

Thật lấy làm bổ-ích cho những nhân-quần xã-hội biết bao.

Vậy cho nên mới đặng tín-giáo tự-do. Đạo nào cứ giữ cho phải đạo ấy, dẫu cho chánh-phủ nào tưởng cũng không lẽ áp-chế, mà đạo nào tưởng không nên bài-bác đạo nào, là vì tôn-giáo nào cũng giúp sự bổ-ích cho nhân-quần xã-hội cả thảy.

Đây xét các tôn-giáo trong nước Nam. Xét kỹ trong nước Nam-Việt, chưa từng thấy phát-tích đạo nào cả.

Như đạo Nho đạo Lão tự Trung-quốc du-nhập, đạo Thích tự Ấn-độ du-nhập, đạo Thiên-chúa tự Âu-châu du-nhập.

Các đạo-giáo ấy ở vào nước ta tự bao giờ đến bây-giờ, đã tim-nhiễm lâu đời, mà hễ lâu đời rồi, dẫu cho sự vật chi ắt có chỗ sai lầm.

Vì vậy cho nên nay đã thấy có một vài đạo xem ra đã là gần thất-bổn.

Như thầy chùa thầy sãi, hay đi đám tuần đám chay, ta cũng gọi là đạo Thích ; các ảnh bày nhiều đều phi thường, chẳng cần nói ai ai cũng rõ biết.

Còn như thầy pháp hay là thầy phù-thủy. tục ta cũng gọi là đạo Lão ; họ cũng đặt nhiều chuyện vô nghĩa-lý. Xét ra không thành đạo nào là đạo nào, lại thêm hại nhơn hại tục mà cũng xưng rằng chánh-đạo.

Mà thứ nhứt là trong Nam-kỳ lại còn nhiều đạo dị-đoan nữa. Như là Minh-sư, Thượng-đế, Thầy-tướng, Thầy-địa, Bóng-giại, Bóng-khôn, Quang-đế, Mẫu-hậu, Đồng, Kiến, Thiên-thần, Địa-chủ, Trò-Sọ, Cô Hiên v. v. . . còn trăm ngàn mối phi-thường khôn xiết kể.

Tưởng mỗi một đạo chắc có đôi ba ngàn tín-chủ. Vậy kể hết tín-chủ của các đạo phi-thường ấy, có lẽ cũng đặng năm bảy muôn người tín-ngưỡng mê-mộng không bằng cớ, tưởng không phương-pháp chi mà chữa cho được các bịnh ấy. Vì sao vậy ? là vì hễ họ có con có cháu, thì họ cứ giáo đạo của họ mà thôi, gi-truyền đời này sang đời khác.

Than ôi ! Vậy cũng rằng tín giáo tự-do ! Nay xét những hạng người mà mê tín các đạo vô-nghĩa-lý ấy, bởi sao mà theo, bởi đâu mà mê.

Xét sự theo mê ấy có ba lẽ.

Một là : vì lợi riêng của mình, mà làm sai mối đạo ; còn người thọ giáo lại không học-thức, nói sao nghe vậy, nhứt là đờn bà.

Hai là có người biết mình làm càng, nhưng mà có lợi, vậy nên cứ làm càng hoài.

Ba là vì mê tinh quá cho nên quên những sự sái quấy của mình làm, cứ vậy là phải, là linh-nghiệm, là hiển-hích, còn ngoại ra không biết sự gì hay cho bằng của mình làm.

Ngán thay ! những hạng người như thế, biết đời kịp nào nữa cho đặng bước vào nẻo văn-minh.

Nghĩ cũng nên buồn nên thương! Nên chi cách ba bốn năm trước Chánh-phủ thuộc-địa Nam-kỳ thấy những điều tinh tệ như vậy, thì có chỉ-dụ cấm ngăn các đạo dị-đoan nào làm hại nhân dân, quan trên suất cho tổng xã phải trông nom chúng nó làm những chuyện chi, nếu sái quấy không phải lý sẽ bắt giải lên đến tỉnh.

Nhưng mà tổng xã lấy làm sự lơ là, tưởng không quan-hệ chi cho xã-hội, cũng có thi-hành lôi-thôi rồi bỏ qua không cần đến, cho nên chúng nó thấy vậy dễ người không tuân pháp-luật.

Đến nay thấy các đạo dị-đoan lại thạnh-hành hơn xưa thập-bội, trong thấy lấy làm ngạc-nhiên, không thể hở môi đặng.

Song le cũng có một đôi ông kiến-thức đã thấy lấp nẻo chánh dấy điều tà, mới bước ra nắm bút biên vào các báo, đặng khuyên giải lẽ chánh tà cho phân-minh.

Nào hay đâu họ thẳng mang nhướng mắt mà đáp lại rằng : thánh-hiềnx ưa còn nói: quỉ-thần chi đức, kỳ thạnh hĩ hồ. Nay cũng có câu: tín-giáo tự-do ; ai làm đặng nấy nhờ, cớ sao các ông đặng bài bác đạo giáo của chúng tôi.

Ô hô! vì một đôi câu của Nho-giáo không hiển hiện, cho nên họ mới tìm kiếm bươi vạch ra đặng mà đổ lỗi của họ, kỉnh các danh-nho nghĩ thử.

Sau đây tôi kính lời cùng thức-giả xin nghĩ nghị phương pháp chi chi mà trừ tệ, ngõ hầu dỗi bước văn-minh, cũng là một sự đại-hữu-ích cho quốc-dân vậy.

NGUYỄN ANH-TUẤN

(Ngã-tư — Vĩnh-long — Nam-kỳ)

lai-cảo

VĂN-UYỂN

CỔ-PHẦN LÝ-KHÚC

古汾俚曲

Của quan TRẦN MỸ, *tuần-phủ Hà-nam soạn*

PHỤ-LỤC

Dân Trần-xá huyện Nam-xương, có đem một quyển gia-phả đến nhận họ với tôi, nhưng mà thế-đại đã lâu, tôi cũng không dám chắc, duy xem trong quyển gia-phả ấy có ông Trần tiên-sinh Phan Quận-công, khi dương làm quan nhà Mạc thấy thời-thế không ra gì, liền trí-sĩ ở nhà, sau lại giúp nhà Lê trung-hưng, có một bài thệ-văn của ông ấy đưa cho Trịnh-Kiểm, và một bức thư của Trịnh-Kiểm đưa cho ông ấy. Xem hai bài này, tuy văn nôm mà còn dụng nhiều chữ nho, nhưng lời lẽ viên-hoạt, ý-tứ chu-đáo, biết là quốc-văn nước ta phát-hiện ra đã lâu, nếu sau này đừng có một mực trọng văn Tàu, mà khinh văn nước mình, thời chắc rằng quốc-văn nước ta cũng không kém gì các nước vậy.

I

Phan quận-công dị Trịnh-Kiểm thệ-văn (1)

Tôi nay dòng truyền Tế-bắc; tịch ở Giang-nam. Hồ phận bằng lễ đãi nhỡ thời; có phúc cả tinh-cờ gặp chúa. Chị tôi dự nâng khăn cửa phượng, đã mừng tươi tốt phải duyên; mình tôi từng cầm hốt sân loan, chốc được giầu sang có phận. Xái cam-lộ đòi chồi nhuần đượm; bến thiên-hương đòi khóm thơm tho. Non tuyết mịt-mù, mặt vừa tỏ con hồng thuận gió; bãi-hành xáo-xác, tai sẩy nghe cái nhạn gào sương. Ngồi chăn-kim ngớp-ngớp những chờ; vàng mật-chỉ ngùi-ngùi thêm cảm. Thấy đức Thang mở lưới, thấp cao xem trí-điểu tếch chừng; giắp chí Lã buông câu, chầy kíp miễn-ngao ngư thấy giạng. Lượng trời đất bao-dung nhường ấy; đạo tôi con báo-đáp làm sao. Con lấy thảo tôi lấy ngay, thề lòng nối ba giường chẳng trễ; trong lo nước ngoài lo giặc, kiên dạ gìn một tiết dám khuây. Dặm tuy nghìn đường cách nọ kia; vầng cũng một trăng soi đây đấy. Dù Tô-Vũ mình Hồ lòng Hán, khoán này vâng phúc để ức niên; hoặc Triệu-Văn miệng Tấn chân Tần, khoán ấy ắt tội nên muôn kiếp. Thần (Mỗ) cẩn-thệ.

II

Trịnh-Kiểm dị Phan Quận-công thư (2)

Từng mảng: đứng hào-kiệt sở-yên vì nghĩa, nghĩa nào trọng hơn nghĩa quân thần; đứng hào-kiệt sở-cảm vì ân, ân nào thâm hơn ân phụ tử. Dù so lại nghĩa giải ân hậu, khá gồm cùng đất rộng trời cao.

Bằng tớ nay: Ngôi ở nguyên-lương, độ thường khoát-đạt. Cơm Bình-Nguyên nuôi khách, tóm sĩ hiền túi chật thoải dùi; vàng Trịnh-Bá mua người, xem tài-tử lồng chem cánh rím. Đứng kẻ vũ đều về lung-lạc; sĩ trí-năng hết phạm-vi.

Bằng ngươi: Ngoài vững chân tay; trong làm lòng dạ. Dòng tuy khác Trịnh Trần hai họ, tớ lên đền vương-thất, người ra cửa tướng-quân, duyên xẩy ưa Hồ Việt một nhà, tớ nhớ nghĩa tiêu phòng, người kết-duyên quế-tịch.

Tớ vốn lấy nghĩa nhân hai chữ; người thì nên trung nghĩa mười phần. Dực-đức vốn đã mến ông Lưu, những mừng rỡ hùm kia mọc cánh; diên mao lại chẳng vì thiếp Hán, khéo vì vòi rắn nọ thêm chân. Trăm miệng gièm khôn cấm khôn bưng; nghiêng ta thánh dễ nghi dễ hoặc. Đường-vương giúp Lý-công hi-dấu, tớ chở che hết sức Chàng-Hai; Tống-hoàng nghi Dương-sứ mưu tư, tớ gánh vác nặng lòng Chúa-Tám. Con cò chợt thò-lò thấy bẫy; cái hồng bèn thăm-thẳm lánh xa. Lời tớ nguyền bạch-nhật thanh-thiên người cành-cành hằng ghi dạ ấy; lời người rõ đan-thư thiết-khoán tớ đinh ninh còn nhớ dạ này. Trượng phu tuỳ-khí tương-kỳ; quân-tử vị hiểm nghi nên khích. Chu Nguyên-tế vốn cầm một tiết, còn lao-đao trong thủa lưu-ngôn; Hán Giáng [illegible] lòng, cũng man-mác [illegible] nghi-tử. Xưa lẽ ấy nay thư[illegible], người lòng nào tớ có lòng nào. Rầy dưới đời còn thế tam-phân, người cần giữ tận tâm sở sự. May trong bể nên công một mối, tớ nhớ lời dữ-quốc đồng-hưu.

---

(1) Bấy giờ Trịnh-Kiểm bị Lưu-ngôn nó gièm, mà ông Trần là tướng của Trịnh, không thể bỏ nhau được, nhân đặt bài thệ này để tạ.

(2) Bấy giờ Phan quận-công lánh nạn tới Bắc-ninh chiêu mộ hào-kiệt, uy-danh lừng lẫy cả nên Trịnh-Kiểm đưa thư muốn toan thu-dụng.

Dù ai đen bạc biển rời ; phó mặc xanh vàng soi xét. Cẩn thư.

***

Hữu-mai Nguyễn Đình-Tuân cung-bạt

Ngẫm các văn-chương có lạ gì,
Bụng suy miệng đọc bút đen ghi.
Hoàn-cầu mỗi nước một thứ tiếng,
Ghép vận vào tiếng gọi là thi.
Nước ta ông Thuyên làm ra trước,
Sau dấy phỏng nhiều người bắt chước.
Một ngày một luyện một ngày hay,
Cũng đủ thành văn riêng một nước.
Tham thanh chuộng lạ ngán cho ta,
Quí bụt chùa người quên chùa nhà.
Nào Hàn nào Đỗ đua nhau học,
Học được ba câu đời đã già.
Bây giờ văn tàu dùng đã ít,
Văn ta còn là buổi con nít.
Một hai mong được bực lão-thành,
Chỉ đường cho kẻ đương mờ-mịt.
Tôi biết văn hay không biết làm,
Được xem tập này tôi cũng ham.
Hãng xin coi đó làm khuôn mực,
Giữ lấy nòi văn nước Việt-Nam.
Suy ra làm sách các khoa-học,
Để cho mỗi người in vào óc.
Có khi lịch-sử ta về sau,
Rồi cũng như hoa như gấm vóc.

(Hết tập *Cổ-phần ly-khúc*).

HẮT NÓI

(hát ả đào)

1 — Cảnh nhàn

Nhật trường tự tuế nhàn phương giác 日長似歲閒方覺 (1), *sự đại như thiên túy diệc hưu* 事大如天醉亦休 (2); cõi trần-gian rứt mực phong-lưu, thứ nhứt thú tùng tâm sở dục (3), khi đàn thất-huyền-cầm (4), khi ca tứ-thời-khúc (5), khi trà kim-cúc, khi rượu bạch-liên, cái vinh khô tố-định tự thiên, (6) nào ai trần-tục, nào ai tiên-cách, đường sĩ-hoạn (7) cũng là trong thanh-bạch, cũng chẳng qua giấy rách giữ lề; thoảng ngoài mặc tiếng khen chê !

2 — Cách phong-lưu

Thu-thủy tràng-thiên nhất-sắc 秋水長天一色, (8) vẻ phong-lưu rất mực phong-lưu ; trăng trăng bạc, gió gió vàng, giục lòng khách tha-hương (9) tình khiên-hứng. Chén rượu hoàng-hoa cơn chếnh-choáng, câu thơ bạch-tuyết lúc ngâm-nga ; bạn cùng người tuyết nguyệt phong hoa, lấy thi tửu cầm ca làm thích-chí. Cơn lưu-lạc mới trải mùi thế-vị, lúc phồn-hoa càng lắm vẻ xuân-tình. Tỉnh ra rồi mới giật mình !

---

(1) Ngày dài như năm có ngồi nhàn thì mới biết.

(2) Việc lớn như trời đương lúc say cũng mặc.

(3) Tùng-tâm sở-dục 從心所欲, nghĩa là theo cái ý muốn của bụng mình

(4) Thất huyền cầm 七絃琴, là cây đàn bảy dây.

(5) Tứ-thời-khúc 四辰曲, là khúc hát tả cảnh bốn mùa xuân, hạ, thu, đông.

(6) Tố-định tự thiên 素定自天, nghĩa là hay dở định sẵn tự trời.

(7) Sĩ-hoạn 仕宦, là đường ra làm quan.

(8) Nước mùa thu trong cùng với da trời lồng bóng như một sắc.

(9) Tha-hương 他鄉, là nơi quê hương khác không phải chính chỗ làng mình.

3 — Cảnh Tây-hồ

Thuyền lan nhè-nhẹ, một con chèo đủng-đỉnh dạo hồ Tây. Sóng rập-rềnh sắc nước bóng mây, cảnh bát-ngát hay trêu người du-lãm [1]. *Yên thủy mang mang vô hạn cảm* 烟水茫茫無限感 [2], *ngư long tịch-tịch thục đồng tâm* 魚龍寂寂孰同心 [3]. Rượu lưng bầu mong mỏi khách tri-âm, xuân vắng-vẻ biết cùng ai ngâm họa? Gió hơi-hởi nức đưa mùi hương-xạ, nhác trông ra vách phấn đã đôi bài. Thơ ai họa lại một bài?

4 — Chinh-phụ

Hốt kiến mạch đầu dương-liễu sắc 忽見陌頭楊柳色 [4], *hối giao phu-tế mịch phong hầu.* 悔教夫壻覓封侯 [5]: Trống Tràng-thành giục-giã vó long-câu, người trong trướng kẻ chăn rừng thêm thắc-mắc. Một chén quan-hà [6] lên phố bắc, ba trùng sương tuyết chỉ non cao. Xếp bút-nghiên ra mặt lược-thao, đạp gai-góc phá tan miền yên-vụ [7]. Giận thân-thiếp chửa nên chinh-phụ, vì tình nên ngơ-ngẩn ngẩn-ngơ; quản bao tháng đợi năm chờ, tính ngày tháng những mong tin báo-tiệp. Tung kim chỉ hẹn ngày xưa không cải nghiệp, xếp kiếm cung theo việc Lý cha-nương; cơ con trống nhờ theo chàng!

5. — Trần-Đoàn

Vạc Chu hầu đổi, Trần Hi-Di ẩn núi Hoa-sơn; năm mươi năm trong cõi lầm-than, lửa vàn-vỗ chửa cạn lò đan luyện. Hà-vật lão-ẩu [8], nặng hai vì đôi chữ thái-bình, nhác trông vừng Tống nhật [9] khai-minh, mày quí-thế quấn từng nơi leo-lẻo. *Trần Kiều mộng lý giang sơn tiểu* 陳橋夢裏江山小 [10], *Vân quán xuân thâm nhật nguyệt trường* 雲館春深日月長 [11]. Rượu một bầu, thơ một túi, cờ một cuộc, cầm một trương, cơn đắc-ý gật đầu cười ha-hả; chốn thành-thị mặc ai xa-mã, *chi trần bất đáo thử giang-san,* 緇塵不到此江山 [12]; mới hay tiên lại gặp tiên!

6 — Tự-tình

Tình-nhân nan tái đắc, chót yêu hoa nên dan-díu với tình; mái tây-hiên nguyệt rãi chênh-chênh, run rẩy mấy xuân về oanh nhớ. *Phong lưu tài-tử đa xuân-tứ* 風流才子多春思 [13], *tràng hận Tiêu-tương nhất diệp thơ* 長恨瀟湘一葉(詩箋) [14]; nước sông Tương một dải nông lờ, cho kẻ đấy người đây mong-mỏi, bứt-rứt nhẽ trần đường nghìn nỗi, chữ trung-tình biết nói cùng ai, chót vì gắn bó một hai!

---

(1) Du-lãm 遊覽, nghĩa là chơi xem sơn thủy.

(2) Khói nước mơ màng cảm-tình không biết chừng nào.

(3) Cá rồng vắng-vẻ, biết lấy ai làm đồng-tâm.

(4) Nhác trông thấy bóng dương-liễu ở bên đường.

(5) Thì hối rằng trót xui chồng đi lập công-danh mong làm đến phong-hầu.

(6) Quan-hà 關河, là chỗ dặm đường tiền nhan xa cách sông núi.

(7) Yên-vụ 烟霧, nghĩa là khí mù, là trỏ nơi lam chướng giặc-giã.

(8) Nghĩa là bà mụ già nào.

(9) Là mặt trời nhà Tống, là trỏ vua Tống Thái-tổ.

(10) Là nói ông Trần-Đoàn ngủ một giấc ở Trần kiều, coi non sông cũng nhỏ như không.

(11) Là nói cảnh xuân ở chốn Vân-quán ngày tháng giài, đó là cảnh tiên.

(12) Nghĩa là bụi dơ không đến được núi non ấy.

(13 Là nói người tài-tử phong-lưu thì nhiều cái ý tứ xuân-tình.

(14 Nghĩa là một lá thơ thả dòng sông Tiêu tương để tả lòng ân-hận.

7. — Mối chung-tình

Ca-quản lâu-đài ai đó tá, hỏi tình tia ai đúc chuốt cho nên; bận vì tình nay bận vì duyên, tình duyên ấy bởi lâu dan-díu? *Thiên ký sinh nhân tình tiện hữu* 天既生人情便有, *tình trường tình đoản hựu tình chung* 情長情短又情鍾; mối tơ tình quấn quít biết hao xong, chi để khách đa mang thêm thắc-mắc. Mượn thử vẽ thơ tình một bức, mảnh gương tình muôn kiếp soi chung, nợ tình biết trả bao xong; duyên hội-ngộ bấy nhiêu năm trước, thợ trời toan thu-xếp thế nào đây; khách trâm-anh từng nhẹ bước thang mây, người phòng-các đã hồ tròn bóng nguyệt, mặt nhìn mặt biết chăng chẳng biết, tình gặp tình xuân lại thêm xuân; khi trà liên, khi rượu cúc, khi gió mát, khi trăng thanh, âu-sầu biết cùng ai xan-xẻ, chữ chung-tình là thế thế, mối tơ tình ai gỡ cho ra; yêu hoa nên phải tìm hoa!

8. — Nhớ người viễn-khách

Người viễn-khách xa-xôi biên-tỉnh vắng tri-âm trong dạ phàn-nàn, vẩn-vơ thay giấc mơ-màng, non nước xa khơi nhường phảng-phất. *Tương thân tương ái tri hà nhật* 相親相愛知何日, *Đa tứ đa tình tổn thiếu niên* 多思多情損少年. Khi sương sa, khi gió hắt, khi trăng xuyên, mối tình ấy biết cùng ai xan-xẻ? Sầu là thế mà tình duyên là thế, nợ chung-tình biết trả bao xong; dời người lắm lúc long-đong!

(Còn nữa)

BẢN-QUÁN sao-lục

蘭亭序

Diễn bài tựa Lan-đình

永和九年

Đương khi niên-hiệu Vĩnh-hòa,

歲在癸丑暮春之初

Năm là quí-sửu tháng là mộ-xuân.

會于會稽

Giủ nhau khắp mặt xa gần,

山陰之蘭亭修禊事也

Lan-đình tắm mát nhiều phần thảnh thơi.

羣賢畢至

Đồng-liêu đủ bốn mươi hai,

少長咸集

Có già có trẻ tới nơi vang lừng.

此地有崇山峻嶺茂林修竹

Có non có núi có rừng,

又有清流激湍映帶左右

Có giòng nước quấn ở chừng chung quanh.

引以爲流觴曲水列坐其次

Thuận giòng chén chú chén anh,

雖無絲竹管絃之盛

Dù không đàn sáo ca sinh cũng vừa.

而一觴一詠

Một chén rượu một bài thơ,

亦足以暢敘幽情

Bao nhiêu tình tình dường như tỏ bày.

是日也

Chén vui lại gặp hôm nay,

天朗氣清惠風和暢

Mây trong gió mát, hơi bay ngạt ngào.

仰觀宇宙之大

Xa trông đất rộng trời cao,

俯察品類之盛所以游目騁懷

Gần trông hoa cỏ cảnh nào chẳng vui.

足以極視聽之娛

Xem nghe thì thật là vui,

信可樂也

Biết rằng vui có lâu dài được chăng.

夫人之相與

Kia người ta bình thường cư-xử,

俯仰一世

Thì mỗi ngày tâm sự khác nhau.

或 取 諸 懷 抱
Có người trong bụng vô-cầu,
晤 言 一 室 之 內
Một nhà tụng đọc bao lâu cũng đành.
或 因 寄 所 托
Có người chơi muốn thích tình,
放 浪 形 骸 之 外
Miễn không câu-thúc hài-hình thì thôi.
雖 趣 舍 萬 途 各 殊 所 遇
Dù rằng không ai giống ai,
暫 得 於 己
Hễ khi thích chí thì vui những là.
快 然 自 足
Thú vui sung-sướng mặn-mà,
曾 不 知 老 之 將 至
Nào ai có biết cái già đến sau.
及 其 所 之 既 倦
Chơi bời khi đã giờ lâu,
情 隨 事 遷 感 慨 係 之 矣
Tình theo cảnh đổi, đeo sầu lắm thay.
向 之 所 欣
Trước vui chưa được mấy ngày,
俯 仰 之 間 已 爲 陳 迹
Mà trong chớp mắt đổi thay chẳng còn.
猶 不 能
Đó là sự nhỏ con con,
不 以 之 興 懷
Ngẫm cơ chuyển vận lòng còn lo âu.
況 短 修 隨 化
Huống người có số đoản tu,
終 期 於 盡
Trăm năm chỉ thấy cỏ khâu xanh gì.
古 人 云 死 生 大 矣
Tử sinh là sự bất-kỳ,
豈 不 痛 哉
Nghĩ đi nghĩ lại nghĩ thì càng đau.
每 覽 昔 人 興 感 之 由
Người xưa tính cuộc bể dâu,
若 合 一 契
Trong lòng đau đớn cũng hầu như ta.
未 嘗 不 臨 文 嗟 悼
Xen văn cũ lòng đà ta-điệu,
不 能 喻 之 於 懷
Tự-nhiên thương không hiểu làm sao.
固 知
Biết ai bày đặt những điều,
一 死 生 爲 虛 誕
Tử sinh thọ yểu, nói liều như nhau.
齊 彭 殤 爲 妄 作
Nỗi niềm nghĩ đến mà đau,
後 之 視 今 亦 猶 今 之 視 昔 悲 夫
Bây giờ nghĩ trước như sau nghĩ giờ.
故 列 敘 時 人
Kìa người kìa rượu kìa thơ,
錄 其 所 述
Bàng-khuâng vì cảnh ngẩn-ngơ vì tình.
世 殊 事 異 所 以 興 懷
Buồn trông áo trắng muống xanh,
其 致 一 也
Tình kia ai cũng như mình mà thôi.
後 之 覽 者
Ngậm ngùi tay thảo một bài,
亦 將 有 感 於 斯 文
Sau xem hẳn cũng có người đồng-tâm.

NGÔ HUY-LINH

Ký-lục Tòa-án Hải-phòng

DỊCH ĐƯỜNG-THI

I

歸 鄉

少 小 離 家 老 大 回
鄉 音 無 改 鬢 毛 催
兒 童 相 見 不 相 識
笑 問 客 從 何 處 來

Về làng

Khi đi trẻ lúc về già,
Tiếng làng vẫn thế tóc đà khác bao.
Trẻ con nhìn lạ không chào,
Hỏi rằng khách ở chốn nào lại chơi !

II

邊詞

誓掃匈奴不顧身
五千貂錦喪胡塵
可憐無定河邊骨
猶是春閨夢裏人

Lời ngoài biên-viễn

Thề mình quét giặc Hung-nô,
Năm nghìn áo gấm bụi Hồ tả-tơi.
Đống xương vô-định, thương ôi !
Hãy còn vơ-vẩn bóng người buồng xuân.

III

自嘆

不怨盧郎年紀大
不怨盧郎官職卑
只恨妾身生較晚
不及盧郎年少辰

Tự-thán

Trách chi chàng đã tuổi già,
Trách chi chàng cũng chưa là quan sang.
Chỉ thương thân thiếp lỡ-làng,
Chẳng sinh ra gặp lúc chàng còn thơ !

PHẠM HUY-KỲ

Thơ Trời

Trên chín từng mây chỉ có tao,
Bắc thang nào tới được tao nào!
Tao nghe tao nói nào ai biết,
Tao ở dung-dinh lọ phải đào.

Gia-hoài

Kìa cái đêm qua mới gọi đêm,
Mắt dương trong bóng ngủ không thèm,
Tình này ai tỏ cho ta nhỉ,
Tâm-sự năm canh một bóng đèn.

Đi đò gặp nhau

Chọn được tri-âm dễ mấy người,
Chuyến đò gặp gỡ thực người xui.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau nhé,
Mười ước sao cho vẹn cả mười.

Muốn vào Bồng-lai

Những là rầy ước lại mai ao,
Muốn tới thăm hoa chốn động-đào.
E thú nhà tiên còn lạ khách,
Chim xanh khôn tỏ lối ra vào.

Bỡn bạn bị kẻ trộm đánh

Lấy vợ không nên lấy vợ giầu,
Sợ khi cướp đánh vỡ đầu lâu.
Ay là số-phận thôi đành vậy,
Dẫu vỡ nhưng mà cũng chửa đau !

Tết ở Nam-định

Xuân từ ống ngọc mới phun ra,
Nô-nức mừng xuân hết trẻ già.
Bánh pháo xông nhà vui lễ tổ,
Cây nêu trồng cửa cốt trừ ma.
Thằng cha chú Mán ngồi xe một,
Con mẹ Lang-sâm thắng mớ ba.
Tết thế ai không vui tết nhỉ,
Nghe thằng hóa-sắc chúc đêm qua.

Đón xuân

Ai ra ngõ cửa đón xuân vào,
Kẻo để xuân chờ mãi mãi nào.
Bõ lúc năm chờ cùng tháng đợi,
Thỏa lòng rầy ước lại mai ao.
Cười cười nói nói buông mành liễu,
Tỉnh tỉnh say say chuốc chén đào.
Gặp được ngày xuân xuân cũng thủ,
Còn ta xuân ấy hẳn còn nhiều.

Tiếc xuân

Hớn-hở lòng xuân kể xiết bao,
Tiếc xuân nào đã thấy ai nào.
Bốn mùa ba tháng này hơn cả,
Một khắc ngàn vàng ấy được nao.

Cố áo mua say ai lại thế,
Nghiêng khuông nhặt quả gái buồn sao.
Gió đông là giấc chiêm-bao đấy,
Tạm thưởng xin đừng để phí phao.

Mộng xuân.

Thử tính đời người được mấy gang,
Mong xuân một khắc đáng ngàn vàng
Mơ màng Trang-tử hồn hồ-điệp,
Say tỉnh Dương-phi giấc hải-đường.
Phú-quí trải bao cơn chớp mắt,
Phong-lưu được mấy quãng đêm trường.
Thế-gian lắm kẻ dư tiền bạc,
Ta đố mua sao được một chàng.

Vũ Tích-Cống (Sơn-tây)

Hữu-hoài (ở Phú-thọ)

Đêm thanh hóng mát một mình ta,
Nửa mảnh trăng non chiếu bóng tà.
Nhớ bạn hỏi trăng trăng nín lặng,
Đưa tin mượn gió gió bay qua.
Chè sen rắm cánh pha còn mãi,
Thơ túi vài câu rách vẫn ra.
Lũ trẻ chạy ra cười khúc-khích,
Gọi về kẻo nữa lại sương sa.

Tặng ông phủ Lâm-Thao người nghệ

Làm quan như thế mới nên danh,
Xe ngựa nghênh ngang dạo khắp thành.
Thần thế tiếng đồn ai chẳng nể,
Bác người tỉnh Nghệ tớ người Thanh.

Hỏi thăm ông Thông-Phán tỉnh Hải-dương

Độ này quan bác mạnh hay không,
Bác tựa toà sen đã mấy đông?
Bác ở tôi đi tôi vẫn nhớ,
Kẻ rừng người bể bác từng mong.
Chuyện đời của bác cười hay mếu,
Nghĩ bạn như ai rỉnh lại long,
Đất rộng trời cao tôi với bác,
Tha-hồ gió mát với trăng trong.

Thơ nhờ chữa văn nôm

Nôm tôi tục lắm hỡi ông ơi,
Có thuốc gì hay chữa hộ tôi.
Chữa khỏi xin dâng răm bộ sách,
Sách thì rặt những chữ nôm thôi.

Bài hát năm 40 tuổi

Miễu

Ai ơi thức giậy mà xem,
Kìa, gương kim-cổ làm đèn của ta!
Cớ sao ngủ mãi thế mà,
Để trăng soi giữa vườn hoa một mình!

Hành niên tứ thập, bước hoạn-trình vinh nhục nhục vinh, đem gương kia mà soi khắp nhân-tình, kẻ đáng trọng người đáng khinh thì cũng hiếm, chỉ *thử cổ kim kim cổ niệm, toàn bằng vô hữu hữu vô tâm*, trong bụi hồng nào mấy mặt tri-âm, để kỳ tửu ca ngâm cho giải trí, thế mới biết có hanh có bĩ, cớ chi mà năn-nỉ chuyện chiêm-bao ; kìa kìa một trận mưa rào !

Ngẫu-hứng ở Kiến-an

Kiến-an một bước nhẹ thênh thênh,
Gió mát trăng trong ấy bạn lành,
Chuông núi Thiên-văn ngày điểm khắc,
Trống tòa Vô-duyến tối cầm canh.
Đầy vơi ba chén say rồi tỉnh,
Xướng họa răm câu hứng lại kềnh.
Lơ-lửng thuyền tình trên bến Chảy,
Kìa ai khéo lựa ngón đàn tranh.

Thơ tặng ông Từ-Sơn sang chơi Kiến-an

Biết nhau mới tự Kiến-an này,
Duyên nợ chi mà gặp gỡ đây,
Lên núi Thiên-văn xem mặt bể,
Vào chùa Qui-tức đạp thang mây.
Kẻ mừng bạn cũ pha chè bắc,
Người cảm tình xưa mở rượu tây.
Chủ khách ngất ngơ ngồi đến sáng,
Chuyện trò say tỉnh nghĩ mà hay.

13. — Làm việc ở Phú-thọ

Phú-thọ trời cho mới được lên,
Công-danh bay nhảy nhẹ như tên.
Ra công sửa miếu vua Hùng trước,
Lập hội khai trường nữ-học liền.
Rượu lúc dở giang rượu mới thánh,
Thơ khi nhàn hạ thơ là tiên.

Mới hay hạt giống văn-minh thế,
Chịu khó gây trồng ắt cũng nên.

Tặng quan Tuần-phủ Chế ở Phú-thọ

(Câu đối)

Mạch đất vốn từ xưa, có đức có tài thêm có lượng ;
Tinh trời nguyên đã định, không kiêu không lận cũng không tham.

Tặng ông bạn là chủ ti rượu (còn song - thân)

(Câu đối)

Gió mát trăng thanh trong cuộc rượu ;
Thung cười huyên nở một nhà xuân.

Tống-sơn Vĩ Đình-Khôi

Mùa thu tiễn bạn

Anh đi vào Lộc-ninh [1],
Tôi ở lại Hà-thành.
Nam Bắc tuy đôi ngả,
Cũng vẫn đất nước mình.
Gió vàng rụng sấu chín [2],
Mây bạc ám trời xanh.
Tiễn anh lòng bối-rối,
Vấn-vít biết bao tình,
Xa nhau nhớ nhau thật,
Xin hãy gượng mần thinh.
Nước non lời gắn bó,
Lòng đỏ tạc rành-rành.
Đá mòn sông dẫu cạn,
Chí lớn quyết đinh-ninh.
Trượng-phu trọng sự-nghiệp,
Ly-biệt nên xem khinh.

Tiễn người đi xa

(Lời người lầu hồng)

Bén tiếng quen hơi mới một ngày,
Men tình vừa nhắp đã nên say.
Lộc-ninh chi vội tìm nơi khác,
Hà-nội sao đành dễ bận đây?
Mệnh bạc những e lời gắn bó,
Lầu hồng riêng tủi phận thơ ngây!
Tiễn mình nước mắt em dàn dụa,
Nhớ bạn càng thêm ngán kiếp này!

Mùa thu cảm-biệt

Thấp-thoáng thoi đưa thu đó rồi,
Cảnh thu buồn lắm, chị em ơi!
Trời mây vụ ám đen mầu mực,
Đất cỏ sương dầm trắng sắc vôi.
Gió lạnh thương đàn con yến sợ,
Trăng mờ cười lũ trẻ con vui.
Đau lòng tráng-sĩ sầu ly-biệt,
Chiếc lá vàng bay giọt lụy rơi.

Vịnh vợ chồng Ngâu

Tan hợp sông Ngân mấy dịp cầu,
Nực cười nông nỗi vợ chồng Ngâu.
Thỏa lòng ả Chức chừng bao nả,
Cách mặt chàng Ngâu đã mấy lâu.
Thất-tịch nguyên xưa mong mỏi tháng,
Tam-sinh ước cũ hẹn hò nhau.
Đồng-hồ thánh-thót canh tàn giục,
Hai ngả Đông Tây giọt lệ sầu.

Hội-nhàn

ĐỀ TRUYỆN CÁC HIỀN-NHÂN DANH-SĨ NƯỚC PHÁP

I

Ông Lư-thoa

Ông Lư-thoa (Jean Jacques Rousseau) là một nhà học-sĩ nước Pháp ra luật Dân-ước (*Contrat Social*), mở cho cuộc chánh-trị của thế-giới một trời đất mới, mà dân-quyền là tự ông xướng-khởi ra vậy. Lúc ông chết rồi người

---

(1) Lộc-ninh ở về tỉnh Thủ dầu-một trong Lục-tỉnh.

(2) Đường Hà-nội hai bên phần nhiều trồng cây sấu, đến tháng bảy quả chín gió thổi rụng đầy đất.

sau nhờ ơn trước-thuật của ông đúc lên tượng đồng để kỷ-niệm, nhưng khi còn sống thời bị người đương-thời bài-sích, gặp khốn-khổ điên-liên, sau đến phát bệnh thần-kinh mà chết. Than ôi! thực là chữ tài liền với chữ tai một vần!

1

Xem chuyện Lư-thoa những ngậm ngùi,
Thương ai lưu-lạc bốn phương trời.
Sống thời chẳng gặp người tri-kỷ,
Lúc tượng đồng tô đã chết rồi!

2

Hai chữ « dân-quyền » ai xướng ra,
Ấy nhà triết-học Pháp Lư-thoa.
Một pho *Dân-ước* ngàn thu để,
Nhân-loại nhờ ông sáng-suốt ra.

II

Ông Địch-tạp-nhi

Ông Địch-tạp-nhi (Descartes) là một ông tổ triết-học nước Pháp, 15 tuổi đã có chí theo học-vấn. Sau đúng tuổi ông quyết-chí du-lịch, vì ông muốn biết người đời việc đời nên phải lăn-lộn cùng thiên-hạ. Sau trận vây thành Lộc-sơn (Rochelle) ông thôi đi lính về đi nhân-du thiên-hạ. Bọn văn-nhân đời bấy giờ thấy ông ra sách thời đeo bụng xấu-xa, ố-nhân thắng-kỷ, không muốn cho ông được toại-chí bình-sinh, đèm chê kiếm cách hại, ông phải trốn lánh sang Hòa-lan (Hollande), ở đó hai mươi sáu năm làm được nhiều sách vở lắm. Năm 1649 bà hoàng-hậu Thụy-điển nghe đại-danh của ông mà đi đón ông hai ba phen, ông mới về Thụy-điển (Suède), bởi phong-thổ lạnh-lẽo ông không chịu được phải bị bệnh vài tháng thời mất ở đấy.

1

Ông Địch làng văn chúng ghét hoài,
Mà tài triết-học nhất trong đời.
Ghen tuông gớm mặt phường ti-tiểu,
Hễ thấy người hơn chực hại người.

2

Đã ưa sáng-khởi lại hoài-nghi,
Học-tổ muôn đời Địch-tạp-*nhi*.
Phương-Pháp-luận khuyên người tự-tín,
Từ ông học-giới tỉnh hồn mê.

III

Ông Môn-Lê

Ông Môn-Lê (Molière) thật tên là Bô-kỷ-linh (Poquelin), sinh tại thành Ba-lê (Paris) năm 1622, cũng giống như ông Cổ-nại-lý (Corneille) quyết học đi làm quan tòa, thấy kiện. Song đến 23 tuổi mê việc hát xướng, tụ-tập những người niên-thiếu bỏ kinh-thành đi lập một bọn hát giong, mới cải tên làm Môn-Lê. Bằng đầu còn dễu cợt phong-tục đương-thời, sau rồi đem tư-tưởng mà diễn ra kịch-khúc. Đến thanh Lô-an (Rouen) mới gặp dịp tốt, năm 1658 trở về Ba-lê vào hát ngự. Trong bản kịch « Bác-học phụ-nhân » (*Les femmes savantes*) cười chê mấy chị làm bộ yểu-điệu mất vẻ tự-nhiên; trong bản-kịch « Hư-không bệnh » (*Le malade imaginaire*) cười chê *kẻ giả* đau ốm, chỉ lo uống thuốc bồ quanh năm; bản kịch « Biển-lận » (*L'avare*) cười chê những bác keo; bản kịch « Giả-đạo-đức » (*Tartufe*) cười chê kẻ giả-giạng tu-hành để gạt người; bản « Trưởng-giả học làm sang » (*Le bourgeois gentilhomme*) cười chê những kẻ không biết phận mình; bản « Người chán đời » (*Le misanthrope*) khen điều thiện khuyên người đời. Ông hay thi ân bố đức, kẻ nghèo rất được nhờ. Làm vui cho thiên-hạ mà mình chẳng bao giờ vui. Vua Lô-dịch thập-tứ (Louis xiv) hỏi ông Boileau ai văn-chương tuyệt-thế thời ông Boileau đáp rằng: « Ông Môn-Lê là danh-sĩ nhất đời » Thế mà những kẻ ghen tài ghét ông bới móc chê bai đủ thứ.

Nghĩ đến Môn-Lê bậc đại-tài,
Văn-chương diễn-kịch nhất trong đời.
Ghét ghen, ôi ! thói con người tục,
Bởi vết tìm lông cũng nực cười.

THỊNH-CHÂU

Thư thăm chồng phải tội phát-vãng Cao-bằng

(Hát rôi)

Sực nhớ nỗi sương hồ trăng ải, tiện gió đông mà gửi lại giọng nỉ-non [1] ; Cao-bằng cách-trở nước non, này xa mẹ, nọ xa con bao xiết nỗi !

Nhớ thì nhớ chân cò khôn lặn lội, những khóc thầm mong mỏi cảnh « vườn Cam » [2]. Thương ơi ! nông nỗi ai làm, để nhật-nhất thu-tam đà nặng gánh !

Ai ngọt bùi, ai đèn sách, não-nùng thay con trẻ mẹ già ! Một thân công việc cửa nhà, tơ chín khúc biết bao là bối rối !

Lòng thành lậy Đức-bà [3] nghìn đội, đội ơn ngài rửa tội sạch làng-làng, cùng nhau kể nỗi Cao-bằng ; niềm tâm-sự thấu chăng chang tá ?

Rầy gặp tiết hoa đào đổi lá, mượn chân hồng dạ cá nhắn tin sương.

Quản tâm thiếp ý đoản trường !

Liễu-viên ĐƯỜNG MẠNH-HUY

CÂU ĐỐI

Khách giang-hồ làm nhà nơi khách-địa

Đâu chẳng là nhà, phú-quí lại gây nền phú-quí ;

Trời nào đóng cửa, phong-lưu còn lắm bước phong-lưu.

Thờ tổ

Cửa nghĩa, nền nhân, chữ công-đức, tạc bia đời, kiếp, cũ ;

Con hiền, cháu thảo, khuôn hiếu-từ, theo lối nước, non, nhà.

Khách giang-hồ thờ cha mẹ

Tiếng cả, cửa nhà thanh, tết nhất gọi là theo cổ-tục ;

Con đâu cha mẹ đấy, tảo-tần xin tạm chốn tha-hương.

Thờ đức Hùng-vương

Mười tám đời tròn, vua đất nước ;
Bốn ngàn năm lẻ, tổ non sông.

Thờ Phật

Bể khổ, bến mê, thuyền tế-độ.
Hoa đàm, đuốc tuệ, cửa từ-bi.

Thờ Thánh-sư

Giữ lễ lòng thường rồi biết khó.
Không thầy ai dễ dã làm nên.

Thờ Thổ-công

Phụng mạng giữ giàng quyền chủ-tể ;
Thay trời soi xét cõi trần-gian.

Thờ Thổ-thần

Nước-non một cõi quyền coi giữ ;
Hương-lửa ngàn năm miếu phụng thờ.

Rán cổng

Xây rộng cho vừa chân ngựa Hán ;
Mở tung chẳng mắc tiếng gà Tần.

Rán cửa chùa

Kẻ đến dâng hoa xin cứu-khổ ;
Người vào lễ Phật niệm nam-vô.

Rán nhà thương

Sẵn có thuốc tiên rắn bệnh quỷ ;
Quyết đem óc trí chữa người ngu.

---

(1) Nỉ-non — nước non — chân cò — kể nỗi Cao bằng = câu tiễn chồng trẩy Cao-bằng rằng : « Con cò lặn lội bờ sông, gánh gạo đưa chồng nước mắt nỉ non. Nàng ơi trở lại nuôi con, để anh đi trẩy nước non Cao-bằng ; ở nhà có nhớ anh chăng, để anh kể nỗi Cao bằng cho nghe . . » — (2) Cao-bằng có phố « Vườn Cam ». — (3) Nhà ấy theo Gia-tô-giáo.

Rán nhà trạm

Tin nhạn vắn, lá thơ bài, nỗi chìm đâu dám ;
Của riêng tây, đồ tế-nhuyễn, kín hở mặc ai.

Rán giạp hát

I

Giang-sơn muốn dặm răm gian rạp,
Sự-tích ngàn năm, một bản trò.

II

Dọng hát khởi-bài trò cổ-tích,
Ngón trầu đài-các trống tân-văn.

Vũ Tiêu-Cốc (Sơn-tây)

Cung-kỳ « Hưng-quốc khánh-niệm-tiết »

I

Này tết mồng hai tết kỷ-công,
Là ngày Hưng-quốc đức Gia-long.
Ngôi trời nhất-thống trăm năm trước,
Giải đất tam-kỳ một hội chung.
Pháp-Việt tình xưa càng gắn-bó,
Đế-vương nghiệp lớn khéo vun trồng.
Non sông từ đó riêng đinh-đàm,
Mở mặt năm châu giống Lạc-Hồng.

II

Tập Kiều

Bình-thành công-đức bấy lâu,
Ân sâu mong trả nghĩa sâu cho vừa.
Một tay gây dựng cơ-đồ,
Dánh quen trăm trận sức dư muôn người,
Năm mây bỗng thấy chiếu trời,
Cỗi nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Tấm son gột-rửa bao giờ cho phai !
Còn non, còn nước, còn dài !

Cử-nhân Nguyễn Hữu-Xướng (Thái-bình)

Bài ca anh du em

À ới a ! à ới a !

Em nằm anh bảo em nha :
Từ ngày bác mẹ sinh ra,
Trên nâng dưới nhấc như hoa trên cành.
Mong em cho đến trưởng-thành,
Vườn xuân hoa nở liền cành cũng vui.
Dạy em dạy nói dạy cười,
Dạy bề trung-hiếu dạy lời chính công.

Bồng bống bòng ! bồng bống bòng !

Mai mẹ đi chợ mua rồng,
Mua vải mua ngựa hợp cùng bút nghiên.
Thơ thần rượu thánh cờ tiên,
Cầm kỳ cung tiễn phỉ nguyền em chơi.

À ới ơi ! à ới ơi !

Sinh đời có lẽ chịu đời hay sao ?
Kia người trượng gấm nọ kẻ áo bào,
Mỗi sinh thì cũng khác nào như em.
Anh-hùng thử tới mà xem,
Muốn xem muông hổ phải tìm tới hang.

Tình tình tang ! tình tình tàng !

Anh em cũng muốn vẻ vang hậu hồi,
Đến khi biết đứng biết ngồi,
Tôi xin trời giúp em tôi ngày rầy.
Nghĩa-phương quyển sách em này,
Dạy em nốn lưỡi nắn tay dần-dần.
Học câu « nhật nhật tinh-tiến ».
Mai sau nên đấng văn-nhân khó gì
Kia ngũ-lão nọ bát-tiên, [công
Quyết đua cùng hội cùng thuyền nên

Bồng bống bòng ! bồng bống bòng !

Mai sau gặp hội mây rồng, [trời !
Em vinh anh cũng dậm trong hương

Bạch Tuyết-Lê
Giáo-học Thất-Khê *sao-lục*

VĂN XUÔI

Kỳ núi Dục-thúy

Trên còn tường thành, dưới có chùa non, sông Vân sông Gián lượn quanh, núi Hạc núi Diều chầu lại : núi Dục-thúy là một nơi thắng-cảnh tỉnh Ninh-bình, tục gọi là « Non nước » ; đời

Thiệu-trị đổi gọi là Hộ-thành-sơn. Núi bao nhiêu tuổi, mừng gặp chủ đã lắm, từng thay chủ đã nhiều, mà từng đợi chủ cũng chẳng ít. Cây cối rườm-rà, khói nhang nghi-ngút, cổ kim đề vịnh biết bao !

Trải bấy nay non nước coi có phần kém vẻ. Đâu là tháp cũ ? đâu là bàn cầu ? đâu là kim-cúc ? Non nước hình riêng cho năm ba kẻ đồng cốt vãng lai !

Lại gần đây, cuộc đời biến đổi, tinh dân dối lụt, qua chơi đã vắng, tô-điểm là ai ?

Cảnh nào cảnh chẳng deo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ !

Than ôi ! non nước có thiêng cũng nên tràn lệ.

Khách thường chơi non Thúy, phần yêu bề thanh-tú, phần ngán nỗi tang-thương. Giờ có ông Tế Cúc-nhàn Tuần-phủ tỉnh, chạnh niềm hoài-cổ, muốn non nước thêm xinh ; bỏ của nhà ra sửa-sang, đem quyền trên ra chỉnh-đốn. Không những sửa-sang chỉnh-đốn lại những cái trước có mà giờ không, những cái xưa còn mà nay mất ; lại sửa nhà mang bia ngự vào, lòng tôn-quân là bao, thêm nhà cho kẻ dưới ngụ, bụng ái-chủng nhường nào ; trồng trúc Nho-quan biết là phong-lưu quân-tử, trồng thông Bắc-giang biết là tiết-tháo trượng-phu ; sửa đá ngồi, thêm đề-vịnh, sánh được với bàn cầu xưa. Công việc ông Cúc-nhàn đáng một vị phương-diện không thẹn cùng non nước. Danh-sơn giờ cũng không đến nỗi than không gặp bạn danh-nhơn.

Trước ông Cúc-nhàn từng đã Án-sát đây, cùng núi Thúy có duyên cũ. Người có duyên với núi, núi có duyên với người. Nếu không thời đương buổi giao-thiệp quan trên trông xuống, người ta trông vào, hơi đâu tự mình mất công tốn của, chắc gì không người bới vết tìm lòng ?

Ôi ! ông Cúc-nhàn hết lòng với núi thế, theo cách cũ thời là nhàn-giả, theo lối mới ấy là văn-minh. Khách thấy vậy mà khen ông Cúc-nhàn, lại mừng cho « Non nước ». Khen khen mừng mừng, mình lại tự nói một mình rằng : « Có non nước tất có lúc thịnh-suy, có thịnh-suy tất có người tô-điểm, lẽ rất tự-nhiên.

Từ trước danh-sơn nhàn chẳng được,
Nửa về danh-sĩ nửa anh-hùng. (1)

Song, sau ông Trương Hán-Siêu trồng cúc có ông Tế Cúc-nhàn, không biết họa lại khi bia tàn cây cỗi, kế ông Tế Cúc-nhàn trồng cúc thời lại ai ? »

Nhân lại đề vịnh mấy câu sau này :

I

Nước biếc rêu xanh lẫn cỏ vàng,
Trơ-trơ trải mấy cuộc tang-thương ?
Cùng Điêu Học sẵn mầu thanh-tú,
Đem cúc-tùng thêm vẻ diễm-trang.
Tháp báu đài cầu nào cổ-tích ?
Miếu có điện thành chỉ tàn hương !
Nước non còn có người non nước,
Hai chữ từ xưa một họ Trương.

II

Một góc trời xanh ngắt,
Dòi giòng nước chảy tràn.
Rủ nhau lên núi Thúy,
Núi Thúy chênh bên đường.
Mấy lớp cây tươi tốt,
Nghìn năm móng vững-vàng.
Chạm đầu thông mới mọc,
Chen cánh cúc chưa vàng.
Phía tỉnh Điêu bay tới,

(1) Dịch ở hai câu thơ :

古名山開不得
半歸名士半英雄

Trên cầu Hạc lượn sang.
Trơ trơ thành chốc đá,
Nghi-ngút miếu trong hang.
Tên đồi còn bịa thánh,
Thơ đề có cụ Trương,
Khen ai tô-điểm lại,
Tô-điểm lại thêm càng...

ĐẠM-TRAI

Mấy câu nói nhỏ cùng khách chán đời

Ngày nay xem ra lắm người chán đời, tưởng cũng là một cái hại. Năm sáu bầy mươi chán đã đành rồi, đời ba mươi cũng đã học lấy cái chán; coi chán đời như một khoa tôn-giáo mới, lấy văn-chương mà cổ-động cho nhau theo.

Nghĩ cũng kỳ, chưa biết đời là gì mà đã chán thì chẳng khác nào đứa bé kia thấy người ta nói: « Chán như cơm nếp » thì yên-trí ngay cơm nếp là chán, thường từ khi lọt lòng ra chưa biết hình vị cơm nếp ra làm sao; cũng chẳng khác nào người nhà quê kia mới đến đầu cửa-ô chốn kinh-thành, thấy cát bụi bay lầm, hai bên đường có vật ô-uế, thì tưởng ngay trong kinh-thành cũng toàn thế cả, có biết đâu trong kinh-thành có nhiều chỗ dơ thật, nhưng cũng lắm nơi hay.

Muốn chán hay yêu đời phải hiểu, muốn hiểu phải trải, muốn trải phải ở đời, mà tưởng cách ở đời không qua hai lối: thượng-sách là không đúng gì với nhân-tình thế-thái mà vẫn có ích cho đời, để khỏi phụ lòng hóa-công đặt mình ra cõi thế. Như những bực đại-hiền-triết, đại-học-vấn tuy ở chốn rừng xanh nơi buồng tối mà tư-tưởng lan khắp mọi nơi. Đem tấm thân u-ẩn ấy mà toàn hiến cho nhân-quần xã-hội. Nếu ta đã dúng với đời thì phải theo, phải chịu một luật như mọi người, phải mặc lấy cái áo đời cũng vì như người đóng trò tuồng vậy, hoặc làm quan làm dân, hoặc ra hề đóng tướng; có lẽ được tiếng vỗ tay, có lẽ phải tiếng huýt còi, vinh-hiển phong-trần tuỳ mình nhiều phen thay đổi. Nhưng chỉ cốt rằng khi hạ màn cởi áo còn giữ được cái tư-cách con người.

Khi ta nói chán đời là chán cái đời riêng của ta đó thôi, không có thể chán đời của xã-hội được, vì đời không phải toàn dở mà chán, mà cũng không phải toàn hay mà ưa; chua, cay, ngọt, bùi đều có cả, không hỗn-độn không phải là đời, cái cân tạo-hóa không bao giờ đổ về một phía. Vậy khi ta vui ta buồn, không thể bảo người cùng vui cùng buồn như ta được. Vả ta xem những người nghiện rượu, rượu có nồng mới thích; những người hay dấm, ớt, dấm có chua ớt có cay mới thỏa. Cho nên mùi đời cay đắng đối với những bực mới lũng-chũng trên thế-lộ thì đã nồng nàn lắm rồi, nhưng đối với những tay đã dạn mặt phong-trần thì chẳng lấy gì làm ngại, không ngại mà có khi lại ưa, ưa vì đã được trải.

Phàm những bậc ấy thường hay buồn sầu thương sót cho đời mà không nỡ chán; vì nếu chán ắt không tưởng, không tưởng thành vô-tình, vô-tình với đời là vô-tình với nhà với nước.

Xin hỏi khách chán đời vì sao *mà* chán? chắc hẳn cho là cái bể-khổ, toàn thấy những nỗi bất-bình, điều vô-công-lý; thấy cái phồn-hoa dả-hình, cái văn-minh điên đảo, thấy cái cường-quyền áp-chế, cái vị-kỷ khốc-hại, cùng thấy những điều lý trọng hơn tình. Vâng, nếu đời có thật như vậy tưởng cũng không nên chán. Vì, nếu đời mà toàn tốt cả thì có ta hay cũng bằng thừa; nếu đời toàn dở cả thì ta hay lại cần phải ở đời. Đức Phu-tử gặp thời loạn mà mấy phen tìm ra làm quan là giữ cái chủ-nghĩa giúp đời mà thôi.

Ta thử nghĩ xem khi ta ở nhà nào quen người nào sắp bại-hoại về luân-thường hoặc tài-hóa, có lẽ đâu ta chỉ dòm qua rồi thở dài mà đi thẳng. Nếu ta là người đa-cảm chắc hẳn phải tỏ lòng thương yêu hơn, tài cao thì giúp nhiều, tài mọn thì giúp ít cho khỏi quay vào trong vòng lợi-kỷ chủ-nghĩa và bội-bạc nhân-tình là những sự rất chê lắm.

Ai ơi, ba vạn sáu nghìn ngày là mấy, dù không vui cũng gượng lấy mà vui, đưa gan mà chọi với đời !

HOÀNG NGỌC-PHÁCH

Học-sinh trường Cao-đẳng Hà-nội.

Đêm tháng sáu chơi hồ Hoàn-gươm

Ngày là hăm bảy, tháng cuối mùa hè, vừa xong mấy trận mưa to, mát được vài hôm mà khí nóng-nực vẫn còn như đốt. Khiến cho người mồ-hôi tầm-tã thấm áo lót mình như là bị nước dội vào ; tay không thể rời được bác bạn vô-tình là chàng quạt cậy, phải mong ỷ-lại mà nhờ chút mát « làm ra » không phải « trời cho ». Cũng muốn ngồi đối cụ thần-đăng tỏ-rạng để hầu chuyện các bậc hiền-triết cổ-kim trong thế-gian này, mà không sao như-ý được ! Nằm trên chiếu trúc không yên, lại trở giậy ra bao-lơn gác đứng, nhìn hai rạng sấu đôi bên đường cây nào cây ấy chẳng thấy chiếc lá lung-lay ; thấy vô-số những người hoặc đem chõng, hoặc đem ghế mây, hoặc đem chiếu mà nằm ngổn-ngang ở sân gác và hè gạch lát, cùng nhau chờ đợi chú phong-nhi ! Chao ôi ! là bức ! — Chợt đã thấy chuông nhà thờ chánh Hà-nội đổ dồn một lúc thật mau, vội bước vào nhìn lên chiếc đồng-hồ vách thấy kim đã chỉ mười hai điểm. Toan đi ngủ, ông bạn láng giềng lại gọi dủ đi tìm mát ở hồ Hoàn-gươm, vội-vàng theo mạnh.

Sỏ chân vào guốc, bước xuống dưới lầu, đi ra ngoài cửa dắt tay nhau lững-thững quanh hồ.

Đường phố đã yên không thấy ầm-ầm như lúc chập-tối, ngồi ở cái ghế công, ngoảnh lưng ra phố hàng Khay mà ngắm cảnh hồ, hai người cùng im chẳng nói để lắng tai nghe. Thời tiếng dun tiếng dế trong bãi cỏ, tiếng sát-sành nắc-nẻ trong bụi cây, mà trên cành cao lại thánh-thót tiếng con chim cú ; lác-đác tiếng xe tay trên đường đưa đến ; lại tiếng chuông xe xong-mã ai *loong-coong* cùng tiếng chân ngựa chạy lốp-cốp, với tiếng ô-tô ù-ù kèn bóp te-te ; song chốc lát lại tĩnh, chỉ còn dế kêu, dun rúc, sát-sành nắc-nẻ vỗ cánh dập chân, con cú nọ rên-rỉ gườm-ghiếc ! Xa xa văng-vẳng tiếng chó cắn bốn bề, tiếng gà gáy nửa đêm ; thỉnh-thoảng lại dật mình vì tiếng người kêu ông « cầm » : cậu xe bị quỵt, cô đĩ mắc lừa, du-côn say rượu, thầy quyền giở trăng, đánh « oái » lên, rồi lại thấy thôi ngay ! Rồi tiếng đàn bầu, đàn nguyệt đằng sau lưng, tiếng reo hát cười-cợt xen tiếng lóc-nhóc chuyển-động của những chiếc xe cao-xu, mà các ông lính tây ở các « ô-ten » đi về trong trại. Lời văng tục của kẻ hạ-đẳng đi khuya, tiếng chửi nhau của phường kiếm ăn đêm tối, tiếng lũ phu-thùng, tiếng xe chở uế. Ôi ! phồn-tạp thay ! mà hữu-tình thay ! Cái âm-nhạc, điệu ca-từ của hóa-công và trần-thế, khiến cho khách chơi đêm cùng nhau như giại, như ngây, như sầu, như cảm ; nghe nửa giờ mới bảo nhau trông về phía hữu mà tiếng ầm-ầm máy chạy đàng kia, thời chỗ đó là nhà máy đèn, khói bay nghi-ngút trắng như mây thẳng một hàng là-là dèo-dẹo đi ngang mà lên đến chốn da trời, nhưng mây thời u-ám đen-kịt không còn trông thấy một vì sao nào nữa,

nhìn cái vô-cực mênh-mông chẳng còn phân-biệt được kia, hình như cái vung úp người ta, dốt kỹ vào trong khoảnh đất này, nghĩ mà đợn tóc không dám ngẩm lâu, bèn nhìn xuống dưới. Để mắt về phía núi Bút-tháp, cửa Nghiễn-đài thời chỉ thấy lù-lù đen trông như cái đống, mà cầu Thê-húc cũng không tỏ chút nào ; cố nhận ra mới biết chốn đền Ngọc-sơn thời mượng-tưởng như một cái đỉnh của dân nào ngày lụt ở ruộng đầu làng ; mà cái tháp Bảo-thiên ở giữa hồ thời chẳng khác cái miếu trên nấm đất cao giữa cánh đồng chiêm. Mặt nước thời long-lanh sóng gợn coi như những cái vẩy con rồng ngày hội Chánh-trung, thỉnh-thoảng có con cá quẫy cùng lớp còn to ; sen thì ở bên kia, phía này không có, muốn ngửi hương mà chẳng được vừa lòng! Quanh bờ thời bóng cây in xuống nước, đen như người vẽ mực trên tờ giấy xanh, hãy còn chấm phá chưa rõ cành lá chi chi ; xen những ánh đèn điện deo xuống hình như là người vẽ rắc kim-nhũ lên bức tranh, càng nhìn ra lại càng thấy đẹp ; cũng có góc xa nhìn như là những ánh lửa trong bếp thuyền chài ngày nước lên ở xứ đồng chiêm họ thổi cơm nấu nước trên nhà bè mà sáng lồng xuống ruộng ; khiến riêng tôi cảm nhớ đến quê nhà. Các gốc cây cái rõ cái không, các bụi nhỏ cái tường cái ám, những cây lả thân dủ ngọn xuống hồ, nhìn được cây nào thời thấy như khí-tượng ông già còng lưng, lại có như khí-tượng cái cầu bắc bằng tre bôi sà-phòng cho kẻ ra lấy lá cờ ở ngọn không ngã thời vào là được mấy su, hội hè thường có. Những cái cây gần chỗ ngồi thời trơ trơ chẳng động, ánh đèn ngoài chiếu trông tỏ những cây yếu-ớt thân bằng giây phải bám leo vào cây cứng mạnh, nghĩ mà tủi cho kẻ nghèo hèn nương-tựa vào người giầu sang, không thế thời không sao được ; lại thương cho thân-phận lạc-loài, dầu sao cũng ở tay người biết sao, của chị Thúy Kiều xưa !

Quá mắt ra ngoài vũng hồ, thời nhà cửa lô-xô, lâu-đài ngan-ngát, giây chằng như mắc cửi, cột dựng như cắm chông, chỗ sáng vặc như giữa trưa, chỗ sáng hưng như trăng chiếu ; sinh thay ! vật-chất dã văn-minh, thật là hoa thêu gấm rệt, ngọc dát vàng pha, người lạc-thế trông vui con mắt thật.

Chờ đợi gió mà không được gió, nghe xong rồi, ngắm cũng vừa xong, hai người mới cùng nhau đứng giậy, thời tiếng chuông nhà thờ đã đổ một giờ khuya, mới bảo nhau cùng đi dạo một vòng quanh hồ rồi ta về ngủ. Này đây cái máy nước chỗ bán hoa, mà kia phố Paul-Bert hiệu L. C. I. cùng quán rượu tây, đấy là nhà Giây-thép, đây là tháp Bảo-ân, Bảo-nam, ở vườn hoa tượng Paul-Bert, đến toà Đốc-lý, qua sở máy đèn, ở bên bờ hồ đây là cửa vào đền Ngọc, bên nhà chớp bóng kia là chùa bà Kiệu, và lối ra bờ Sông cái Nhị-Hà ; đến ga Tầu Điện kia là đường lên Hàng Đào, Hàng Ngang : ôi ! đến chỗ kia là chỗ chi chi, mà trai đôi gái cặp cùng nhau chơ-chẽn ra vào, cười tiền, hôn bạc, yêu dối, tình vờ ; làm cho tinh-thần trác-táng, thân-thể hao-mòn, gây nên bệnh-hoạn, gia-đình bởi đó mà hỏng, phong-hóa bởi đó mà suy, quốc-gia bởi đó mà không còn nguyên-khí ! Thương thay ! cho cái lòng dục của con người ta vốn sẵn có từ *trời* cũng như con vật, thế mà không lấy cái đạo-đức để hạn-chế nó lại, thời người ta với thú có khác gì ? — Đây là sở phó Toàn-quyền đây là nhà Thư-Viện mấy năm nay sách xếp đó mục ra mà người mình thưa-thớt kẻ vào xem, đôi khi đến trông rêu bám rện chẳng, thương cho người mình lười biếng hư-thân ! — Trên một tí là Đền Vua Lê Thái-Tổ, tượng đồng cột đá cũng uy-nghi. Tiếc thay ! một chốn linh-thiêng đáng sùng-bái mà ít người đi.

lại bằng các nơi các cậu, các cô cùng bà mẹ, ông lớn, thoải-phủ, lục-cung...., khiến cho kẻ ai-thời mỗi lần đi qua là một lần nhớ tới, mỗi lần nhớ tới càng thêm giận cho đời mà lại ngậm-ngùi một thân ! — Hai anh em tư-ta nghị-luận ; trên đường thấy những xe đôi vô-số, tự đấy về nhà ghế nào cũng có như câu chuyện KIỀU-OANH trong *Giấc mộng con*, phi cậu học trò cô thợ khâu, thời me tây già thầy thông sác, phi con vú sữa cậu bồi bàn thời chú quyền dăng cô bán mía ; đem con mắt tò-mò mà xét, lắng cái tai chiêm-thế mà nghe thời đôi nào cũng là tạ-dĩ lấy câu « thương yêu » mà ran-rỉu, lăng-líu, dắt díu, để thi-hành cái dục như con vật, hay kiếm-chác bom-chen. Đau đớn thay ! cho cái thói Trịnh Vệ ; nhục-nhã thay ! cho kẻ lẫn ái-tình. Nào cái « tình » nó có tội đâu, chẳng qua chỉ tội ở những đứa nó làm cho nhơ-nhuốc bần-thỉu cái tình mà thôi ! Cái thói xấu ấy ở nước ta thật là mới có mấy năm nay vậy. Ai ơi ! xin nghĩ cách nào mà trừ bỏ nó đi kẻo bẩn mắt, dơ tuồng, hại cho phong-hóa.....

Tiếng sấm vụt nổi, hột mưa liền mau, giải hết cơn nóng lúc nãy ; anh em về mỗi người một nhà. Nhân mát mẻ cầm bút ghi để nhớ về sau. Chắc mỗi đêm chơi hồ Gươm một thấy khác. Hồ Gươm là cảnh đẹp thay !

HỘI-NHÂN

ĐOẢN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

AI GIẾT NGƯỜI ?

(*Luân-lý tiểu-thuyết*)

Về cái thời-đại gần đây, trong xóm Cầu-đá ở làng Hội-xá, có một người đàn-bà, góa chồng, tuổi ngoài bốn mươi.

Từ khi đức phu-quân bà vui thú non Bồng, còn bà ở lại chốn hồng-trần, thời chăn tằm hái dâu, hàng say hàng sảo, giữ tiết thờ chồng và nuôi hai đứa con trai bỏ-côi cha đi học.

Bà vốn người họ Nguyễn, năm hai mươi tuổi thời tơ xe chỉ kết về họ Lê, lấy kế một ông đồ tuổi ngoài ba chục, đã có một đứa con riêng vợ trước để lại lên bốn. Không ngờ trăng già độc-địa, giữa đường vội cắt gánh loan-hoàng, gối uyên-ương nỡ đem chia nửa, gây nên một cái bi-kịch kể dương-gian người âm-phủ, đôi đường cách-trở rất bi-ai ! Năm bà chẵn ba mươi thời ông từ-biệt bà mà chơi nơi Lạc-quốc.

***

Có một hôm, mặt trời đã xuống núi, vừng trăng mới lên non, chuông chiêu-mộ trong làng đồ hồi kh.ắp chốn, người làm trong các khu ruộng chiêm đã đuổi trâu về nghỉ tối, kẻ đi người lại vắng-tanh, trên con đường vào chùa Hương-tích, cách mé trong cái quán Địa độ chừng hai mươi thước tây, có một cô con gái trạc ngoại đôi mươi, nón quai-thao, giầy mõm-nhái, quần lĩnh áo băng, khăn xa-tanh, yếm nhiễu đỏ, vòng hoa nhẫn hột, coi rất phong-lưu, bị mấy nhát dao ở cuống họng và cạnh sườn, nằm sóng-sượt ra ở dưới rạng tre bên bờ mạ, hành-trang đồ-vật, y-nguyên không mất tí gì cả. Lạ thay ! không biết tiền-oan nghiệp-chướng ra làm sao, ai thù, ai ghét, mà mảnh hồng-nhan phơi nơi đất khách thảm-đạm nhu ông

vầy ! Ở đâu đến đó, cơn cớ những gì ? Biết ai mà hỏi !

Tuần-phiên làng Yến-vĩ đi canh đồng đêm vừa đến đó, thấy dưới bụi tre thấp-thoáng bóng người mặc áo trắng, đương ngồi bên bờ mạ, bèn đi xuống thời bắt gặp hai chàng thiếu-niên hai bên mà cái thây người con gái thời ở giữa, đứa lớn tay cầm dao, đứa nhỏ áo dây máu, liền hô-hoán nhau lại bắt, trói dật cảnh khỉ cả đôi đem giải về điếm.

* * *

Trong lúc tuần-phiên làng Yến-vĩ bắt được hai kẻ giết người, thời trên con đường khuất-khúc ở bờ sông Đào sông Hát, dưới bóng trăng lờ-mờ ở men làng Thượng làng Sèu, có một người con trai thành-thị, chân bước vội-vàng, lòng lo ngay-ngáy, đi một quãng lại ngoảnh cổ lại sau nhìn, nhường e nhường sợ tai vạ đến mình. Nhưng xem vẻ ra có ý vui lòng thỏa ịa, miệng lẩm bẩm rằng : « Xin đức ượng-đế ngài chiếu-giám cho tấm ng thành-tín của tôi đối với bạn tôi, ng kẻ hại nhân thời nhân hại, ngài xét cho chúng tôi được phận nhờ. » Cách sau người ấy độ năm cây-lô- thời không biết rằng người ấy có đến hai kẻ giết người cổ đeo gông tay bị thừng buộc, theo những ời tuần-phiên và kỳ-dịch làng Yến- giải nộp quan phủ Mỹ-đức đó không? ngờ cùng chung một con đường, ng chung người đi đường, mà có cái kịch diễn ra cùng trong một thời- ắc, một bên lủi-thủi một người ng ai gông trói mà lòng cũng ngổn- ng, một bên ran tay hai người gông trói chặt đi với nhiều người mà ng cũng ngổn-ngang. Vậy các độc-giả cao-minh cho cái bi-kịch nào thảm hơn ?

* * *

Một hồi ba tiếng trống buổi hầu sáng, quan ra công-đường, nha-lại dân-sự đều chực hầu rất đông, ở hàng cơm cổng phủ các bác tuần-phiên đã cột hai tên ác-phạm vào cột nhà hàng mà ngồi hầu cơm cụ Chánh-tổng tổng mình và thầy Lý thầy Phó làng mình, người nào người ấy đều cơm no rượu say cả rồi, nghe trống bấy giờ mới điệu tội-nhân vào nộp trước quan phụ-mẫu.

Quan phủ nhận giấy giải nộp xong, nhất-diện ngài sai thầy Đề cùng mấy tên linh lệ tùy-phái đi ngay với Chánh-tổng Phú-lưu-thượng và lý-trưởng Yến-vĩ về chỗ người bị giết nằm, khám-nghiệm lại để cho chôn, nhất-diện ngài sai thầy Thông lấy cung hai tên ác-phạm, rồi ngài truyền cai-lệ đem xuống trại giam.

Trong khẩu-cung thời một người khai tên là Lê Văn-Hữu, 25 tuổi, cha mẹ chết cả rồi, một người khai tên là Lê Văn-Cung, 18 tuổi, cha chết mẹ còn chỉ khác tên khác mẹ còn họ và tên cha cùng các lời cung về việc giết người con gái thời giống nhau hết. Hai cậu cùng khai tên cha là Lê Văn-Từ ở làng Hội-xá, duy cậu bé thời còn mẹ là Nguyễn Thị-Nhân, mà đều nói rằng « Vốn con nhà học-trò, xưa nay lương-thiện không có làm xằng bao giờ. » Sự giết người thời cùng chối rằng : « *Tình* cờ bắt gặp thời xem, chớ không phải anh em mình giết. »

* * *

Nguyễn Thị-Nhân là tên ai ? Các độc-giả hẳn cũng biết ngay là tên bà ngoài bốn mươi tuổi, góa chồng từ năm ba mươi ở xóm Cầu-đá, mà Lê Văn-Từ chính-thực tên ông đồ chồng bà, Lê Văn-Cung con bà, còn Lê Văn-Hữu là con người vợ trước vậy.

Đêm hôm ấy mà Hữu và Cung phải bắt thời bà ở nhà vẫn tưởng như mọi

khi hai con mình đi chơi cùng các bạn học quanh vùng, hoặc ở Phù-yên hoặc sang Bài-lâm, hay là ở Bạch-tuyết, không ngờ sáng ra bà vừa cất gánh gạo ra chợ Đục-khê bán, đến cổng chợ đã thấy người ta xôn-xao chuyện con bà giết người phải bắt nộp quan. Ôi! tin đâu xét đánh lưng trời, khiến cho lòng người mẹ góa kia không nung mà nóng, chẳng cắt mà đau. Sụt-sùi giọt lệ, trở lại gia-đình, nào hai con đâu? mà chỉ thấy một miếng đất vườn, ba gian nhà gỗ. Lẽ đâu tin ấy lại là thật? Hay hai con ta ở trong nhà? Nào có đâu! chỉ thấy mấy ban thờ: đây là thổ-công, đây là tiên-tổ, đây là đức phu-quân! Nghĩ mà thương thay cho con trẻ, tưởng lại giận thay với trời già! — Kia mặt trời đã gần đứng bóng, trẻ đầu làng đi xem về đã thấy đồn đến tai rằng quan phái cụ Tá về khám thây người con gái trẻ, thôi thế nào mà chẳng lụy đến thân già này thôi. Khóc chán lại nghĩ, nghĩ chán lại khóc, không còn biết tính ra sao, bà chỉ còn có lên đèn hương mà cầu-nguyện trước từ-đường mà thôi.

* * *

Ở dưới hương-thôn người vợ góa chồng thương con vật-vã, lúc ấy đương là lúc thầy Thông vặn-vẹo lấy khẩu-cung hai người con ở chốn công-đường quan phủ Mỹ-đức. — Lấy xong khẩu-cung thời Phó-lý và tuần-phiên làng Yến-vĩ kỷ dự-thính khẩu-cung chu-tất mới ra chào quan xin về. Các bác tuần-phiên với thầy Phó ra ngoài cửa phủ thời anh em ai đã xuống đến trại sở chân vào cùm rồi vậy.

Quan xem cung xong, liền phê hỏa-bài cho thầy Đề lập-tức khi đệ biên-bản về phủ thời phải đòi kỳ lý-làng Hội-xá lên để chất-vấn tính-hạnh và căn-cước hai tên chối rằng không giết người này.

Hỏa-bài một xuống, thời kỳ-lý đi ngay theo cụ Đề về phủ. Song, trước khi đi, những lễ trình diện cụ Tá, lễ trình tờ khai quan, hiện đã tống nhà người gái góa kia bắt phải biện cả. Nhưng dân Hội-xá lên quan, cụ này thời khai rằng anh em nhà ấy vốn lương-thiện, còn sự giết người này có hay không không dám chắc, thầy kia thời khai rằng không dám quyết rằng anh em nhà ấy có giết người hay không, song vốn là người đáng tình nghi xưa nay.

* * *

Đủ cả giấy má, bấy giờ quan phủ ngài mới đem hỏi mỗi người một lúc, để tra xét cho ra.

Lê Văn-Hữu bị hỏi trước.

— Sao mà trời vừa mới tối, hai anh em bay đã dám cả gan giết người? Quân này gớm thật!

— Dạ bẩm lạy quan lớn, đèn trời soi xét, chúng con quả-thị hiền-lành.

— Không giết người thời sao bay đến đấy làm gì? Mà khi chúng nó bắt được bay, tay mày cầm dao, áo em mầy đẫm máu, chúng bay đương lúi-húi lấy của của con bé ấy. Căn-cước của chúng bay dân bay khai cũng đáng tình nghi thời bay còn chối thế nào được?

— Dạ bẩm lạy quan lớn, sinh-phúc cho chúng con được nhờ, nhân lệ thường của anh em chúng con cứ đến chiều thời dủ nhau đi đồng, vừa mới ở dưới đồng lên đến đấy thấy lạ mà xem, thực không có giết.

— Mày nói thật vô-lý! Có thế nào cứ thú thực đi, ông liệu đường cứu cho, không có thời cứ lý kết án, bay chối sao khỏi được.

— Dạ bẩm quan-lớn là cha mẹ dân, xin ngài xét cho, quả thực là hai anh em con vừa đi đến đấy, thấy lờ-mờ mà không rõ rằng người hay là cái gì mà giống như người, mới bảo nhau rẽ vào

đó thời em con mó vào trước xem người dỗ hay là phải bệnh lại nằm dấy, sau em con kêu lên là người con gái Hà-nội đi chùa bị giết, sườn có con dao còn cắm đó, con vội vàng xuống, rút con dao vừa xong, thời thích-ngộ tuần-phiên đến.

Quan nghe xong, lại đòi Lê Văn-Cung lên hỏi, rồi sai lính đem Hữu xuống trại. Quan hỏi Cung thời cũng khai như lời anh. Quan bẻ rằng:

— Sao bay thấy thế, bay không hô-hoán ngay dân làng đến, rồi bay hãy xem có được không? Thực là bay giết.

Cung thưa rằng:

— Chúng con vừa mới gặp, cái lòng thương người chết nó làm cho quên mất lẽ quốc-gia, bởi sơ-ý có thế mà nay nên tội.

Quan hỏi xong, lại sai đem xuống trại giam.

* * *

Buổi hầu hôm sau, đông đủ cả quan, nha, cơ, lệ cùng mấy ông chánh-tổng tuần-huyện sở-tại, đem việc ra bàn định, vẫn lấy làm ngờ.

Thầy Đội-lệ bẩm quan xin tấn, quan liền sai đem vồ, nọc, chão, roi, kìm, cặp, hỏa lò than, đủ các thứ để ở sân công-đường rồi đem phạm-nhân ra tấn khảo. Quan truyền khảo Lê Văn-Cung trước.

Lính đem Cung ra, đóng cọc rồi trói dật cánh khỉ ra đằng sau, chia đầu gối ra để đợi khảo. Lê Văn-Hữu trông thấy thế, nghĩ thương em ứa hai hàng nước mắt, xin ngay vào trước cửa quan để thú tội cho em khỏi phải khảo.

— Bẩm lạy quan lớn, ngài ngồi cao xét rõ, nay cái lý đã hiển-nhiên rằng anh em chúng con giết người, không sao chối được. Vậy con xin thú quan lớn rằng con giết, còn em con nó ngu dại, nó chẳng biết gì cả. Mẹ hai con có một mình nó, xin quan lớn làm tội con, mà tha cho nó.

Cung thấy anh nói thế, liền bẩm to lên rằng:

— Anh con sợ con phải khảo đau khổ, mà ra nhận tội trước đi đó, thời quan trên đã định tội cho chúng con giết người, chúng con không thể chối được, vậy con xin thú thực rằng con giết, chớ anh con xưa nay vốn người lương-thiện, trong bọn nho-lâm đều yêu-quí cả.

Hữu thấy em nói thế, liền nói với quan rằng:

— Bẩm lạy quan lớn, em con không biết giết người, nó lành lắm, chẳng qua nó thương con mà nó nhận liều đó mà thôi, quả thị con cầm dao con đâm con bé ấy, em con không biết sự tình gì, xin quan-lớn tha cho nó về để nó phụng-dưỡng mẹ hai con cho mẹ con được vui lòng, còn con mới chính là có tội.

Cung lại thưa quan rằng:

— Bẩm lạy quan-lớn, anh con nhận bậy, chớ chính con giết nó, vì con thấy của mà tham, giết xong đưa giao cho anh con cầm, chớ không phải là anh con giết, chẳng qua anh con thương con bé giại mà muốn cứu con, gánh lấy tội đó thôi, chính con mới là có tội.

— Em ơi, sao em nhận chi thế chính anh là cái thằng tham-sắc, hiếp gian không được mà giết người ta, em còn thương làm gì thằng hung-ác nữa. Bẩm quan lớn, con đây mới thật là có tội.

Hai anh em Hữu và Cung, anh nhận là anh giết, em nhận là em giết, làm cho suốt từ quan đến nha, cả bên cơ lẫn bên lệ, không ai biết là người nào giết người, kẻ thời nhận vì tham-tài mà giết, kẻ thời nhận vì tham-sắc mà giết, không biết rằng ai oan ai tội.

* * *

Hai anh em Hữu và Cung đều nói phân-vân như vậy, quan phủ Mỹ-đức không biết làm thế nào, mới bẩm để cả

hồ-sơ và giải cả hai người ấy lên quan Tổng-đốc Hà-đông.

Ra đến tỉnh, đông đủ quan Thượng, quan Án, quan Thương cùng bên phiên bên niết, hỏi thời hai anh em nhà ấy đều cũng cứ kẻ này khăng-khăng vì tham-tài mà giết, kẻ kia khăng-khăng vì hiếu-sắc mà giết, quan tỉnh cũng lấy làm khó xử, mới bẩm lên quan Kinh-lược. Quan Kinh-lược bèn sức cho đòi người mẹ lên hỏi. Mà cái tiếng hai anh em Lê Văn-Hữu yêu-mến thương-sót nhau đã lừng-lẫy lên ở Bắc-kỳ, cơ-hồ cả nước Nam đều đã biết, ai nghe cũng lấy làm cảm-động!

Trong lúc ấy thời cái người thành-thị cùng đi một đường với anh em nhà họ Lê cách nhau năm cây-lô-mét kia đương thênh-thang ở trong chốn Thăng-long, dưới non Nùng trên sông Nhị.

* * *

Thì giờ như tên bắn, ngày tháng như thoi đưa, bà Nguyễn-quả-mẫu ngồi nhà tính đốt ngón tay đã được hai tháng lẻ. Ờ! mới ngày nào một vẻ thiều-quang thiên-hạ nô-nức chơi xuân trẩy hội, mà đến nay còn một tháng nữa thời đã đến tết Đoan-dương. Nghĩ tới lúc tàn-xuân trăng vọng, con mình phải bắt, mà cái sầu nay đã đến cùng-cực không biết thế nào rồi! Xiết bao nhiêu tốn kém về dân làng khai-báo, mà đến nay chợt lại có linh cho đòi ra đến Kinh-kỳ. Mảng tưởng đến chỗ chồng con du-học xưa nay, ra đến nơi lòng càng thảm-đạm.

Này, buổi hầu sáng, trống vừa thôi điểm, cậu lính tuần đã giải một bà cụ mặt mũi âu-sầu chua sót từng đi qua cái con đường người con trai thành-thị đi trước năm cây-lô-mét, tuần phiên làng Yến-vĩ giải con mình đi sau, mắt đã nhìn thấy cửa phủ Mỹ-đức, cửa dinh quan Tổng-đốc Hà-đông, bấy giờ mới đến tòa Kinh-lược mà vào hầu vậy.

Vào tới nơi sụp xuống lạy, quan liền hỏi:

— Con mụ kia, xưa nay trong gia-đình sao không biết dạy con, để cho con làm điều phi-pháp.

— Dạ bẩm lạy Cụ lớn, ngài là sao phúc của muôn nhà, Phật sống của trăm họ, xét thấu tình cho con. Cha chúng nó ngoài bốn mươi thời chết, vốn cũng là người học-trò thi hai ba khoa tam-trường về nhà dạy học, con hơn mười năm nay chẳng may ở góa, giữ tiết thờ chồng, cũng mong nuôi cho con nối nghiệp thư-hương, không dè tai bay vạ gió hay con con dại-dột thế nào, sinh con ai nỡ sinh lòng, cụ lớn thương cho con được phận nào con nhờ phận ấy.

— Không, ta không có làm tội mụ làm chi, ta chỉ hỏi mụ cứ thực mà nói, trong hai đứa đứa nào ác hơn.

— Trăm lạy cụ lớn, hai thằng con con xưa nay, chúng nó chăm-chỉ học-hành, nết-na đứng-đắn cả, người trong vùng con ai cũng khen ngợi, chẳng hay sự giết người này ra thế nào, con không dám biết. Duy con có nghe trong sách mà chồng con thường giảng đọc xưa nay rằng: « xát nhân giả tử », vậy thời phép nước hễ giết người thời phải làm tội chết, nay con xin cụ-lớn làm tội thằng em còn tha cho anh nó được về, thời chúng con được nhờ ơn cụ-lớn lắm lắm.

Quan Kinh-lược thấy nói lấy làm lạ lắm, bèn hỏi luôn rằng:

— Thường-tình con người ta, ai cũng yêu con bé hơn con lớn, nay con bé lại chính là con mụ đẻ ra, con lớn lại là con người vợ trước, sao mụ lại không xin tội cho đứa bé mà lại vì đứa lớn là nghĩa làm sao?

— Dạ bẩm lạy Cụ-lớn ngàn năm, thằng Lê Văn-Cung là con con đẻ ra, thằng Lê Văn-Hữu là con chị trước con đẻ ra thật. Nay bố nó đã vì nó bỏ-côi mẹ mà lấy con về để làm dì ghẻ

nó. Lúc bố nó hấp-hối chết, có gọi con lại gần cạnh dường, cầm lấy cổ tay con, trỏ vào thằng ấy mà dặn lại con hai ba lần rằng : « Bà mày vì tôi mà chăm nom cho nó, may ra mà nó nên người được thời tôi và mẹ nó ở dưới suối vàng cũng được đội ơn. » Con đã có nhận lời mà rằng : « Xin ông đừng có ngại, trăm sự tôi xin chu-tất, chẳng may trời phân rẽ hai vợ chồng ta, nay người mất kẻ còn, cái đau lòng kể sao cho xiết ! Thôi, mệnh trời đã thế, ông cứ an-giấc ngủ trăm năm, hai đứa đứa nào cũng là con tôi cả, tôi hết lòng gây dựng. » Nay nếu con làm mẹ kế nó thời cũng là mẹ nó, đã làm mẹ mà không yêu thương lo-liệu được cho con, sao cho là có « nhân » ? Coi con chồng là con chồng, con mình là mình, chỉ biết âu-yếm con mình mà phi-hoài con chồng, sao cho là có « nghĩa » ? Khi bố nó chết đi có ân-cần dặn lại như thế, con đã nhận lời phân lại nhường kia, nếu bây giờ không chu-toàn được cho nó thời là nói dối người chết, không có giữ được lời sao cho là có « tín » ? Làm người cốt lấy cương-thường làm trọng, nay bỏ cả « nhân », cả « nghĩa », cả « tín » đi thời còn định làm mẹ người mà sống ở trên đời sao được ?

Quan nghe thấy lời bà cụ nói rất là cảm-động, bèn gọi lính đưa vào nhà trong cho yết-kiến bà-lớn, rồi ngài tiễn chân năm tấm lụa và hai nén bạc, hứa rằng sẽ nghĩ phương-kế mà cứu cả cho hai người con.

* * *

Cái tấm lòng liệt-nữ của bà Nguyễn quả-mẫu hôm trước, hôm sau người Hà-nội đã truyền-tụng vang-lừng đâu đâu cũng biết.

Cách hai hôm sau, buổi hầu chiều, trước công-đường nha Kinh-lược có một người tuổi trẻ mặt mũi khôi-ngô, chân tay mập-mạp, khăn lượt áo the, hình dung nho-nhã, sụp lạy quan Kinh-lược xin chịu cái tội của hai người anh em nhà họ Lê mà đi sau người ấy hôm nào cách năm cây-lô-mét ở con đường lên Phủ Mỹ-đức kia.

Quan Kinh-lược lấy làm lạ, người ấy lạy xong, đứng chắp tay ngang ngực mà bẩm rằng :

— Bẩm lạy cụ lớn, tên con là Lương Xuân-Tín, năm này 28 tuổi, học-trò trường Đốc-học, ngụ ở phố Hàng Thiếc Hà-nội. Từ năm mười ba tuổi có kết bạn được một người anh em rất thông-minh hào-hiệp tên là Dương Đức-Nghĩa ở phố Hàng-Bông. Cha anh ấy đỗ cử-nhân có tiếng mất từ khi anh ấy mới lên bốn, bà cụ Cử người rất trinh-tiết trung-hậu ; kết tóc năm 19 tuổi với người con gái 18 tuổi ở phố Hàng-Đào tên là Lý Thị-Lợi, nhà vợ cũng giầu có xưa nay. Cưới vợ về một năm, đẻ được đứa con trai, năm sau đứa bé ấy mất mà bà thân-mẫu cũng từ-trần ; đến năm kia bỗng nhưng vô-cố mà bạn con đã phải nằm trong nấm cỏ ở đồng làng Kim-lũ gần đây ! — Chao ôi ! giòng nhà ấy bây giờ tuyệt-tự. Nghĩ đến bạn con lúc nào con cũng thâm gan tím ruột dận thay, cho kẻ tham-dâm nỡ hại khách anh-hào ! Thương thay nỗi oan không làm sao bộc-bạch được ! — Cái dám cưới tháng chạp năm ngoái mà linh-đình ở chốn kinh-đô, tuy Cụ-lớn ngồi cao nhưng nghe xa, nói tới chắc cụ-lớn còn phẳng-phất rằng đã có kẻ thưa lọt tai ngài cái ngày tên khách minh-hương ở hàng Ngang đón vợ. Ôi ! vợ nó đấy là ai ? Chính là tên Lý Thị-Lợi. Ngày ấy là ngày hai đứa giết người nó đã về ở với nhau. — Nguyên từ khi bà cụ Cử quy-ẩn đi rồi, anh Dương Đức-Nghĩa anh trên chẳng có, em dưới thời không, trọi có hai vợ chồng, âu-yếm nhau vô-hạn. Ngờ đâu chồng thực mà vợ hư, chồng ngay lòng mà vợ gian-giảo, Thị-Lợi từ khi mẹ chồng chết, việc nhà cờ đã đến tay, mưu với chồng mở hàng tấm ở hàng Đào bán. — Được ít lâu Thị-Lợi

giao-thiệp với một tên khách hàng Ngang, đem ngay lòng tham của, rắp những sự quên nghì, dở lời chênh-lệch cùng tên khách, ra giạ bắc nam với lại chồng. Tên khách kia cũng tham vẻ má hồng, đặm tình ân ái, bởi thế mới đồng-tâm hại bạn con ! Than ôi ! nó giết bằng gì ? — bằng giao ? hay bằng gươm ? — Bẩm, chẳng giao, chẳng gươm, chỉ bằng một gói thuốc độc. Anh Dương Đức-Nghĩa của con kia, nghĩ mà thương hại, chiều nghe bình-văn trong trường quan Đốc con về, ăn cơm xong thời buồn ngủ ngay, sáng mai có tin rằng mất! Chúng nó làm khéo cho đến nỗi cái án ấy thành ra mất tích, đến năm nay con mới dò xét được ra, thời việc cũ ấy đã nguội lạnh không còn có chút ghi gì trong lâm-tri người ta cả. Con không thể nào mà đi cáo quan được nữa. Một là vì chứng cớ của con ít, hai là vì tiền của của chúng nó nhiều. Chúng nó có thể mua chứng đút tiền, án lên đến Cụ-lớn thời con chắc con cũng là thằng vu-cáo, mà thù bạn con cũng không có người trả cho. Nhân con nghe con ở nhà nó mách con rằng vợ chồng nó sắp đi chùa Hương để làm chay sám-hối, đi thời đi lâu đến một cữ mới về. Con bèn quyết chí đi theo để liệu cơ báo-phục. Không biết Phật Tổ ngài thiêng, ghét kẻ gian-tà mà dun-dủi ra hay sao, con gặp được dịp rất tốt. Chúng nó đã làm chay xong, chồng thời sốt ruột về, vợ thời mải đồng-bóng, nên con thấy vợ nó hẹn chồng nó cứ về đến ngày kia nó sẽ về sau. Con mừng quá, thay hình đổi rạng đi theo ngay thằng Chiệc, đến bến đò nó xuống thuyền con cũng xuống thuyền, Trời vừa chiều, nhân nó không biết con, con bèn bàn với nó hai người thuê riêng một cái khoang thuyền trả bội tiền lên để cho rộng, đi ra giữa sông thuyền đến quãng sông Tế-tiêu, con thấy nó ngủ đã say, con mới giở giậy cầm con giao đập một cái vào sống mũi rồi con đâm lấy đâm để, nó dẫy-dụa thời con cứ kêu rằng: «Chú khách mê hoảng chưa ! ngủ mê mà hoảng lạ ! » Người trong thuyền ai cũng tưởng thật, còn mấy đứa bơi chèo thời nó mải làm việc cũng chẳng nghĩ chi đến. Nó dẫy một lúc thời nó chết, khoang thuyền ấy ở về đằng lái, cho nên máu chảy ra cũng không có ai biết. Thuyền đi đến chỗ quá Phủ Mỹ-đức gần đến bến Vân-đình, đấy thuộc về làng Phùng-xá, con mới bảo lái đò dừng thuyền lại cho con lên con đi đồng, con liền gọi con mẹ ngồi cầm lái lên hỏi, con kể sự tình thằng khách bất-nhân là thế, con vì bạn báo-thù là thế. Nó dật mình lo sợ, con bèn cho nó trăm bạc và xui nó về bảo nhau vất cái xác ấy xuống sông, rồi đỗ mau khách ở đò lên bến đi, không rồi lộ truyện thời nó rầy-rà. Nó xuống thuyền thời con theo con đường men bờ sông đi một quãng được chỗ khuất, lại đổi quần áo mà về chùa Hương để đón giết con vợ nó là đứa chính tay đã giết bạn con mà là chồng nó trước kia. Bởi con vợ nó biết con rõ lắm, nên con phải giả làm kẻ ăn mày, bù đầu, xõa tóc, bôi nhọ mặt, cắt da chân chảy cả máu ra để cho được hệt. Tối hôm trước về ngủ ở quán Đìa, sáng giậy ra chợ Đục-khê ăn cơm, đi con đường Quán Ông Thang vào đò Suối, trưa thời đến Thiên-trù, nó còn ở đó ; chờ mãi đến nhá-nhem tối nó lên đồng xong mới ra hàng ăn cơm, rồi cùng với bạn lữ nó đi ra bến Hội-xá. Con liền theo, bọn nó ở bến đò Suối bước lên, đã gần qua hết làng Yến-vĩ, con đương bối-rối không biết hạ-thủ bằng cách nào. — Nguyên con ấy nó rất bạo-dạn, thích-ngộ đến đó nó bảo các bạn nó cứ đi ra bến trước, để nó rẽ đi đồng đã. Thật là giờ báo-phục của con đã đến, con bèn theo nấp ngay ở dưới gốc bụi tre ước nửa giờ đồng hồ thời nó lên qua đó, con nhìn trước nhìn sau thấy

vắng, nên con ra liền nắm lấy tay nó, vốn nó hay trang-điểm, nhân hôm ấy lại nắng ráo nên y-phục nó chỉnh-tề, nó tưởng con là người ở đấy ra cướp giật, con không để cho kêu, một tay giữ nó, một tay rút giao ra, mà bảo nó rằng : « Muốn nghe lời tôi nói thời im, hễ kêu thời giao này vào cổ ngay ». Nó van lạy xin vâng.

— Chị có biết tôi là ai không ?

Nó đáp rằng :

— Nghe tiếng thời giống bác Lương Xuân-Tín bạn với nhà tôi xưa, song hình thù thời khác, vì cớ gì mà ám-ảnh tôi; đây, vòng, hoa, nhẫn, hột của tôi đây muốn lấy hết đi tôi cũng xin vâng.

— Không, tao đây không phải là giết người lấy của. Ử, tao chính là Lương Xuân-Tín, phen này nguyện có trời cao làm chứng, tôi xin báo-thù cho anh Dương Đức-Nghĩa đây. Hỡi Dương Đức-Nghĩa ơi ; anh đến ngày nay mới thực là an giấc ở dưới suối vàng không còn ân-hận ! Này, mày giết chồng trước đi theo thằng khách, nay thằng khách cũng đã chết trong tay tao rồi, thôi, bụng cá là mả thằng Ngô, đây thời là mồ con đĩ.....

Nói đến đấy, con e dùng-dằng lâu thời lỡ, bụng con đã thấy dợn, con liền đâm mạnh một nhát vào cổ, nó kêu đánh « ực » một cái thời ngã, con lại sợ chưa chết, liền rút giao ra đâm mấy nhát rồi cắm vào cạnh sườn, vừa xong thời chợt nghe có tiếng người đủ-dỉ với nhau trên con đường Quán Đìa, con liền gạt nó vào bụi tre, rồi lần vào trong cái ruộng dâu gần đấy, nhìn ra thấy có hai người quần áo trắng đi xuống ruộng mạ. Con lượn ra Quán Đìa lấy những bị, gậy, áo-tơi rồi qua cầu Hạ-đoạn đi một mạch. Đến chợ Sêu, người thấy mệt, bèn ra bến tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo mới, vào hàng ăn quà, nghỉ một lúc lâu, đến quá nửa đêm thời đi. Ôi ! tội con thật là tội, song lòng con rất thỏa lòng, con nghe rằng nghĩa bè bạn là một đạo lớn trong nhân-luân, trong kinh Lễ có nói : « 朋友之讎不與同國 », thù bè bạn không cho nó ở cùng nước với mình, thánh-nhân đã dạy như thế, nghĩa làm người thời phải có nhân-luân, giống người mà hơn giống vật chỉ có thế, nếu không có nhân-luân thời thà chết đi còn hơn. — Khi bạn con sống, ước hẹn những cứu nhau trong lúc nguy-hiểm, thương nhau trong lúc nghèo-nàn, v. v., nếu mà nay quên thời là « thất-tín » ; bạn chết ở trong tay kẻ hung-ác nếu mà không báo-thù cho thời là « bất-nghĩa » ; sợ đeo tội giết người, nếu mà không tiết được cái oan-hận cho bạn ở dưới cửu-tuyền, thời là « vô-hiệp » ; giết người nếu mà bỏ trốn thời là « vô-dũng » ; mình làm nên tội, nếu để cho kẻ khác phải mang thời là « bất-nhân » ; làm điều phi-pháp để lụy đến gia-đình tôi thuộc thời là « vô-trí » ; đã không *tín*, *nghĩa*, *hiệp*, *dũng*, *nhân*, *trí*, sao cho được làm người quân-tử. — Con mà chậm đến đây, chỉ còn chút tình trong gia-tộc, nay thu xếp đã xong, xin đem mình chịu tội trước cửa Cụ-lớn...

MÀN-CHÂU.

THỜI-ĐÀM

VIỆC THẾ-GIỚI

Hòa-ước ở Nghị-hội Pháp.— Theo công-pháp thời phàm điều-ước hòa-ước Chánh phủ ký phải đem ra Nghị-hội bàn và duyệt-y (*ratification*). Hòa-ước của Chánh-phủ Pháp ký ở Versailles ngày 28 Juin trước theo phép cũng phải đem ra cho Thượng Hạ Nghị-viện duyệt. Hai viện đã duyệt cả rồi, nhưng trước khi công-đồng duyệt-y thời mỗi viện có đặt một tiểu-hội-đồng, để xét kỹ hòa-ước xem có khuyết-điểm chỗ nào không. Tiểu-hội-đồng của Hạ Nghị-viện thì có quan nguyên Tổng-lý Nội-các Viviani làm chánh-chủ-hội hồi khai-chiến năm 1914 thì chính ngài đứng đầu Chánh-phủ Pháp), và quan nghị-viên Barthou làm « ủy-viên » (*rapporteur*). Lệ trong các tiểu-hội-đồng thì chức ủy-viên là người phải thay hội-đồng mà làm tờ báo-cáo (*rapport*). Tờ báo-cáo của quan Barthou các báo Tây lục-đục ra dài lắm, và trong ấy bình-phẩm hòa-ước một cách rất sác-đáng. Quan Barthou vốn là một người tai mắt trong chính-giới nước Pháp bây giờ, lại là người có thể bình-tĩnh mà phán-đoán được, vì không từng can-dự đến việc nghị-hòa, nên cái ý-kiến ngài bình-phẩm hòa-ước chắc là có giá-trị vậy.

Trước hết quan Barthou trách Chánh-phủ rằng trong khi thương-thuyết về việc hòa, Chánh-phủ không từng hỏi ý các tiểu-hội-đồng của Nghị-viện. Vẫn biết rằng theo Hiến-pháp thời Chánh-phủ có quyền được tự-tiện ký ước, Nghị-viện chỉ có phép kiểm-duyệt sau mà thôi. Nhưng mà hòa-ước này là việc quan-trọng, lý-ưng rằng Chánh-phủ dầu không cố-vấn các tiểu-hội-đồng của Nghị-viện thời it ra cũng nên hỏi ý những ông Tổng-lý Nội-các hay là Ngoại-vụ-tổng-trưởng cũ, các ông ấy đã từng cầm quyền tất là thuộc việc, có thể giúp cho Chánh-phủ được nhiều. Thành ra cái hòa-ước này là thủy-chung chỉ một mình Chánh-phủ mang trách-nhiệm. Tương-lai có nhân những điều-khoản trong hòa-ước mà xảy ra việc gì không lợi cho nước Pháp, thời bấy giờ Nghị viện không nhận cứu vào đấy, và có thể nói rằng việc Nghị hòa xong rồi Nghị-viện mới được biết, dầu có thấy sự khuyết-điểm cũng không kịp sửa được nữa.

Quan Barthou lại bác hòa-ước một điều nữa. Là cứ chứng-cớ hiển-nhiên thời đã rõ hẳn rằng cuộc chiến-tranh vừa rồi là bởi cái bụng tham-tàn của bọn cầm-quyền ở nước Đức, mà dân Đức sở-dĩ a-dua vào cái tội ác làm nhiễu-loạn cuộc hòa-bình của thế-giới trong ngót năm năm trời ấy là bởi cái chính-thể Đế-quốc trong nước ấy khiến cho toàn-quốc làm tôi tớ một nhà vua Phổ; nay muốn giữ cho cuộc hòa-bình được vững bền thời phải phá cái chính-thể Đế-quốc ấy mới được, tức là khuynh-đảo cái sự-nghiệp của Tỉ-ti-mạch (Bismarck) hồi trước. Nhưng xét ra Hội Hòa không lấy đấy làm mục-đích, mà vẫn để chính-thể nước Đức y-nguyên như cũ, thành ra ngày nay nước Đức vẫn nghiễm-nhiên là một cái đế-quốc không vua mà thôi. Như thế thời e rằng sau này nước ấy lại thừa-cơ mà lập-mưu tái-phạm cái tội năm 1914 vậy.

Phần quan-trọng nhất trong tờ báo-cáo của quan Barthou là thuộc về cái vấn-đề tả-ngạn sông Rhin. Ai cũng biết rằng trước năm 1870 hai châu Alsace Lorraine là đất của nước Pháp, nhân trận năm ấy nước Pháp thua mà bị nước Đức lấy mất. Ngày nay hòa-ước bắt nước Đức trả lại hai châu ấy là trả y theo như năm 1870. Nhưng nguyên bờ-cõi của hai châu ấy về cuối thế kỷ thứ 18 còn rộng hơn nữa và ra tới sông Rhin, gồm cả lưu-vực sông Sarre. Nhân vua Nã-phá-luân thất-bại năm 1815 mà bờ-cõi phải lui vào bên trong sông Rhin, mất cả địa-hạt sông Sarre. Đương cuộc đại chiến-tranh này, dư-luận nước Pháp vẫn mong rằng hễ thắng trận thời đòi lấy cả tả-ngạn sông Rhin theo cái địa-giới cũ trước năm 1814. Nay nước Đức chỉ phải trả lại hai châu theo địa-giới năm 1870, cứ lấy lẽ lịch-sử thời là thiệt cho nước Pháp, nhất là thuộc về miền lưu-vực sông Sarre là nơi có nhiều mỏ tốt và là một khu đất giầu-có trù-mật, bây giờ thuộc quyền hội Vạn-quốc quản-trị trong hạn 15 năm, hết hạn ấy thời sẽ hỏi ý dân muốn sáp-nhập về Pháp hay là về Đức. Dư-luận Pháp lấy sự đó làm không mãn-ý. Quan Barthou cũng có ý trách Chánh-phủ mà nói rằng nếu Chánh-phủ thương-thuyết cứng hơn thời nước Pháp không đến nỗi phải chịu thiệt như thế, không những chịu thiệt mà lâm-thời có sự nguy-hiểm ở đấy nữa, vì năm 1870 nước Pháp sở-dĩ bị xâm-lược là vì

bờ-cõi không được hiểm-yếu, nay lại hồi-phục cái địa-giới năm 1870 thì e có ngày cũng phải cái nguy như năm đó. Tuy nước Anh nước Mĩ có hứa hễ vạn-nhất nước Đức có sang xâm-lược thời hai nước ấy sẽ đem quân cứu-viện, nhưng thắng-hoặc có sự gì thì đợi quân cứu-viện cũng còn trầy !

Ấy đại-khái trong tờ báo-cáo của quan BARTHOU kể mấy điều khuyết-điểm của hòa-ước như vậy. Nhưng cũng có lời khen Chánh-phủ Pháp, nhất là khen quan Tổng-lý CLÉMENCEAU, vì nhờ cái chính-sách quả quyết của ngài mà nước Pháp ngày nay mới được thắng trận ; tuy xét về phương-diện Pháp thời Hòa-ước chưa được hoàn-toàn thật, nhưng phải biết rằng ở hội-đồng Nghị-hòa không phải chỉ có một quan CLEMENCEAU, chỉ có toàn đại-biểu nước Pháp mà thôi, nhưng còn nhiều nước khác nữa, nhất là nước Anh nước Mĩ lại có thế-lực nhất trong hội-đồng. Nhiều việc nước Pháp muốn yêu-cầu thế này mà quan Tổng-thống WILSON nước Mĩ, quan Thủ-tướng LOYD GEORGE nước Anh lại bàn trái đi thế kia, quan CLÉMENCEAU không thể cố cưỡng sợ mất lòng bạn đồng-minh.

Song muốn xét cho công bằng thời thiết-tưởng không thể lấy phương-diện riêng một nước nào mà xét được : nay nước Pháp xét về phương-diện nước Pháp lấy làm không mãn-ý, an-trí nước Anh xét về phương-diện nước Anh, nước Mĩ xét về phương-diện nước Mĩ, lại chẳng có chỗ cũng không mãn-ý hay sao ? Vả phàm điều-ước hòa-ước không mấy khi là thỏa-thiếp được mọi đường, hay hư-hỏng là dở là cốt ở sự thi-hành. Muốn biết cái giá-trị của hòa-ước ngày 28 Juin mới rồi, thời phải đợi thực nghiệm mới có thể phán-đoán được.

Vấn-đề Giao-châu (Chan-tong). — Hồi ký Hòa ước ở Versailles, các Đồng-minh đều ký cả, duy nước Tàu là không. Lý-do sự không ký ấy là ở cái vấn-đề Giao-châu. Giao-châu trước thuộc về nước Đức, là nguyên nhà Thanh cũ bên Tàu nhường cho Đức thuê từ năm 1898. Kịp đến năm 1914, nước Nhật-bản vào cuộc chiến-tranh thì đề-binh sang đánh Đức ở đấy, ngày 7 Novembre 1914 hạ được thành Thanh-đảo (Tsing-tao). Đất là đất Tàu, và Tàu sau cũng nhập-cuộc chiến tranh, lý-ưng nước Nhật phải hoàn lại cho Tàu thời mới phải. Năm 1915 cũng đã có hứa như thế. Nhưng đến khi nghị-hòa thời nước Nhật có giữ không chịu trả. Hội Hòa lại công-nhận cho nước Nhật được hưởng hết các quyền-lợi của Đức ở Tàu trước, như vậy thời Thanh-đảo Giao-châu nghiễm-nhiên thành như thuộc-địa của Nhật, Chính-phủ Tàu không chịu, dân Tàu kháng-cự, truyền cho đại-biểu ở Hội Hòa hết sức thương-thuyết cho được, nhược bằng không thời không ký hòa-ước nữa. Từ đó cái vấn-đề Giao-châu thành một việc to ; nước Nhật thời cãy rằng Đồng-minh đã công-nhận rồi, không muốn chịu nhượng-bộ với Tàu và Tàu thời xem ra có dân Mĩ giúp cũng hết sức phản-đối. Hiện nay thời người Tàu đương để chế đồ hàng Nhật để báo-thù, và ở Nghị-viện Mĩ bàn về hòa-ước đương yêu-cầu phải thêm một điều nói rằng Giao-châu sẽ trả lại cho Tàu, không thời Nghị-viện không duyệt-y hòa-ước. Các nhật-báo Nhật và Mĩ hằng ngày thường cãi nhau về cái vấn-đề ấy. Xét kỹ ở trong cái vấn-đề Giao-châu, thực có một cái vấn-đề Nhật-Mĩ xung-đột, không biết sau này xảy ra thế nào

Xét Giao-châu-loan (Kiao-tcheou, ở về phía đông tỉnh Sơn-đông Chantoung) nước Tàu, đối ngang với Uy-hải-vệ (Wei-hai-wei). Tuy cái phần đất nhượng thuê cho Đức diện-tích có 29 cây-lô-mét vuông mà thôi, nhưng cả vùng đất chung quanh trong vòng 45 cây-lô-mét vẫn coi là thuộc quyền nước Đức. Năm 1914, số dự-toán những tiền kinh-phí của Đức ở Giao-châu tới 877.000 *livres sterling* (là tiền vàng của Anh, giá ước 25 *francs*, trong số ấy một phần là những tiền thâu-nhập ngay ở đấy, còn một phần (già nửa) thì chánh-phủ Đức trợ-cấp cho. Tổng-số xuất-cảng năm 1912 là 746.000 *l. st.* và nhập-cảng là 4.015.000 *l. st.* Dân-số là 60.484 người, chia ra 4.256 người Đức, 316 người Nhật và 53.312 người Tàu ; quan cai-trị là người Đức. Từ năm 1898, nước Đức hết sức kinh-doanh đất Thanh-đảo, xây-dựng rất nhiều, kinh-phí chỉ thấy đã tới 200.000.000 *livres sterling*, để lợi-dụng cái hải-loan đó làm một nơi yếu-cảng. Cửa bể có thể dung được 12 chiếc tàu lớn 6000 tấn. Tỉnh-thành nghiễm-nhiên như một tỉnh-thành bên Âu-châu, nhà trường nhà buôn trại lính, không thiếu thức gì, kể chẳng kém chi Tiên-tân (Tien-tsin) Thượng-hải (Changhai). Người Đức lại lấy Thanh-đảo làm đầu mấy con đường bỏa-xa chạy khắp tỉnh Sơn-đông. Quan cai-trị Giao-châu là trực-thuộc về bộ Hải-quân Đức, coi đó thời đủ biết ý nước Đức muốn lấy đây làm nơi căn-cứ cho hải-quân Đức ở Á-đông.

Tự trước Nhật-bản trông thấy Đức kinh-doanh kỹ-lưỡng như vậy, vẫn lấy làm ngại-mắt, chỉ ước có dịp cướp lấy được để làm nơi căn-cứ mà [illegible] cả bắc bộ nước Tàu cho phỉ [illegible]. Nay đã được mãn-ý, [illegible] không biết có giữ được hoàn-toàn [illegible] — Lại thêm việc Cao-ly bị [illegible] người Nhật,

bắn áp-chế dương nổi loạn muốn xướng độc-lập, mới rồi có điện-tin nói người Cao-ly ném tạc-đạn vào Tổng-đốc Nhật ở Hán-thành (Séoul,; tình-thế nguy-hiểm như vậy, thiết-tưởng cuộc hòa-bình cũng khó lòng mà giữ trọn được.

VIỆC TRONG NƯỚC

Sửa đổi việc học ở Trung-kỳ. — Tự năm nay trong Trung-kỳ bỏ khoa-cử, và mới rồi Triều-đình cùng với Chánh-phủ Bảo-hộ ughĩ định sửa đổi việc học theo như thể-lệ trong « Học-chính tổng-qui » mới. Vậy từ nay bao nhiêu những trường ấu-học, tiểu-học, trung-học cũ sẽ đổi làm trường Pháp-Việt cả và sẽ thuộc quyền Chánh-phủ Bảo-hộ kiểm-đốc. Trường Hậu-bổ ở Huế đã đổi làm một ban của trường Pháp-chánh Đông-dương, chương-trình cũng theo như ban ở Hà-nội. Duy có Quốc-tử-giám là còn thuộc về Triều-đình ta, nhưng nghe như chương-trình học cũng muốn theo cho giống như các trường Pháp-Việt. Thiết-tưởng sự cải-lương việc học cho hợp với thời-thế là một việc nên lắm. Nay Chính-phủ Bảo-hộ đã đảm-đương lấy việc ấy, muốn thi-hành theo một cái chủ-nghĩa nhất-định, quốc-dân ta cũng là một lòng theo và trông mong cho chóng thành công. Duy hán-học cũ thì chắc từ nay mỗi ngày một tiêu-diệt đi. Hán-học không thích-hợp với thời, lẽ đó đã cố-nhiên rồi, nhưng hán-học là gốc của xã-hội luân-lý nước ta, nếu bỏ hẳn đi không được. Nay các trang Pháp-Việt không có dạy chữ nho nữa, hoặc theo chương-trình cũng có dạy chút đỉnh, nhưng cách dạy chắc không thành gì. Vậy chỉ còn có Quốc-tử-giám là có thể bảo-tồn được cái hán-học đã tàn, tức là bảo-tồn cái quốc-túy của nước Nam ta đó, vì đến ngày trong nước theo tây-học hết cả, không ai coi được những văn-chương sách vở của tiền-nhân để lại, thì còn đâu là cái tinh-hoa của đời trước nữa? Nay nếu Quốc-tử-giám cũng lại học theo chương-trình Pháp-Việt thì còn mong gì nữa? Vậy xin Triều-đình nghĩ ta lại mà sửa đổi thế nào cho cái cổ-học trong nước khỏi đến nỗi mất hẳn.

Theo ý riêng của bản-quán thì tưởng nên đặt Quốc-tử-giám làm một sở hán-học chuyên-môn, cái mục-đích là chỉ chuyên-trị về hán-học, khảo-cứu về sách nho mà thôi. Học-trò tốt-nghiệp ở đấy ra thì chia ra làm hai hạng: hạng thứ nhất là những người xét ra có tư-cách học-vấn thì đặt ra một « Tu-thư-cục » để bổ-nhiệm vào đấy cho ăn lương mà khảo-cứu về sách nho cũ, về quốc-sử, cùng soạn sách dịch sách ra quốc-văn. Hạng thứ nhì thì bổ cho vào làm việc ở Bộ Lễ, coi sóc việc triều-nghi, tế-tự, hộ lăng, v. v. hay là bổ làm chức phiên-dịch ở các tòa các bộ, vì những điển-lệ công-văn cũ bằng chữ nho thường phải tra-khảo đến luôn, sau này tất cần phải có người biết chữ mới dịch ra được.

Ấy đại-khái sửa đổi như vậy thì vừa bảo-tồn được cái học cũ, vừa rộng đường dụng nhân, không sợ sót mất nhân tài trong nước mà lại vừa giữ được cái nền-nếp của Quốc-tử-giám xưa nay.

Việc gạo kém đói. — Năm nay trong Nam ngoài Bắc, dân ta đâu đâu cũng đói kém. Nhất là ở Bắc-kỳ, gần khắp các tỉnh, thứ nhất là tỉnh Ninh-bình Hà-nam, dân nhà quê thiếu gạo ăn đói khổ lắm. Ba bốn mươi năm nay, không có bao giờ giá gạo cao như bây giờ, một gấp tới hai rưỡi! Đi đến đâu cũng nghe thấy ta-thán, thật là não lòng! Chính-phủ có cho phát chẩn mỗi đôi nơi nhưng như muối bỏ bể, có thấm vào đâu. Vụ mùa này sắp tới rồi, xem ra lúa cũng khá, vậy mong rằng độ vài ba tuần lễ nữa thời giá gạo sẽ sút dần đi và dân được đỡ cực-khổ. Nhưng mà cái đói năm nay phải đủ làm gương cho năm sau. Nói ra thì lỗi tại dân mình không hay phòng trước, lúc có gạo hễ thấy giá hời cứ bán đổ bán tháo đi, gặp khi hạn lụt mất mùa thì đành ngồi chịu đói. Các quan ta, nhất là quan phủ huyện gần dân nên hết sức hiểu-dụ cho dân biết phòng-bị thì mới khỏi cơ-cực. Sau nữa xin Chánh-phủ hễ thấy mùa nào kém thì sớm tiên-liệu mà hạ-lệnh hạn-chế ngay sự xuất-cảng, không những thế, nên sức cả cho dân biết trước mà phòng-bị, vì những kẻ cân gạo dầu không được phép xuất-cảng cũng vẫn thường đi các vùng quê chỗ nào có gạo thừa thì mua vét-lấy, chứa một chỗ, để tăng giá gạo lên, hoặc để chờ khi có phép được chở ra ngoài; cũng vì cớ ấy mà dân thiếu gạo ăn. — Báo *France Indochine* đã tra ra năm 1919 này, tuy vụ chiêm trước đã kém mà số gạo xuất-cảng nhiều hơn năm ngoái gần gấp đôi: năm 1918, tính từ đầu năm cho đến 11 Octobre tổng-số gạo xuất-cảng là 70.785 tấn; năm nay cũng từ đầu năm cho đến 11 Octobre tới 123.494 tấn, hơn năm ngoái những 52.709 tấn. Như thế trách chi mà dân chẳng đói kém!

Bàn về việc đề-chế. — Bản-báo tiếp được bài lai-cảo sau này bàn về việc đề-chế, xét ra lời-lẽ ôn-hòa, vậy đăng để mở rộng đường dư-luận :

« Ngày nay là buổi thương-chiến rất kịch-liệt, mới hơn một thăng mà phong-trào thương-giới, cổ-động gần khắp mọi nơi. Bắt đầu từ Nam-kỳ, dần dần bành-trướng đến Bắc-kỳ địa-diện. Kẻ xa người gần, ai ai cũng thấy nói đề-chế nhà quê kẻ chợ, đâu đâu cũng nghe nói đề-chế. Những học trò các trường, nào là hãm-trở không cho đi tàu hiệu, nào là ngăn cấm không được mua hàng Tàu. Than ôi ! thương-quyền nước ta bị người Khách chiếm-cứ đã lâu, nhất-đán đề-chế mà thu lại được, thì cũng nên lắm : nhưng thiết-tưởng dùng cách kịch-liệt mà đề-chế như vậy, đã xâm-phạm giới-hạn tự-do của loài người, lại không hợp chủ-nghĩa giao-thông trên thế-giới, sao bằng dùng cách ôn-hòa mà đề-chế cho êm-ái là hơn.

« Nay xem như hơn được kém thua tuy là lệ chung của thiên-diễn, mà cũng thực là lẽ chính của thương-quyền. Lẽ ấy chia làm hai lẽ : 1° thiên-nhiên đào-thải, 2° nhân-sự đào-thải. Bởi vì thường-tình người ta, ai cũng quí văn-hoa mà khinh hủ-lậu, ai cũng ưa tinh-xảo mà ghét xấu-xa. Của người văn-hoa tinh-xảo, mà của mình hủ-lậu xấu-xa, đã không hợp với thời-trang, thì tự-nhiên tiêu-diệt, lợi-quyền dần dần về tay người hết cả, ấy là đào-thải thuộc về thiên-nhiên. Của người văn-hoa tinh-xảo, mà mình cố gắng làm cho văn-hoa tinh-xảo hơn, đã chiếm được phần ưu-thắng thì tất-nhiên sinh-tồn, lợi-quyền dần dần có thể thu lại được, ấy là đào-thải thuộc về nhân-sự.

Bởi có nhân-sự đào-thải, mới sinh ra cạnh-tranh ; nhưng cạnh-tranh cũng có hai cách ; 1° cạnh-tranh có ý-thức, 2° cạnh-tranh không có ý-thức; góp nhiều tư-bản, để lập thành hội buôn, suy nghĩ trí-khôn, để làm đồ tốt, dùng chủ-nghĩa ôn-hòa mà đua ganh cho đến nơi đến chốn, ấy là cạnh-tranh có ý-thức. Chỉ nóng nẩy một thời mà không nghĩ cho bền chí, chỉ nói-năng ngoài miệng mà không suy ra thực-hành, dùng chủ-nghĩa kịch-liệt mà đua ganh không phải lẽ phải đường, ấy là cạnh-tranh không có ý-thức. Hai điều ấy tạo-nhân khác nhau, nên kết-quả cũng không giống nhau.

« Người An-nam ta đã có tính sùng-cổ thủ-cựu, lại có tính hiếu-tân mộ-kỳ, bởi vì sùng-cổ thủ-cựu, cho nên những vật chế-tạo, chỉ tuân theo mẫu mực của tiền-nhân, mà không chế được cách mới ; bởi vì hiếu-tân mộ-kỳ, cho nên những đồ thường dùng chỉ thích mua hóa-vật của ngoại-quốc, mà không hỏi đến của mình. Nay muốn thu lại thương-quyền, trước hết phải dem dư-luận mà hoán tỉnh nhân-tâm, khiến cho ai nấy đều biết làm ra đồ tốt đồ khéo, ai nấy đều biết, dùng hóa-vật của trong nước, thì không đến nỗi lậu-chi ra ngoài. Trăm kẻ bán, vạn người mua, cũng lòng hợp sức mới có thể đề-chế người ta được. Vì như người đau yếu đã lâu, tất phải suy xét bệnh-căn, mà dần dần ôn-bổ, thì tinh-thần mỗi ngày một hoàn-phục, khí-huyết mỗi ngày một lưu-thông. Nếu chữa chỉ dã vội cho *khương-quế đại-hoàng*, không những vô-ích, có khi lại hại đến tính-mạng.

« Nay những người nói đề-chế, không biết rằng đề-chế người Tàu, hay là đề-chế hóa-vật của Tàu ? Như bảo rằng đề-chế người Tàu, thì bây giờ là buổi văn-minh, ai ai cũng quí tự-do, trọng nhân-đạo, huống chi nước Tàu với nước mình cùng một giống da vàng, cùng một thứ văn-tự, văn-hóa cũ mấy nghìn năm trước, truyền-bá đều tự người Tàu, vì bằng có một người nói bậy, cũng không can-thiệp gì đến phần nhiều người, hà-tất phải đề-chế ? Như bảo rằng đề-chế hóa-vật của Tàu, thì hóa-vật của mình đã làm được hơn người Tàu hay chưa ? Những vật chế tạo như sa, như vân, thì nhiều Bình-định, thợ La-khê thấy cho hàng Tàu cũng được, đến như đồ sứ tuy đã có một hai lò nung đúc, vẫn chưa được trang-nhã như của Tàu, những vật thiên-sản, như trẻ, thuốc, vải vóc, thì nụ rớp seu, trẻ mạn rớp, thay cho trẻ Tàu cũng xong, đến như thuốc nam tuy cũng có năm ba vị thường dùng, nhưng vẫn phải cần dùng đến thuốc bắc. Hễ khi nào của mình đủ dùng mà khôn khéo hơn người, thì tự-nhiên hơn được kém thua, hà-tất phải đề-chế ? Nay chưa chế được đồ dùng tốt đẹp, chưa đủ tư-cách thương-mại, mà đã vội đề-chế, để thu lấy lợi-quyền, thì khác gì mới deo hột đã hòng ăn quả ngon, chưa đỗ nền đã muốn dựng nhà mới, mong cho thành-hiệu sao được ?

« Vả lại, phàm những hóa-vật buôn-bán, một phần thuộc về thiên-sản, một phần thuộc về nhân-công chế-tạo, mà những vật chế-tạo, phần nhiều bởi vì thiên-sản mà làm ra. Các nước trên địa-cầu này, khí-hậu thủy-thổ không

giống nhau, cho nên những vật thiên-sản đều tùy thổ- nghi mỗi nơi mỗi khác, xứ này có thức này, nước kia có vật kia, tất phải đi lại buôn bán, để mà đổi lẫn cho nhau, thì mới tiện-lợi. Cho nên các nước giao-thiệp, thương-giới đều có quyền tự-do, huống chi bây giờ bốn bể giao-thông, không phải là buổi đời bế-quan tỏa-cảng, có lẽ nào ngăn cấm người ta được? Vậy thì đồng-bào ta phải nên nghĩ trước nghĩ sau, một lòng một dạ, kẻ xuất-tài, người xuất-lực, đặt trường mỹ-nghệ, lập hội thông-thương, dùng chủ-nghĩa ôn-hòa, mà đua ganh cho tới mục đích, thương-giới mỗi ngày một khoáng-trương, thì tài-chính mỗi ngày một phát-đạt, lợi-quyền người Khách đã chiếm-cứ mấy trăm năm trước, chắc có một ngày phải hai tay đem dến tận nơi, mà trả lại cho mình».

PHẠM QUANG-SAN
Ngạc-đình

Một cách chế thuốc-lá An-nam. — Tôi mới tìm ra được một cách làm thuốc lá, gọi là «thuốc-lá nhà-quê ở Yên-thế», tưởng cũng nên đăng vào báo để các người đồng-bang ta ai có nghiện thuốc lá thì làm lấy mà hút để đỡ tiền mua. Các nhà chức-dịch trong hương-thôn cũng nên làm để mà đãi khách tiện lắm. Tục người An-nam tự quan đến dân, nhà quê đến tỉnh-thành, kẻ giầu đến người nghèo, khi khách vào nhà mình, thì dù thế nào cũng hoặc lấy nước trè Tầu, thuốc lào, thuốc lá, trầu cau để đãi, tùy kẻ sang người hèn. Vậy nếu làm thuốc lá nhà quê này để đãi khách, thì vừa không mất tiền mua lại vừa cũng có điều lịch-sự mà tiện lắm, khi đã có thuốc lá rồi thì không phải trầu cau nước nôi cũng được. Sự làm thuốc lá này thì dễ lắm, các người trong các hương-thôn và ở tỉnh-thành ai cũng có thể làm được, đắng bậc nào làm cũng được, chỉ qui hồ là làm thế nào cho có một miếng đất nhỏ cấy được thuốc thì thôi, là phỏng có cấy được độ 100 cây thuốc lá thì sau sẽ được 800 lá. nếu chăm ra thì sau mỗi lá sẽ to và dầy, mỗi lá lại thái sẽ quấn được 5, 6 điếu thuốc *cigarettes* là số tính non, vậy mỗi lá 5 điếu mà nhân với 800 lá thì sẽ được 4.000 điếu, nếu có 4.000 điếu thuốc thì trong một nhà vừa đãi khách vừa hút tính cho là một ngày 10 điếu, hơn bù kém cũng đủ dùng trong một năm, mà công làm thì không là mấy. Sự làm thuốc lá là một sự làm cách chơi bời, mà cũng là một sự tiêu-khiển, ví như các cụ hay các người thư-nhàn mà lúc không có việc gì hay đi dong, thì làm một vài luống thuốc-lá để buổn trong lúc sáng và chiều, càng thêm khỏe ra. Vậy sự trồng thuốc-lá thì kể từ khi trồng cho đến lúc lấy thuốc phơi cuốn thành điếu thuốc là tính những việc nhẹ cả, thí-dụ như thuốc đã trồng rồi cứ sáng dậy các ông hay đi hoặc ra phố ra ngõ dong, để hóng chút không-khí, thì nên đem thì-giờ ấy làm việc ở vườn-lá đem cái lẹm ra xem gốc cây thuốc, lá nào có sâu thì bắt đi và xem lá nào úa và sứt gẫy thì ngắt đi, đoạn xới vun kều đất cho cây thuốc-lá đôi chút, chiều chiều những lúc đi dong thăm nhà nọ để góp một vài câu truyện không đâu, tới nhà kia để hỏi bàn việc phần mình không dự đến, thì cũng nên đem thì-giờ ấy ra vườn thuốc thì có ích hơn, tay cầm cái kéo hay con dao cho sắc, cắt cái mụp các chánh thuốc và các lá úa đi, mỗi cây chỉ để từ 8 đến 10 lá cho nó mập, ấy cũng là một sự tiêu-khiển có ích, mà thường lại làm cho các bà nhà ta yêu mến hơn ra, bữa ăn thì thêm ngon, tối ngủ thì tốt giấc, sau lại ỏ thuốc hút chơi đỡ tốn tiền, tưởng các quí-ông nay chơi cảnh cây cối thì nên chơi cảnh thuốc-lá có ích hơn. Khi thuốc đã cao và lúc nào thấy lá thuốc đã có chấm chấm vàng, mà lá quan di quan lại rồi là dấu thuốc-lá đã chín, thì ngắt lấy lá dưới gốc trước đem xâu vào cái dây gai đem phơi. Sau lúc khô rồi những cơn có mưa phùn gió bấc không đi lại ra ngoài được, nếu lúc ấy nằm phưỡn trên ghế ngựa bảo con cháu lấy díp nhổ tóc sâu, nhổ râu bạc cho đỡ buồn, thì có lẽ lại thêm ra một sự nghĩ quanh, chẳng bằng lúc ấy đở thuốc lá khô ra hoặc quấn làm *cigare*, hoặc thái để cho vào điếu *Job* mà hút, tưởng cũng là một việc tiêu-khiển đỡ buồn trong khi mưa gió.

Vậy cách trồng thuốc và làm ra thuốc-lá để hút tôi cả dám kể ra như sau này.

Cứ như tôi mọn của tôi đã tìm ra và cứ sự thực tôi đã được hưởng từ 6, 7 tháng nay: tôi là người nghiện thuốc-lá mà không phải mua điếu thuốc lá nào của hiệu, tuy thuốc không khéo lắm, không tốt lắm, song là thuốc trồng lấy và làm lấy. Vậy không dám dấu để riêng ích một mình, nên muốn trình các quí-ông biết. Ai muốn làm thuốc lá thì trước hết phải làm đất cho nhỏ, cho phân ngựa hay phân trâu bò (không nên bỏ phân bắc vì sau hút khét),

rồi sào lẫn phân và đất cho nhỏ, đoạn đem hạt thuốc trộn vào cát để rắc cho đều. Rắc rồi thì lấy cái tre bẹt-bẹt mà vỗ nhẹ-nhẹ cho hột thuốc giẽ xuống, cho kiến khỏi cõng và khỏi gió bay đi, đoạn tưới mỗi ngày 2 lần, mà tưới thì tùy xem đất vừa ướt thì thôi, cứ thế mãi cho đến khi thuốc đã 8, 9 lá và cao độ 20 phân tây thì đem trồng, mà trước khi trồng phải làm luống, đất đập cho nhỏ, chỗ trồng phải cao cao thoát nước. Lúc trồng thì bổ hốc, cứ độ 90 phân một hốc. mỗi hốc hoặc bỏ phân phốt-phát, hoặc bỏ phân bò phân trâu (mà phải phân mục), lấy tay bóp nhỏ trộn lẫn với đất, đoạn đánh cây thuốc-lá mà trồng, khi trồng thì nên để cây thuốc-lá cho thẳng, rễ nó cho ngay rồi hãy vùi đất, xong rồi tưới luôn, mà tưới đủ ướt đất thôi, không nên tưới nhiều, từ khi trồng thuốc rồi, thì sáng nào cũng phải xem có sâu thì bắt, khi thuốc đã bén chân rồi, thì những lá thuốc sa ở dưới đất nên ngắt đi bỏ vào một cái vại, vại ấy đổ nước đầy rồi bỏ lá thuốc đã ngắt đi ấy vào đấy để 9, 10 ngày thối ra thì lại gạn lấy nước ấy mà tưới cho cây nó, sau thuốc lá thơm lắm các tránh các mụp cây thuốc cũng cứ bỏ vào đấy cho nó thối rồi gạn lấy nước mà tưới, nếu có 5, 3 bánh khô dầu, hay 5. 3 bát đậu tương bỏ vào vại ấy thì lại càng tốt hơn, sau khi thuốc lớn thì cắt tránh đi chỉ để mỗi cây 8, 9, 10 lá mà thôi, thì lá thuốc sẽ mập, khi nào thấy lá thuốc đã chấm chấm vàng và đã quăn đi quăn lại, đó là thuốc đã chín, thì tỉa dần lá dưới trước, xâu từng lá vào cái giây phơi trong bóng mát cho khô, để độ một tháng hay hơn tùy ý, rồi quấn làm thuốc *cigares* nhà quê hay là thái ra làm *cigarettes* nhà quê. Lúc làm thì trước hết nấu nước sôi đem lá thuốc ra giũng vào nước để 3. 4 phút cho thuốc chết cái dựa (*nicotime*) nó đi rồi đem ra rửa nước lã, tùy người thích hút nặng thì rửa ít, thích hút nhẹ thì rửa nhiều, càng rửa nhiều thì tàn thuốc càng trắng, đoạn rồi đem rượu vẩy vào thuốc lá phơi trong nhà cho nó xe (một cân thuốc lá thì một cốc nhỏ rượu An-nam), nếu muốn làm *cigares* thì lấy lá xấu sắp cho điều để thẳng, sau lấy lá tốt làm áo, lúc quấn thì để trên một mảnh vải bao cho trơn mà đặt lá thuốc xuống, có ý để đầu hút thì ít ít lá thuốc, đầu để đốt thì nhiều nhiều lá, còn ở giữa thì nhiều, tùy điếu thuốc to bé, đoạn quấn lại nhẹ nhẹ tay, mà quấn thì cái lá áo phải quấn từ đầu to quấn lại, để lúc hút thì cái mép lá thuốc ở điếu thuốc nó không bật ra, vì cạnh lá thuốc trong để lấy cạnh lá thuốc ngoài, lúc hút thì điếu thuốc cháy ở trên cháy xuống, cạnh lá trong vẫn giữ lấy cạnh lá ngoài. nếu mà làm *cigarettes* thì thái nhỏ đoạn mua giấy quấn, có nhiều người nghĩ lầm rằng: thuốc lá khô của người ta mua ở chợ về thì phơi ra rồi quấn lại làm *cigares* hay thái mà hút sống được, nếu thuốc-lá mà để nguyên sống không làm cho chín đi thì cái dựa (*nicotime*) nó không bao giờ khô. hôm nay phơi nó khô, mai nó lại ẩm, mà hút thì khai khai mà nặng lắm, có khi thường làm cho người hút phải say lắm. Từ tháng 5 vừa rồi đến nay tôi đã thử nhiều cách, rồi mới tìm thấy tí chút kiến hiệu, nhưng cũng đã được như ý, các thứ thuốc ấy tôi đã thử làm thì các quan Tây có một hai ông đã thử hút cũng khen và làm chứng rằng là khá khá, mà người An-nam ta hút thì cũng khen thuốc là đã ngon, vậy tôi tưởng nên kể ra để ông nào muốn dùng cho đỡ tốn tiền thì nên cứ cách ấy mà làm, trước là trong nhà có việc làm tiêu-khiển mà sau là để đãi khách là của tay mình làm ra, tuy thuốc kém không ngon bằng thuốc hiệu, nhưng mà không mất tiền mua, không kể các ông ở gần thành phố. chớ ở dân thôn ở gần thành phố thường có dùng thuốc lá quấn luôn, nếu tính tiền mua thuốc ra thì trong một năm cũng đã hết nhiều, mà cũng có khi khách vào nhà rồi lỡ hết, sai chạy đi mua thì cũng không có sẵn nữa.

ĐINH QUANG-CHIỂU
Tri-phủ Yên-thế (Bắc-giang)

Giới-thiệu sách mới. — 1 — *Thơ Ngụ-ngôn* của LA FONTAINE tiên-sanh diễn quốc-âm. Les Fables de La Fontaine traduites *par* NGUYỄN VĂN-VĨNH. Giá: 0$15. — Hanoi, *Imprimerie du Trung-Bắc-tân-văn*, 1919.

Tập này là ông NGUYỄN VĂN-VĨNH họp những bài dịch thơ ngụ-ngôn của ông đã đăng trong báo *Đông-dương-tạp-chí* hồi trước, và có thêm ít bài mới nữa. Kể thơ Ngụ-ngôn LA FONTAINE thời đã nhiều người dịch ra quốc-ngữ, thường-thường là thoát-dịch lược-dịch, chớ không chủ lấy đúng với nguyên-văn. Đây ông VĨNH dịch chọi từng câu như trong văn tây, lắm chỗ bắt chước được cả giọng cả điệu tây. Đọc phải đối-chiếu với bản chữ tây mới biết dịch-giả đã dụng công. Văn dịch lời rất giản-dị, dầu người ít học đọc cũng dễ hiểu.

Sách này không những có ích cho trẻ con thích nghe những chuyện súc-vật có ám-chỉ việc đời người, mà người lớn đọc cũng có lý-thú.

* * *

2 – Trần Trọng-Kim. 初學倫理教科書. *Sơ-học luân-lý*. Morale à l'usage du cours élémentaire des écoles primaires. — Hanoi, Imprimerie du Trung-Bắc-tân-văn. 1919.

Sách « Luân-lý » mới của ông Trần Trọng-Kim là soạn theo chương-trình lớp sơ-đẳng các trường tiểu-học, chia ra làm bốn mục: 1° Gia-tộc luân-lý; 2° Học-đường luân-lý; 3° Bổn-thân luân-lý; 4° Xã-hội luân-lý; mỗi mục chia từng bài, mỗi bài chia ra từng đoạn, sau lại toát-yếu đại-ý trong bài, dưới lại chú-thích những tiếng khó, có chữ nho có nghĩa tây; thật là hợp với thể-thức các sách giáo-khoa và trúng với phép sư-phạm. Lời lẽ giản-dị, ý-tứ bình-thường, vừa với trình-độ những trẻ con lên 8 lên 10 tuổi. Sách này đáng làm bộ chỉ-nam cho sự dạy luân-lý ở các trường tiểu-học.

* * *

3 – *Nam-nhân thương-mại yếu-luận* 南人商貿要論 của Phạm Văn-Duyệt. Giá 0$95 – Hanoi, Imprimerie Tonkinoise.

Đương lúc quốc-dân nhiệt-thành về sự buôn-bán, những sách gì bàn về buôn-bán, dạy về cách-thức trong nghề buôn-bán, chắc ai ai cũng muốn đọc. Nhất là người làm sách lại là người thạo nghề thời sách lại có ích lắm. Ông Phạm Văn-Duyệt vốn là một tay chuyên-môn kiểm-giữ sổ-sách cho các nhà buôn (*expert comptable*), các việc thương-mãi ông rất là am-tường. Năm trước ông có soạn một quyển *Nam-nhân thương-mại yếu-luận*, tóm tắt những điều cần biết về việc buôn-bán để khuyên như cho các nhà buôn ta biết sắp đặt công việc cho chỉnh-đốn, biên-giữ sổ-sách cho phân-minh. Tưởng không những người sắp ra buôn-bán nên đọc cho biết các phương-lược về nghề buôn, mà người đã buôn-bán rồi cũng nên đọc cho chỉnh-lý mọi việc. Thật là một quyển sách có ích lắm. — Sách chia làm ba tiết, trên có một bài tổng-luận. Tiết thứ nhất bàn về việc dùng-vốn lập-hội — Tiết thứ nhì về việc chuyển-vận hàng-hóa, về đơn-từ giấy má trong việc buôn-bán, về các thương-phiếu tín-phiếu, về cách kinh-lý các cửa hàng. — Tiết thứ ba dạy về giữ sổ-sách; sau lại có phụ-lục một cách tính bàn tính mới.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC »

Biên-bản kỳ hội-đồng ngày 15 Octobre 1919. — Ngày thứ tư 15 Octobre 1919, hồi 4 giờ chiều, hội « Khai-trí tiến-đức » có họp hội-đồng những hội-viên hiện ở Hà-nội tại nhà hội Trí-trí ở phố Hàng-Quạt để nghe ông Phạm Mạnh-Xứng hội-viên tỏ bày một cách lập hội-quán cho Hội.

Tọa-chủ là quan cai-trị Marty, chánh-chủ-hội.

Có dự hội-đồng là những ngài kê tên sau này:

Hoàng Trọng-Phu, Nguyễn Hữu-Thu, Choulet, Saint-Marty, Thân Trọng-Huề, Trần Văn-Thông, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Phạm Duy-Tốn, Bùi Đình-Tá, Nguyễn Văn-Vĩnh, Trần Trọng-Kim, Vũ Ngọc-Oánh, Nguyễn Năng-Quốc, Nguyễn Bá-Trác, Nguyễn Kim-Lân, Nguyễn Văn-Kỳ, Vũ Huy-Trực, Trần Nhật-Dũng, Nguyễn Đăng-Thu, Đoàn Ký, Lê Đức-Hoạt, Phan Như-Khê, Hà Văn-Ngoạn, Trần Ngọc-Điền, Mạc Đình-Tư, Dương Trung-Giao, Sơn Xuân-Hoan, Lê Vũ-Bỉnh, Nguyễn Gia-Huy, Vũ Đan-Phong, Mai Du-Lân, Trịnh Đình-Long, Trịnh Văn-Hợi, Trần Văn-Quả, Nguyễn Văn-Thoa (Phúc-Thành), Vũ Đăng-Minh (Minh-Ký), Vương Văn-Trọng (Chính-Hiện).

Ông Donnadieu bận việc, có lời cáo.

Nhân các hội-viên đến đông, vả lấy Hội là gồm những bậc thượng-lưu trí-thức trong nước nên chú-ý vào những vấn-đề hiện-thời, quan chánh Chủ-Hội Marty có đứng lên diễn mấy lời về cái phong-trào đề-chế đồ hàng khách mới xuất-hiện ra trong nước ngót hai

tháng nay. Đại-khái ngài khuyên các hội-viên nên xem xét cho kỹ việc kinh-tế trong nước, muốn tranh-thương với người Khách thì phải dùng cách ôn-hòa thận-trọng, không nên bạo-động mà thành ra bại-sự, và thứ nhất phải biết rằng người Tàu tuy có chiếm lợi-quyền nhiều của người An-nam, nhưng lại vừa là tay mua hàng to cho nước Nam, thóc gạo xứ này phần nhiều là người Tàu mua cả — người An-nam nên hết sức thu lấy lợi-quyền của mình, nhưng không nên bài-trừ người Khách đến mua hàng mình ; phép tranh-thương phải như thế, chớ không dùng cách đề-chế mà thành được. Vậy xin các hội-viên nên khuyên nhủ đồng-nhân để giữ cho việc tranh-thương được ôn-kiện thời mới mong thành-hiệu được.

Quan Chánh Chủ-Hội Marty nói xong, thì đến quan Phó Chủ-Hội Hoàng Trọng-Phu giải cái ý của Hội từ trước đến nay vẫn muốn lập một nhà hội-quán để làm chỗ đi lại họp tập cho các hội-viên, mà chưa tìm được cách nào là tiện-lợi ; nay có ông hội-viên Phạm Mạnh-Xứng có ý muốn tỏ bày một cách lập hội-quán cho mau thành, vậy xin hội-đồng để ông Phạm giải rõ ý-kiến thế nào.

Quan Hoàng nói xong thì truyền lời cho ông Phạm Mạnh-Xứng trình bày ý-kiến.

Ông Phạm Mạnh-Xứng tỏ rằng ông có một cái đất diện-tích 1.750^{m2} ở vào góc con đường số 85 và đường Henri d'Orléans, đất ấy ông định cất nhà để làm việc buôn-bán. Nay ông muốn bàn với Hội ba cách như sau này :

1° Ông xuất tiền làm nhà cho Hội thuê lại. Ông tính cả nhà cả đất giá phỏng là 14.000 $, cứ lãi 1 phần 2 lại rưỡi một tháng, tức là 15 °/o một năm (là theo số lãi của nhà Băng thường cho người An-nam vay) thì số tiền ấy mỗi tháng lợi-tức được 175 $ 00. Hội thuê thì ông cũng lấy giá thuê mỗi một tháng bấy nhiêu, hạn thuê là 3 năm.

2° Hội xuất ra trước 3.000 $. Ông xin chịu lãi cũng mỗi tháng 1 phần 2 lại rưỡi thành ra 37 $ 50. Hạn thuê 3 năm tức là 36 tháng, tiền vốn của Hội 3000 $ chia ra 36 tháng thành 83 $. Vậy thời ông cầm của Hội mỗi tháng 83 $ + 37 $ 50 = 120 $ 50. Nhưng cứ như trên kia tính, tiền thuê mỗi tháng phải 175 $, vậy Hội còn phải trả ông mỗi tháng 175 $ — 120 $ 50 = 54 $ 50. Hết hạn thuê 3 năm thì Hội hết số tiền 3000 $.

3° Nhà đất giá phỏng là 14000 $. Nếu Hội chịu xuất ra một nửa tiền là 7000 $, thì Hội sẽ lấy một từng trên gác, ông giữ từng dưới làm nhà khách-sạn. Hạn 3 năm ông lại trả lại Hội số 7000 $ ấy. Nghĩa là Hội không phải tiền thuê mà ông không phải chịu lãi.

Ý ông muốn hỏi Hội trong ba cách ấy ưng thuận cách nào.

Các hội-viên bàn qua một vài lời, rồi định ủy cho tiểu-hội-đồng chuyên về việc dựng nhà hội-quán xét kỹ lời bàn của ông Phạm Mạnh-Xứng, hạn trong 15 hôm báo-cáo cho tòa trị-sự quyết-nghị. Lại định đặt cử thêm năm ông hội-viên để giúp việc tiểu-hội đồng ấy.

Tiểu-hội-đồng nguyên có 5 ông như sau này :

Ông Nguyễn Hữu-Thu
— Mai Du-Lâm
— Nguyễn Kim-Lân
— Hoàng Kim-Bảng
— Hoàng Quang-Hương

Năm ông cử thêm như sau này :

Quan Thân Trọng-Huề
Ông Choulet
— Bùi Đình-Tá
— Nguyễn Văn-Vĩnh
— Phạm Quỳnh

Hai tiểu-hội-đồng sẽ họp làm một, cả thảy 10 ông, quan Thân Trọng-Huề làm chủ hội, tùy tiện họp để xét cho mau việc.

Đến 6 giờ thì hội-đồng tan.

Biên-bản kỳ hội-đồng tòa trị-sự ngày 30 Octobre 1919. — Ngày thứ năm 30 Octobre 1919, hồi 8 giờ 1/2 chiều, tòa trị-sự hội Khai-trí cùng tiểu-hội-đồng về hội-quán có họp tại nhà Hội Trí-trí để bàn về việc lập hội-quán cùng mấy việc khác nữa.

Đến dự hội-đồng có các ngài như sau này : Marty, Hoàng Trọng-Phu, Thân Trọng-Huề, Trần Văn-Thông, Nguyễn Hữu-Thu, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Đào Văn-Sử, Hoàng Quang-Hương, Mai Du-Lân.

Ông Phạm Mạnh-Xứng cũng có dự hội.

Lại có quan cai-trị Darles, nguyên Hội-đồng trị-sự thay mặt Hội mới mời vào chân chủ-trì, cũng đến chứng-kiến việc hội-đồng.

Các việc hội-đồng phải bàn chia ra mấy mục như sau này :

1° Xét lời bàn của ông Phạm Mạnh-Xứng về việc lập hội-quán.

2° Bàn lại về việc xin cái đất nhà thư-viện cũ ở phố Hàng Trống và cách-thức dựng nhà hội-quán ở đất ấy.

3° Mời quan Thống-sứ Bắc-kỳ làm danh-dự hội-chủ.

4° Định ngày đại-hội-đồng.

Nhân có quan Phó Thống-sứ Darles đến chứng-kiến, quan Hội-chủ Marty có nói mấy lời mừng ngài ; quan Darles trả lời cám ơn hội-đồng trị-sự đã có bụng yêu mời ngài vào chân chủ-trì, ngài lấy làm vui lòng mà nhận chức ấy, ngài rất ưng cái chủ-nghĩa của Hội Khai-trí lắm, từ nay ngài sẽ hết sức giúp cho Hội được thịnh-vượng.

Đoạn rồi, Hội-đồng bàn về các việc trong chương-trình.

Trước nhất xét lời bàn của ông Phạm Mạnh-Xứng (tức Đông-phố) về việc lập hội-quán. Việc ấy đại-hội-đồng ngày 15 Octobre đã ủy cho một tiểu-hội-đồng xét. Tiểu-hội-đồng ấy có quan Thân Trọng-Huề làm chủ đã họp và bàn kỹ các khoản, có lập biên-bản trình hội-đồng. Ông Phạm Quỳnh đọc tờ biên-bản cho hội-đồng nghe. Theo lời biên-bản ấy thời tiểu-hội-đồng xét trong ba cách của ông Đông-phố bàn chỉ có cách thứ ba là Hội có thể nhận được, nghĩa là cách trao cho 7000$ trước để ông làm nhà, rồi Hội ở từng trên gác, mãn ba năm Hội rọn đi, ông sẽ trả lại Hội 7000$ ấy ; tiểu-hội-đồng lại nghĩ định cả các cách-thức thi-hành thế nào tiện cho Hội.

Hội-đồng nghe đọc tờ biên-bản xong thì quan Hội-chủ cám ơn tiểu-hội-đồng đã bàn xét các khoản tinh-tế như vậy, cám ơn ông Đông-phố đã chịu khó lập bản-đồ cùng mưu-tính việc hội-quán cho Hội ; nhưng ngài nói rằng gần đây ngài có thương-thuyết lại với Phủ Thống-sứ về cái đất nhà Thư-viện cũ ở phố hàng Trống thì xem ra phủ Thống-sứ cũng ưng nhượng cho Hội cái đất ấy ; vả ngài xét cái đất phố hàng Trống ở vào trung-tâm thành-phố Hà-nội địa-thế sánh với cái đất ông Đông-phố còn hơn nhiều, vậy tưởng Hội có muốn dựng nhà thì dựng nhà ở đấy là hơn cả. — Cả hội-đồng đều ưng-thuận như thế, và xin thôi việc điều-đình với ông Đông-phố.

Quan phó Thống-sứ Darles cũng nối lời với quan Marty và hứa rằng ngài sẽ hết sức thương-thuyết với quan Thống-sứ để xin nhường cho Hội cái đất nhà Thư-viện cũ, hoặc cứ luật-lệ không có phép nhượng hẳn thời ngài sẽ tìm cách cho Hội thuê một hạn rất dài, ước 30 năm, và mỗi năm chỉ lấy một đồng bạc hay là một quan tiền thuê cho phải phép, như vậy thời Hội có thể dựng nhà được không ngại gì. — Ngài lại hứa rằng hoặc Hội không đủ tiền làm nhà thì ngài sẽ

liệu cách xin quan Thống-sứ phụ-cấp cho ít nhiều.—Cả hội-đồng đều một lời cám ơn quan Darles đã có bụng giúp Hội như vậy, và ủy ngài thay mặt Hội thương-thuyết với quan Thống-sứ cho được.

Đoạn rồi, bàn đến cách-thức dựng nhà, nếu được cái đất phố hàng Trống thì nên dựng thế nào? Cái đất ấy địa-thế thật tốt, nhưng khi hẹp, song Hội cũng mong rằng sau này có thể mua thêm được cái đất ở bên cạnh, ráp đến vua Lê. Hiện nay thời hãng nên tính việc dựng nhà ở một khu đất thư-viện của Chánh-phủ sắp nhượng cho mà thôi. Cả hội-đồng thuận rằng nên mở một cuộc thi kiểu nhà, hễ kiểu nào đẹp nhất và hợp với cách-thức Hội thì sẽ phát-thưởng. Cuộc thi ấy thì quan chánh Chủ-hội Marty, phó Chủ-hội Hoàng Trọng-Phu sẽ cùng với tiểu-hội-đồng về hội-quán định thể-thức sau này, ước rằng sẽ kịp vào kỳ đấu-xảo hội Mỹ-nghệ Bắc-kỳ cuối năm này để đem các kiểu thi ra bày ở đấu-xảo.

Đoạn rồi, quan Marty trình với Hội-đồng rằng ngài đã thay mặt Hội viết thơ mời quan Thống-sứ Bắc-kỳ Rivet nhận chức danh-dự hội-chủ (*Président d'honneur*), thì quan Thống-sứ cũng đã có giấy trả lời và khen cái mục-đích của Hội.

Còn việc định ngày đại-hội-đồng thì cả Hội-đồng thuận để đến dịp hội-chợ Hà-nội cuối năm nay, cho tiện những hội-viên các tỉnh về xem hội chợ nhân thể.

Đến 10 giờ thì hội-đồng tan.

Tên các ông xin vào Hội trong tháng Octobre. — Trong tháng Octobre có những ông kê tên sau này mới gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng không ai dị-nghị thời được nhận vào chân Hội-viên.

A. *Xin vào chân chủ-trì*

Ông Bùi Bành, tri-phủ Quảng-oai, Sơn-tây.

— Nguyễn Văn-Thọ, chef de trains à la Compagnie du Yun-nan, à La-ha-ti (Yun-nan).

B. *Xin vào chân thường-hội-viên*

Ông Lê Đình-Hòe, làm ruộng ở làng Phù-bài, tổng Lương-văn, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên (Trung-kỳ), hiện đương làm lính đóng ở đồn Phan-ri.

— Lê Văn-Thiệp, tiên-chỉ làng Bộ-la, tổng Đội-trạch, huyện Võ-tiên, Thái-bình.

— Nguyễn Như-Trúc dit Đoan, Assistance Médicale, Hà-giang.

— Nguyễn Văn-Lập, thừa-phái huyện Yên-sơn, Tuyên-quang.

* * *

Chủ-trì-hội-viên mới. — Các ông xin vào chân chủ-trì-hội-viên có tên đăng trong báo số 26 (trang 198) nay đã hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Novembre 1919. Cả thảy có 6 ông, lược kê như sau này:

Ông Bùi Phụ-Kinh — Lý Hữu-Dư — Nguyễn Đình-Phúc — Nguyễn Hữu-Ích — Phạm Chúc — Phạm Huy-Thành.

* * *

Thường-hội-viên mới. — Các ông xin vào chân thường-hội-viên, có tên đăng trong báo số 26 (trang 198) nay đã hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Novembre 1919. Cả thảy có 7 ông, lược kê như sau này.

Ông Dương Long — Phan Văn-Uyên — Trần Gia-Hội — Trần Ngọc-Trỉ — Trương Hữu-Đức — Trương Văn-Cần — Vũ Văn-Thế.

* * *

Lời rặn. — Các ông có giấy xin vào Hội, chiếu lệ cứ lần lượt đăng tên lên báo. Xin các ngài hội-viên ngài nào có dị-nghị điều gì về ông nào thời trong hạn hai tháng kể từ khi đăng báo viết thơ về nói rõ sự-tình cho biết. Nếu ngoại-hạn rồi mới viết thơ thời chậm quá. Xin các ngài chú-ý cho.